

Số: 2961/TTr-UBND

Cao Bằng, ngày 14 tháng 11 năm 2022

TỜ TRÌNH
Ban hành Nghị quyết về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội
năm 2023 tỉnh Cao Bằng

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Thực hiện Thông báo số 367/TB-HĐND ngày 29/9/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng dự kiến thời gian, nội dung, chương trình và phân công chuẩn bị nội dung cho Kỳ họp thường lệ cuối năm 2022 Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII, nhiệm kỳ 2021-2026, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua Nghị quyết ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (PTKTXH) năm 2023 tỉnh Cao Bằng như sau:

I. CĂN CỨ VÀ SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung tại Luật số 47/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; Công văn số 5032/BKHĐT-TH ngày 22/7/2022 của Bộ Kế hoạch và đầu tư về việc hướng dẫn đánh giá thực hiện Kế hoạch PTKTXH năm 2022, dự kiến Kế hoạch PTKTXH năm 2023.

Việc xây dựng Nghị quyết ban hành Kế hoạch PTKTXH năm 2023 nhằm cụ thể hóa mục tiêu, từng chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, đảm bảo đúng, đủ trên cơ sở khai thác hợp lý và hiệu quả tiềm năng, lợi thế của tỉnh và phục vụ chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với thực tế trong năm.

Việc xây dựng Nghị quyết ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 của tỉnh Cao Bằng nhằm thực hiện đúng và có hiệu quả mục tiêu, chỉ tiêu kinh tế - xã hội theo Nghị quyết của Đại hội đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XIX (nhiệm kỳ 2020 - 2025) và phù hợp với Quy hoạch, điều kiện, chủ trương, chính sách và tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh trong năm 2023. Như vậy, việc xây dựng Nghị quyết ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 tỉnh Cao Bằng là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Mục đích

Xác định mục tiêu, các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2023 phù hợp với tình hình thực tiễn, phù hợp với các mục tiêu của Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XIX (nhiệm kỳ 2020 - 2025) và Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Quan điểm chỉ đạo

Việc xây dựng nghị quyết dựa trên quan điểm là phải căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của trung ương, căn cứ vào tình hình thực tế của tỉnh để xây dựng các mục tiêu, chỉ tiêu phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương.

Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh là một nhiệm vụ quan trọng để phát triển nhanh và bền vững; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Đảm bảo thực hiện có hiệu quả và khai thác hợp lý nguồn tài nguyên, tiềm năng của tỉnh, phù hợp với các yếu tố khách quan và chủ quan trong tình hình mới.

Đảm bảo thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án, kế hoạch của Trung ương, của tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của các cấp trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2023.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

- Căn cứ nội dung kỳ họp thường lệ cuối năm 2022 của HĐND tỉnh khóa XVII tại Thông báo số 367/TB-HĐND ngày 29/9/2022, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 2532/UBND-TH ngày 30/9/2022, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, tổng hợp xây dựng dự thảo Nghị quyết Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2023 tỉnh Cao Bằng.

- Dự thảo Nghị quyết được cơ quan chủ trì soạn thảo đã thực hiện lấy ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân các huyện, thành phố. Trên cơ sở các ý kiến tham gia góp ý của các đơn vị, cơ quan soạn thảo đã tiếp thu chỉnh sửa, thống nhất, hoàn thiện dự thảo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 tỉnh Cao Bằng, Dự thảo Nghị quyết Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 tỉnh Cao Bằng của Hội đồng nhân dân tỉnh.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Bố cục gồm các phần sau:

- Căn cứ ban hành Nghị quyết.
- Các mục tiêu, chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2023.
- Những giải pháp chủ yếu.

2. Nội dung cơ bản

2.1. Mục tiêu tổng quát:

Năm 2023 là năm giữa nhiệm kỳ, có ý nghĩa quan trọng trong việc đẩy mạnh thực hiện và phấn đấu hoàn thành mục tiêu của các kế hoạch 5 năm 2021 – 2025. Cần tiếp tục củng cố, phát huy nền tảng kinh tế của tỉnh, cải thiện môi trường đầu tư để thu hút tối đa các nguồn lực cho hoạt động đầu tư phát triển, thúc đẩy tăng trưởng bền vững. Phát triển kinh tế cần đi đôi với phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, an sinh xã hội, công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân; tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, tinh gọn bộ máy quản lý nhà nước; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác chỉ đạo điều hành và thực thi pháp luật. Tăng cường hoạt động thông tin truyền thông, tạo sự đồng thuận cao trong nhân dân tỉnh Cao Bằng. Đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Củng cố quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

Kế thừa, phát huy những kết quả đã đạt được và khí thế trong năm 2022, đồng thời khắc phục những khó khăn hạn chế còn tồn tại nhằm thực hiện có hiệu quả các Chương trình, Đề án, của Trung ương, của Tỉnh về phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội năm 2023.

2.2. Dự kiến các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2023

2.2.1. Chỉ tiêu kinh tế

(1) Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tăng 8%, trong đó: Nông, lâm, ngư nghiệp tăng 3,1%; Công nghiệp, xây dựng tăng 11,71%; Dịch vụ tăng 8,35%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 8,4%.

(2) GRDP bình quân đầu người 43,97 triệu đồng.

(3) Giá trị sản phẩm trồng trọt, nuôi trồng thủy sản trên 1 đơn vị diện tích (ha) đạt trên 46 triệu đồng.

(4) Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu qua địa bàn (bao gồm cả giá trị hàng hóa giám sát) đạt 638 triệu USD. Trong đó kim ngạch nhập khẩu đăng ký tại địa bàn 396 triệu USD, kim ngạch xuất khẩu đăng ký tại địa bàn 132 triệu USD; giá trị hàng hóa giám sát 110 triệu USD.

(5) Thu ngân sách trên địa bàn đạt 2.838 tỷ đồng. Trong đó: thu nội địa 1.638 tỷ đồng, thu thuế xuất nhập khẩu 1.200 tỷ đồng.

(6) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng trên 11%.

(7) Khởi công dự án đường bộ cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) – Trà Lĩnh (Cao Bằng); Tỷ lệ chiều dài các tuyến đường huyện, đường xã được nhựa hóa/ bê tông hóa mặt đường 82,5%; Tỷ lệ xã có đường đến trung tâm xã được nhựa hóa/ bê tông hóa 99,38%.

2.2.2. Chỉ tiêu văn hóa - xã hội:

(8) Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Xây dựng trường chuẩn quốc gia tăng thêm 6 trường mầm non và phổ thông.

(9) Duy trì 15 bác sỹ/vạn dân; tỷ lệ số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã đạt 82%; 35 giường bệnh/vạn dân; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế 97%.

(10) Tỷ lệ gia đình văn hóa duy trì 85%; tỉ lệ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa duy trì 95%; tỉ lệ khu dân cư văn hóa 58%;

(11) Giảm tỷ lệ hộ nghèo trên 4%.

(12) Tỷ lệ lao động qua đào tạo 50%, trong đó tỷ lệ qua đào tạo nghề lên 37,4%; tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị dưới 3,25%.

(13) Số xã được công nhận đạt tiêu chí nông thôn mới tăng thêm đạt 03 xã trở lên.

2.2.3. Các chỉ tiêu về môi trường:

(14) Tỷ lệ che phủ rừng đạt 57,83%.

(15) Phần đầu đạt 86,5% dân cư thành thị được dùng nước sạch, 93% dân cư nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh.

(16) Số hộ chăn nuôi đưa gia súc ra khỏi gầm sàn nhà tăng thêm 1.909 hộ.

(17) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt khu vực đô thị được xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt 87%; tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 87,5%.

2.3. Những giải pháp chủ yếu

a) Nông, lâm, ngư nghiệp

Rà soát diện tích đất nông nghiệp chưa sử dụng hoặc sử dụng kém hiệu quả để chuyển đổi sang cây trồng khác cho năng suất và hiệu quả kinh tế cao hơn. Làm tốt công tác dự tính, dự báo, thường xuyên kiểm tra đồng ruộng, phát hiện sâu bệnh hại và có biện pháp tổ chức phòng trừ kịp thời, không để lây lan thành dịch. Tăng cường công tác quản lý giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật tại các huyện, Thành phố. Tiếp tục triển khai các dự án nông nghiệp thông minh. Đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu lại chăn nuôi, cơ cấu lại giống vật nuôi theo hướng nâng cao năng suất và giá trị, tiếp tục triển khai các giải pháp chuyển đổi từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi tập trung gia trại, trang trại. Tập trung thu hút và hỗ trợ để các dự án chăn nuôi tập trung sớm đi vào hoạt động như dự án trang trại chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa TH-TrueMilk. Thực hiện tốt công tác phòng trừ dịch bệnh gia súc, gia cầm, phòng, chống rét và chủ động thức ăn cho đàn gia súc, gia cầm trong mùa đông. Tập trung triển khai sớm các dự án trồng rừng năm 2023. Ứng dụng khoa học công nghệ về trang thiết bị khai thác, chế biến, công nghệ tiên tiến trong sản xuất nhằm đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao giá trị. Làm tốt công tác bảo vệ phòng chống cháy rừng, ngăn chặn có hiệu quả việc khai thác, vận chuyển, buôn bán lâm sản trái phép. Triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng

nông thôn mới. Thúc đẩy, hỗ trợ một số cơ sở sản xuất hoàn thiện chất lượng sản phẩm để đạt tiêu chuẩn OCOP 3 sao và 4 sao cấp tỉnh.

b) Công nghiệp

Tiếp tục triển khai các giải pháp đảm bảo nguyên liệu cho các nhà máy chế biến khoáng sản đang hoạt động. Tạo mọi điều kiện cần thiết cho các nhà máy chủ lực (nhà máy sản xuất phôi thép, sản xuất Feromangan, sản xuất chì thỏi, tinh quặng chì, kẽm) sản xuất hoàn thành kế hoạch đảm bảo giá trị tăng trưởng của ngành. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án Khai thác lộ thiên khoáng sản Niken-Đồng hoàn thành theo kế hoạch. Tìm kiếm, thúc đẩy các nhà đầu tư vào đầu tư cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà máy tại khu công nghiệp Chu Trinh; xây dựng cụm công nghiệp Hưng Đạo, cụm công nghiệp miền Đông. Thúc đẩy phát triển mạnh các ngành nghề truyền thống, TTCN phục vụ du lịch. Khuyến khích các doanh nghiệp tăng cường đầu tư chiều sâu, đổi mới thiết bị công nghệ để sử dụng tiết kiệm nguồn nguyên liệu, năng lượng, tăng năng suất, hạ giá thành và bảo vệ môi trường. Tăng cường kết nối sản xuất công nghiệp chế biến với nông nghiệp đối với các sản phẩm có lợi thế gắn với các Chương trình trọng tâm, trọng điểm của tỉnh, góp phần thúc đẩy phát triển các chuỗi giá trị sản phẩm hàng hóa mới trên địa bàn tỉnh. Khởi công các dự án thủy điện theo kế hoạch. Tăng cường công tác kiểm tra giám sát ngành điện đảm bảo hệ thống điện vận hành an toàn, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu sử dụng điện cho sản xuất tiêu dùng.

c) Thương mại, dịch vụ, du lịch

Tiếp tục xây dựng ngành thương mại phát triển theo hướng kết hợp truyền thống và văn minh hiện đại; thu hút các nguồn lực của thương nhân trong và ngoài nước tham gia đầu tư, hoạt động thương mại. Phát triển thị trường trong tỉnh trong mối quan hệ chặt chẽ với phát triển thị trường trong vùng và cả nước, với thị trường ngoài nước; gắn hiệu quả kinh doanh thương mại với yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Kêu gọi mọi nguồn lực đầu tư hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, chợ nông sản, kết hợp với xây dựng mạng lưới phân phối kết nối với các địa phương trong tỉnh, trong vùng và nước ngoài (Trung Quốc) theo quy hoạch. Tăng cường công tác xúc tiến thương mại, tổ chức hội chợ, phiên chợ, giao lưu, kết nối giao thương góp phần thúc đẩy lưu thông, phân phối tiêu thụ hàng hóa, kích cầu tiêu dùng, thúc đẩy kết nối thị trường, tìm kiếm đối tác kinh doanh, khuyến khích các tổ chức đơn vị kinh doanh sử dụng đa dạng các hình thức phân phối tiêu thụ sản phẩm; thúc đẩy sản phẩm sản xuất trên địa bàn tỉnh tham gia vào các chuỗi sản xuất tiêu thụ sản phẩm trong nước, hướng tới xuất khẩu. Trao đổi với Bộ, ngành liên quan và phía Trung Quốc việc nâng cấp cửa khẩu, mở lối mở biên giới trên địa bàn tỉnh gồm: nâng cấp cửa khẩu Tà Lùng - Thủy Khẩu, Trà Lĩnh - Long Bang lên cửa khẩu quốc tế; Mở song phương cấp cửa khẩu Lý Vạn - Thạc Long; Mở lối mở (lối thông quan hàng hóa) Nà Đoòng - Nà Ráy. Xây dựng cơ chế trao đổi liên lạc giữa các cơ quan quản lý thuộc cửa khẩu Trà Lĩnh (Việt Nam) - Long Bang (Trung Quốc); cửa khẩu Sóc Giang (Việt Nam) - Bình Mãng (Trung Quốc) tạo thuận lợi cho việc trao đổi thông tin, giải quyết khó khăn, vướng mắc trong công tác quản lý các hoạt động

cửa khẩu giữa hai bên. Thực hiện tốt chương trình nộp thuế điện tử 24/7, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc nộp các khoản thuế, phí xuất nhập khẩu. Duy trì thực hiện vùng xanh an toàn dịch bệnh đối với phương tiện và người điều khiển phương tiện vận chuyển, hàng hoá xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu trên địa bàn. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình hạ tầng tại cửa khẩu, hoàn thành dự án Nhà kiểm soát liên hợp đầu cầu II Tà Lùng. Quản lý giá cả dịch vụ kinh doanh vận tải linh hoạt, phù hợp với giá nhiên liệu, đặc biệt là dịch vụ vận tải hành khách. Tăng cường chất lượng công tác kiểm soát tải trọng xe trên các tuyến đường.

Tập trung thu hút các nhà đầu tư chiến lược, xây dựng hạ tầng theo hướng đồng bộ đa chức năng tại 03 di tích quốc gia đặc biệt, các danh thắng quốc gia, vùng CVĐC toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng gắn với bản sắc văn hóa dân tộc. Phát triển các sản phẩm, loại hình du lịch bền vững (du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái); khuyến khích sản xuất các sản phẩm lưu niệm, sản vật địa phương; thúc đẩy phát triển nền ẩm thực Cao Bằng. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin; thực hiện việc số hóa các tài liệu hiện vật, ấn phẩm du lịch; phát triển, hoàn thiện cơ sở vật chất phục vụ tuyên truyền, quảng bá du lịch; nghiên cứu triển khai các hoạt động du lịch mới, đa dạng. Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 78/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về ban hành Quy định về Chính sách hỗ trợ phát triển Du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến năm 2025; tiếp tục nghiên cứu, xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển du lịch. Tích cực tuyên truyền bằng nhiều hình thức về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch. Tăng cường kiểm tra công tác quản lý, điều hành tại các khu, điểm, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch. Triển khai Kế hoạch xây dựng và phát triển CVĐC toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng giai đoạn 2023-2026. Tiếp tục vận động tổ chức Hội nghị lần 8 của Mạng lưới CVĐC toàn cầu khu vực Châu Á – Thái Bình Dương tại Cao Bằng năm 2024.

d) Quy hoạch, kế hoạch, giao thông, phát triển doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh

Rà soát, điều chỉnh các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành theo quy hoạch tỉnh được phê duyệt. Hoàn thành Đồ án quy hoạch chi tiết khu liên hợp Thể dục thể thao tỉnh Cao Bằng và các Đồ án điều chỉnh: quy hoạch chung thành phố Cao Bằng; quy hoạch chung thị trấn Xuân Hòa, thị trấn Thông Nông; quy hoạch chung thị trấn Quảng Uyên; quy hoạch chung thị trấn Nước Hai; quy hoạch chung thị trấn Đông Khê; quy hoạch chung thị trấn Bảo Lạc; điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Thanh Nhật; Hoàn thành lập quy hoạch phân khu các khu vực cửa khẩu Tà Lùng, Trà Lĩnh thuộc Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng.

Giao kế hoạch đầu tư công 2023 kịp thời gian theo quy định của pháp luật. Tiếp tục thành lập tổ công tác về tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và thúc đẩy thực hiện dự án đầu tư công năm 2023 để bám sát tiến độ thi công, giải ngân các dự án, đặc biệt là các dự án trọng điểm của tỉnh như: Đường cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh, Đường tỉnh 208, Bảo tàng tỉnh Cao Bằng, Trụ sở làm việc HĐND - UBND - Đoàn ĐBQH tỉnh, Các dự án lĩnh vực y tế thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội...; kịp thời điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023 theo

tiến độ triển khai dự án. Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng các công trình xây dựng từ khâu khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng, bảo trì công trình.

Tiếp tục thực hiện nhất quán chủ trương “*Chính quyền đồng hành cùng doanh nghiệp*” tăng cường tiếp xúc, đối thoại với doanh nghiệp qua nhiều kênh, nhằm lắng nghe ý kiến đề xuất, kịp thời giải quyết kiến nghị chính đáng của doanh nghiệp một cách thiết thực, hiệu quả. Tổ chức hội nghị xúc tiến đầu tư tỉnh Cao Bằng năm 2023. Nâng cao chất lượng, rút ngắn thời gian công tác phối hợp thẩm định, trình phê duyệt các thủ tục hồ sơ dự án đầu tư tư nhân để dự án sớm được triển khai. Đẩy mạnh hỗ trợ và khuyến khích doanh nghiệp đẩy mạnh thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. Cung cấp thông tin phục vụ doanh nghiệp nhằm thúc đẩy hoạt động đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

d) Tài chính, ngân hàng

Thực hiện đồng bộ các giải pháp điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính-ngân sách địa phương, trong đó: Tập trung thực hiện các giải pháp thu ngân sách bền vững, quản lý chặt chẽ các nguồn thu, khai thác nguồn thu, chống thất thu ngân sách, giảm tỷ lệ nợ thuế. Theo dõi chặt chẽ, nắm bắt tình hình thu Ngân sách nhà nước, hướng dẫn, đôn đốc người nộp thuế kê khai, nộp các loại thuế theo quy định. Thực hiện tốt công tác tổng hợp, phân tích, đánh giá tiến độ thực hiện dự toán và dự báo thu Ngân sách nhà nước; kiểm soát chặt chẽ chi ngân sách đảm bảo đúng đối tượng, đúng chế độ quy định, tiết kiệm, hiệu quả. Thực hiện triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu xác định nhiệm vụ, chủ động sắp xếp thứ tự các nhiệm vụ chi ưu tiên theo mức độ quan trọng, cấp thiết và khả năng triển khai trong năm 2023. Chủ động dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện, các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định. Chỉ đề xuất ban hành đề án, chính sách làm tăng chi ngân sách khi thật sự cần thiết và có nguồn đảm bảo. Đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực thu chi ngân sách; tiếp tục thực hiện áp dụng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt. Tiếp tục thực hiện Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20/5/2022 của Chính phủ và Thông tư số 03/2022/TT-NHNN ngày 20/5/2022 của NHNN Việt Nam về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tại các ngân hàng thương mại; đảm bảo tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên, đảm bảo cung ứng vốn cho nền kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi trong việc tiếp cận vốn tín dụng cho người dân và doanh nghiệp; duy trì tỷ lệ nợ xấu nội bảng của hệ thống các tổ chức tín dụng trên địa bàn ở mức dưới 2%. Chỉ đạo Ngân hàng Chính sách xã hội tiếp tục thực hiện các chính sách cho vay theo Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế của Chính phủ.

e) Khoa học công nghệ

Quan tâm nghiên cứu, đánh giá thực trạng, yêu cầu phát triển các ngành, lĩnh vực gắn với phân tích và dự báo xu hướng phát triển trong nước và thế giới, đề xuất và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ bám sát định hướng

phát triển kinh tế - xã hội địa phương năm 2023 và giai đoạn 2021-2025, trong đó: Tiếp tục trình cấp có thẩm quyền phê duyệt danh mục đối với 03 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia; Triển khai 43 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, ngành, địa phương, cấp tỉnh, cấp cơ sở; Tổ chức nhân rộng kết quả của các đề tài, dự án đã được nghiệm thu vào đời sống sản xuất, tập trung vào các trụ cột tăng trưởng kinh tế và các lĩnh vực ưu tiên trọng điểm của tỉnh; Đẩy mạnh công tác tư vấn, phổ biến thông tin khoa học và công nghệ phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội; Nghiên cứu, triển khai các dự án hợp tác với tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc về nông nghiệp trên các lĩnh vực: dự báo và kiểm soát dịch bệnh động, thực vật; khoa học kỹ thuật, máy móc nông nghiệp; sản xuất các sản phẩm nông nghiệp có ưu thế....; Hỗ trợ các ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo để hình thành và phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; Tuyên truyền, vận động các tổ chức, doanh nghiệp quan tâm tham gia các chợ công nghệ và thiết bị (Techmart), Techfest các sản phẩm công nghệ trong nước và quốc tế. Tiếp tục thực hiện Đề án “Triển khai áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh Cao Bằng”.

f) Tài nguyên và Môi trường

Tăng cường công tác quản lý và tập trung giải quyết triệt để các tồn tại, khó khăn, vướng mắc, nâng cao hiệu quả hoạt động trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn tỉnh, trong đó:

Thực hiện đúng, đầy đủ các nhiệm vụ trong công tác quản lý Nhà nước về khoáng sản để đảm bảo hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh tuân thủ theo các quy định của pháp luật, nhằm tăng thêm nguồn thu từ hoạt động khoáng sản. Xây dựng và tổ chức thực hiện dự án “xây dựng cơ sở dữ liệu viễn thám, ứng dụng công nghệ viễn thám trong công tác quản lý khoáng sản; kết hợp quản lý, bảo vệ cảnh quan, môi trường trong vùng Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030”. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động khoan, thăm dò nước dưới đất, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước tại địa bàn các huyện, thành phố. Phê duyệt danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất; danh mục các dự án, công trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng; hoàn thành việc trình thẩm định, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh giai đoạn 2021 – 2025; thẩm định, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 cấp huyện, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất cấp huyện năm 2023 làm cơ sở cho việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai; quản lý tốt việc chuyển mục đích sử dụng đất; tiếp tục rà soát đất công, đất dôi dư của các huyện, thành phố. Thực hiện các biện pháp phòng, chống ô nhiễm nguồn nước mặt và nguồn nước dưới đất; đảm bảo dòng chảy tối thiểu của các sông; ngăn chặn và xử lý tình trạng khai thác nước quá mức làm suy thoái, cạn kiệt nguồn nước. Triển khai đầu tư 03 dự án xử lý 03 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

g) Thông tin truyền thông

Tổ chức triển khai các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án tổng thể chuyển đổi số tỉnh Cao Bằng, giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến 2030; Các dự án đầu tư về hệ thống nền tảng, phần mềm dùng chung, tạo lập cơ sở dữ liệu, phát triển dữ liệu số đảm bảo kết nối đồng bộ và thống nhất với các hệ thống thông tin của trung ương và địa phương. Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật CNTT của các cơ quan, tổ chức đảm bảo đáp ứng cho việc triển khai ứng dụng CNTT; đầu tư nâng cấp, duy trì quản lý, vận hành có hiệu quả các hệ thống thông tin dùng chung: Cổng thông tin điện tử, hệ thống thư công vụ, quản lý văn bản và điều hành, trung tâm điều hành thông minh (IOC), hệ thống giám sát an toàn thông tin (SOC), theo dõi thực hiện nhiệm vụ của UBND tỉnh, báo cáo trực tuyến, thông tin kinh tế xã hội, quản lý nhân sự, quản lý tài chính, tài sản công... Tiếp tục xây dựng kho dữ liệu dùng chung; hoàn thiện chuẩn hóa CSDL nền tảng, CSDL chuyên ngành; phát triển hạ tầng dữ liệu không gian đô thị, hợp nhất các dữ liệu đất đai, xây dựng, quy hoạch đô thị, giao thông và các dữ liệu khác trên nền GIS. Đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước ổn định, an toàn và bảo mật.

Hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích các doanh nghiệp viễn thông xây dựng, phát triển hạ tầng viễn thông và hạ tầng khác phục vụ cho chuyển đổi số của tỉnh. Chuyển dịch từ dịch vụ bưu chính truyền thống sang dịch vụ bưu chính số.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về báo chí, xuất bản. Đảm bảo phát triển báo chí xuất bản, phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử theo đúng tôn chỉ, mục đích phục vụ công tác lãnh, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, quản lý của chính quyền. Phát triển các loại hình thông tin theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, chất lượng, hiệu quả, phù hợp với xu thế phát triển khoa học và công nghệ, thông tin, truyền thông thế giới, đáp ứng quyền tiếp cận thông tin của nhân dân, phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của đất nước. Tăng cường sử dụng công nghệ thông tin, dịch vụ viễn thông, internet để đổi mới cách thức thông tin, tuyên truyền trên địa bàn toàn tỉnh.

h) Văn hóa, xã hội

Tiếp tục triển khai thực hiện các Đề án thuộc lĩnh vực văn hóa của tỉnh giai đoạn 2021 – 2025. Tăng cường công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh và bảo vật quốc gia. Đẩy mạnh công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá phi vật thể trên địa bàn tỉnh gắn với phát triển du lịch. Tăng cường quản lý các lễ hội, hoạt động văn hóa, thể thao; hạn chế tối đa việc sử dụng ngân sách nhà nước để tổ chức. Duy trì mạng lưới chiếu phim lưu động phục vụ vùng xa, biên giới. Tiếp tục phát triển phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; thực hiện tốt công tác thông tin, cổ động và các hoạt động tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước và địa phương. Tiếp tục thực hiện đào tạo vận động viên các đội tuyển và triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển Thể thao thành tích cao giai đoạn 2020 - 2025. Tổ chức,

phối hợp tổ chức các hoạt động thi đấu thể thao cấp tỉnh, các giải thi đấu thể thao khu vực và toàn quốc năm 2023.

Rà soát, tổ chức mạng lưới trường, lớp năm học 2022-2023, 2023-2024 phù hợp với tình hình thực tế của từng huyện, thành phố; nâng cao chất lượng giáo dục ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn; tăng cường xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia. Tiếp tục triển khai có hiệu quả Đề án tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến 2025. Cùng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở, phổ cập giáo dục tiểu học; Tiếp tục triển khai chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới đảm bảo chất lượng, hiệu quả; tiếp tục rà soát, bổ sung, bảo đảm đủ cơ sở vật chất và thiết bị dạy học; bổ sung đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông mới. Triển khai việc lựa chọn sách giáo khoa đảm bảo công khai, minh bạch, đúng quy định; biên soạn tài liệu giáo dục địa phương đảm bảo chất lượng và tiến độ. Thực hiện đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; tích hợp, lồng ghép, tình giản nội dung dạy học trong chương trình giáo dục phổ thông hiện hành; đẩy mạnh giáo dục STEM trong giáo dục phổ thông; đổi mới kiểm tra, đánh giá gắn với lộ trình thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới. Khuyến khích phát triển mô hình xã hội hóa giáo dục ở các cấp học.

Đẩy mạnh tạo việc làm tại chỗ thông qua các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội và các giải pháp đột phá về phát triển kinh tế, du lịch-dịch vụ, kết cấu hạ tầng theo hướng bền vững, nâng cao chất lượng việc làm, phát triển thị trường lao động, làm tốt công tác dự báo, kết nối cung-cầu lao động với các tỉnh trong khu vực và cả nước; tăng cường hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm; nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Thực hiện đầy đủ chính sách Người có công, bảo trợ xã hội; các chính sách thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; tạo môi trường sống an toàn, thực hiện đầy đủ quyền trẻ em; đẩy mạnh phòng chống tệ nạn xã hội. Tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp theo Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế của Chính phủ và tập trung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, vận động, phát triển người tham gia BHXH, BHYT. Đồng thời làm tốt công tác theo dõi, vận động tái tục đối với người tham gia BHXH tự nguyện để đảm bảo duy trì và phát triển đối tượng tham gia một cách bền vững. Kiểm tra, giám sát việc đóng BHXH cho người lao động của doanh nghiệp.

Tăng cường sự phối hợp của các Ban, Ngành, Đoàn thể, các Tổ chức xã hội cho công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân; đặc biệt tăng cường phối hợp với các lực lượng Quân y trong công tác phòng chống thiên tai thảm họa, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa. Khuyến khích các đơn vị thực hiện các hoạt động xã hội hóa công tác y tế theo đúng các quy định của Nhà

nước nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ và nâng cao chất lượng công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân. Hoàn thành các dự án nâng cao năng lực y tế cơ sở thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế của Chính phủ. Rà soát, đánh giá thực trạng các xã theo Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã mới được ban hành và có các giải pháp cụ thể tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện của địa phương.

i) Công tác Dân tộc - Tôn giáo

Tăng cường vai trò của cấp ủy, chính quyền, phát huy vai trò của mặt trận và các đoàn thể trong việc vận động đồng bào dân tộc thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Triển khai đầy đủ các chính sách, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Sắp xếp ổn định dân cư ở những vùng có nguy cơ sạt lở cao. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tôn giáo cho các chức sắc, chức việc, nhà tu hành và tín đồ các tôn giáo; thực hiện tốt công tác bồi dưỡng cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo; kịp thời phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn âm mưu lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo của các thế lực thù địch, giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; củng cố và tăng cường sự đoàn kết của chức sắc, tín đồ tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân.

k) Nội vụ, thanh tra, tư pháp

Tiếp tục thực hiện đồng bộ các nội dung cải cách hành chính; tăng cường kỷ luật kỷ cương hành chính; thực hiện có hiệu quả công tác tổ chức bộ máy và quản lý biên chế; thực hiện tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo một số ngành, huyện và thành phố; chỉ đạo thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng; văn thư, lưu trữ; thanh niên; tổ chức thi nâng ngạch công chức, thi/xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định.

Đẩy mạnh thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành theo kế hoạch; thanh tra có trọng tâm, trọng điểm các vấn đề bức xúc; nâng cao hiệu quả phát hiện và xử lý các vụ việc, vụ án tham nhũng; giải quyết dứt điểm các vụ việc phức tạp, kéo dài; thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức pháp luật của cán bộ, nhân dân; tăng cường vận động, thuyết phục công dân chấp hành pháp luật và các quyết định giải quyết của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, đấu tranh phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh.

l) Quốc phòng, an ninh

Tiếp tục thực hiện nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu theo quy định, giữ vững chủ quyền lãnh thổ và an ninh biên giới quốc gia, ổn định an ninh chính trị

tại địa phương. Duy trì thực hiện tốt quy chế phối hợp các lực lượng theo Nghị định 03/2019/NĐ-CP ở các cấp. Tăng cường tuyên truyền, quán triệt và thực hiện nghiêm các chỉ thị, nghị quyết, hướng dẫn, quy định của các cấp về an ninh - quốc phòng; duy trì, thực hiện có hiệu quả các Hiệp định, Biên bản, Thoả thuận về biên giới, cửa khẩu trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc; tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ các huyện: Bảo Lạc, Hà Quảng; Chú trọng cải tạo, củng cố các công trình quân sự có sẵn, địa hình có giá trị chiến dịch, chiến thuật,... tạo cơ sở cho triển khai thực hiện nội dung huấn luyện, diễn tập đảm bảo sát thực tế các tình huống quốc phòng, an ninh.

Tiếp tục chỉ đạo các lực lượng chức năng chủ động nắm chắc tình hình và triển khai các biện pháp bảo đảm an ninh trật tự, bảo vệ tuyệt đối an toàn các đoàn cấp cao của Đảng, Nhà nước và các đoàn khách quốc tế đến thăm, làm việc tại Cao Bằng; chỉ đạo thực hiện các đợt cao điểm tấn công trấn áp, truy nã tội phạm; triệt phá các ổ nhóm tội phạm, từng bước kiềm chế làm giảm các loại tội phạm. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự; tiếp tục triển khai các giải pháp, kế hoạch bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 tỉnh Cao Bằng, Ủy ban nhân dân tỉnh xin kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng xem xét, quyết định./.

(Gửi kèm Tờ trình gồm: (1) dự thảo Nghị quyết về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 tỉnh Cao Bằng; (2) dự thảo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 tỉnh Cao Bằng).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- HĐND tỉnh;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Ban KTNS HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tư pháp;
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP; CVNCTH;
- Lưu: VT, TH(Nh).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Ánh

Số: /NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày tháng 12 năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 tỉnh Cao Bằng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHOÁ XVII KỲ HỌP THỨ 11**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND, ngày tháng 11 năm 2022 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Cao Bằng về dự thảo Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã
hội năm 2023; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân
tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 với
nội dung sau:

1. Mục tiêu tổng quát

Năm 2023 là năm giữa nhiệm kỳ, có ý nghĩa quan trọng trong việc đẩy mạnh
thực hiện và phấn đấu hoàn thành mục tiêu của các kế hoạch 5 năm 2021 – 2025.
Cần tiếp tục củng cố, phát huy nền tảng kinh tế của tỉnh, cải thiện môi trường đầu
tư để thu hút tối đa các nguồn lực cho hoạt động đầu tư phát triển, thúc đẩy tăng
trưởng bền vững. Phát triển kinh tế cần đi đôi với phát triển toàn diện, đồng bộ các
lĩnh vực văn hóa, an sinh xã hội, công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân; tăng cường
quản lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.
Đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, tinh gọn bộ máy quản lý nhà nước;
nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác chỉ đạo điều hành và thực thi pháp luật. Tăng
cường hoạt động thông tin truyền thông, tạo sự đồng thuận cao trong nhân dân tỉnh
Cao Bằng. Đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Củng cố quốc
phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

Kế thừa, phát huy những kết quả đã đạt được và khí thế trong năm 2022, đồng
thời khắc phục những khó khăn hạn chế còn tồn tại nhằm thực hiện có hiệu quả các

Chương trình, Đề án, của Trung ương, của Tỉnh về phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội năm 2023.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu:

2.1. Chỉ tiêu kinh tế

(1) Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tăng 8%, trong đó: Nông, lâm, ngư nghiệp tăng 3,1%; Công nghiệp, xây dựng tăng 11,71%; Dịch vụ tăng 8,35%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 8,4%.

(2) GRDP bình quân đầu người 44 triệu đồng.

(3) Giá trị sản phẩm trồng trọt, nuôi trồng thủy sản trên 1 đơn vị diện tích (ha) đạt trên 46 triệu đồng.

(4) Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu qua địa bàn (bao gồm cả giá trị hàng hóa giám sát) đạt 638 triệu USD. Trong đó kim ngạch nhập khẩu đăng ký tại địa bàn 396 triệu USD, kim ngạch xuất khẩu đăng ký tại địa bàn 132 triệu USD; giá trị hàng hóa giám sát 110 triệu USD.

(5) Thu ngân sách trên địa bàn đạt 2.838 tỷ đồng. Trong đó: thu nội địa 1.638 tỷ đồng, thu thuế xuất nhập khẩu 1.200 tỷ đồng.

(6) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng trên 11%.

(7) Tỷ lệ chiều dài các tuyến đường huyện, đường xã được nhựa hóa/ bê tông hóa mặt đường 82,5%; Tỷ lệ xã có đường đến trung tâm xã được nhựa hóa/ bê tông hóa 98,8%.

2.2. Chỉ tiêu văn hóa - xã hội

(8) Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Xây dựng trường chuẩn quốc gia tăng thêm 06 trường mầm non và phổ thông.

(9) Duy trì 15 bác sỹ/vạn dân; tỷ lệ số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã đạt 82%; 35 giường bệnh/vạn dân; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế 97%.

(10) Tỷ lệ gia đình văn hóa duy trì 85%; tỉ lệ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa duy trì 95%; tỉ lệ khu dân cư văn hóa 58%;

(11) Giảm tỷ lệ hộ nghèo trên 4%.

(12) Tỷ lệ lao động qua đào tạo 50%, trong đó tỷ lệ qua đào tạo nghề lên 37,4%; tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị dưới 3,25%.

(13) Tăng thêm tối thiểu 05 xã đạt từ 17 – 18 tiêu chí nông thôn mới.

2.3. Các chỉ tiêu về môi trường

(14) Tỷ lệ che phủ rừng đạt 57,83%.

(15) Phấn đấu đạt 86,5% dân cư thành thị được dùng nước sạch, 93% dân cư nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh.

(17) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt khu vực đô thị được xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt 87%; tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 91,6%.

3. Những giải pháp chủ yếu:

3.1. Nông, lâm, ngư nghiệp

Rà soát diện tích đất nông nghiệp chưa sử dụng hoặc sử dụng kém hiệu quả để chuyển đổi sang cây trồng khác cho năng suất và hiệu quả kinh tế cao hơn. Làm tốt công tác dự tính, dự báo, thường xuyên kiểm tra đồng ruộng, phát hiện sâu bệnh hại và có biện pháp tổ chức phòng trừ kịp thời, không để lây lan thành dịch. Tăng cường công tác quản lý giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật tại các huyện, Thành phố. Tiếp tục triển khai các dự án nông nghiệp thông minh. Đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu lại chăn nuôi, cơ cấu lại giống vật nuôi theo hướng nâng cao năng suất và giá trị, tiếp tục triển khai các giải pháp chuyển đổi từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi tập trung gia trại, trang trại. Tập trung thu hút và hỗ trợ để các dự án chăn nuôi tập trung sớm đi vào hoạt động như dự án trang trại chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa TH-TrueMilk. Thực hiện tốt công tác phòng trừ dịch bệnh gia súc, gia cầm, phòng, chống rét và chủ động thức ăn cho đàn gia súc, gia cầm trong mùa đông. Tập trung triển khai sớm các dự án trồng rừng năm 2023. Ứng dụng khoa học công nghệ về trang thiết bị khai thác, chế biến, công nghệ tiên tiến trong sản xuất nhằm đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao giá trị. Làm tốt công tác bảo vệ phòng chống cháy rừng, ngăn chặn có hiệu quả việc khai thác, vận chuyển, buôn bán lâm sản trái phép. Triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Thúc đẩy, hỗ trợ một số cơ sở sản xuất hoàn thiện chất lượng sản phẩm để đạt tiêu chuẩn OCOP 3 sao và 4 sao cấp tỉnh.

3.2. Công nghiệp

Tiếp tục triển khai các giải pháp đảm bảo nguyên liệu cho các nhà máy chế biến khoáng sản đang hoạt động. Tạo mọi điều kiện cần thiết cho các nhà máy chủ lực (nhà máy sản xuất phôi thép, sản xuất Feromangan, sản xuất chì thỏi, tinh quặng chì, kẽm) sản xuất hoàn thành kế hoạch đảm bảo giá trị tăng trưởng của ngành. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án Khai thác lộ thiên khoáng sản Niken-Đồng hoàn thành theo kế hoạch. Tìm kiếm, thúc đẩy các nhà đầu tư vào đầu tư cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà máy tại khu công nghiệp Chu Trinh; xây dựng cụm công nghiệp Hưng Đạo, cụm công nghiệp miền Đông. Thúc đẩy phát triển mạnh các ngành nghề truyền thống, TTCN phục vụ du lịch. Khuyến khích các doanh nghiệp tăng cường đầu tư chiều sâu, đổi mới thiết bị công nghệ để sử dụng tiết kiệm nguồn nguyên liệu, năng lượng, tăng năng suất, hạ giá thành và bảo vệ môi trường. Tăng cường kết nối sản xuất công nghiệp chế biến với nông nghiệp đối với các sản phẩm có lợi thế gắn với các Chương trình trọng tâm, trọng điểm của tỉnh, góp phần thúc đẩy phát triển các chuỗi giá trị sản phẩm hàng hóa mới trên địa bàn tỉnh. Khởi công các dự án thủy điện theo kế hoạch. Tăng cường công tác kiểm tra giám sát ngành điện đảm bảo hệ thống điện vận hành an toàn, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu sử dụng điện cho sản xuất tiêu dùng.

ngành điện đảm bảo hệ thống điện vận hành an toàn, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu sử dụng điện cho sản xuất tiêu dùng.

3.3. Thương mại, dịch vụ, du lịch

Tiếp tục xây dựng ngành thương mại phát triển theo hướng kết hợp truyền thống và văn minh hiện đại; thu hút các nguồn lực của thương nhân trong và ngoài nước tham gia đầu tư, hoạt động thương mại. Phát triển thị trường trong tỉnh trong mối quan hệ chặt chẽ với phát triển thị trường trong vùng và cả nước, với thị trường ngoài nước; gắn hiệu quả kinh doanh thương mại với yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Kêu gọi mọi nguồn lực đầu tư hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, chợ nông sản, kết hợp với xây dựng mạng lưới phân phối kết nối với các địa phương trong tỉnh, trong vùng và nước ngoài (Trung Quốc) theo quy hoạch. Tăng cường công tác xúc tiến thương mại, tổ chức hội chợ, phiên chợ, giao lưu, kết nối giao thương góp phần thúc đẩy lưu thông, phân phối tiêu thụ hàng hóa, kích cầu tiêu dùng, thúc đẩy kết nối thị trường, tìm kiếm đối tác kinh doanh, khuyến khích các tổ chức đơn vị kinh doanh sử dụng đa dạng các hình thức phân phối tiêu thụ sản phẩm; thúc đẩy sản phẩm sản xuất trên địa bàn tỉnh tham gia vào các chuỗi sản xuất tiêu thụ sản phẩm trong nước, hướng tới xuất khẩu. Trao đổi với Bộ, ngành liên quan và phía Trung Quốc việc nâng cấp cửa khẩu, mở lối mở biên giới trên địa bàn tỉnh gồm: nâng cấp cửa khẩu Tà Lùng - Thủy Khâu, Trà Lĩnh - Long Bang lên cửa khẩu quốc tế; Mở song phương cấp cửa khẩu Lý Vạn - Thạc Long; Mở lối mở (lối thông quan hàng hóa) Nà Đổng - Nà Ráy. Xây dựng cơ chế trao đổi liên lạc giữa các cơ quan quản lý thuộc cửa khẩu Trà Lĩnh (Việt Nam) - Long Bang (Trung Quốc); cửa khẩu Sóc Giang (Việt Nam) - Bình Mãng (Trung Quốc) tạo thuận lợi cho việc trao đổi thông tin, giải quyết khó khăn, vướng mắc trong công tác quản lý các hoạt động cửa khẩu giữa hai bên. Thực hiện tốt chương trình nộp thuế điện tử 24/7, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc nộp các khoản thuế, phí xuất nhập khẩu. Duy trì thực hiện vùng xanh an toàn dịch bệnh đối với phương tiện và người điều khiển phương tiện vận chuyển, hàng hoá xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu trên địa bàn. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình hạ tầng tại cửa khẩu, hoàn thành dự án Nhà kiểm soát liên hợp đầu cầu II Tà Lùng. Quản lý giá cả dịch vụ kinh doanh vận tải linh hoạt, phù hợp với giá nhiên liệu, đặc biệt là dịch vụ vận tải hành khách. Tăng cường chất lượng công tác kiểm soát tải trọng xe trên các tuyến đường.

Tập trung thu hút các nhà đầu tư chiến lược, xây dựng hạ tầng theo hướng đồng bộ đa chức năng tại 03 di tích quốc gia đặc biệt, các danh thắng quốc gia, vùng CVĐC toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng gắn với bản sắc văn hóa dân tộc. Phát triển các sản phẩm, loại hình du lịch bền vững (du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái); khuyến khích sản xuất các sản phẩm lưu niệm, sản vật địa phương; thúc đẩy phát triển nền ẩm thực Cao Bằng. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin; thực hiện việc số hóa các tài liệu hiện vật, ấn phẩm du lịch; phát triển, hoàn thiện cơ sở vật chất phục vụ tuyên truyền, quảng bá du lịch; nghiên cứu triển khai các hoạt động du lịch mới, đa dạng. Triển khai hiệu quả Nghị quyết

số 78/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về ban hành Quy định về Chính sách hỗ trợ phát triển Du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến năm 2025; tiếp tục nghiên cứu, xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển du lịch. Tích cực tuyên truyền bằng nhiều hình thức về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch. Tăng cường kiểm tra công tác quản lý, điều hành tại các khu, điểm, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch. Triển khai Kế hoạch xây dựng và phát triển CVĐC toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng giai đoạn 2023-2026. Tiếp tục vận động tổ chức Hội nghị lần 8 của Mạng lưới CVĐC toàn cầu khu vực Châu Á – Thái Bình Dương tại Cao Bằng năm 2024.

3.4. Quy hoạch, kế hoạch, giao thông, phát triển doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh

Rà soát, điều chỉnh các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành theo quy hoạch tỉnh được phê duyệt. Hoàn thành Đồ án quy hoạch chi tiết khu liên hợp Thể dục thể thao tỉnh Cao Bằng và các Đồ án điều chỉnh: quy hoạch chung thành phố Cao Bằng; quy hoạch chung thị trấn Xuân Hòa, thị trấn Thông Nông; quy hoạch chung thị trấn Quảng Uyên; quy hoạch chung thị trấn Nước Hai; quy hoạch chung thị trấn Đông Khê; quy hoạch chung thị trấn Bảo Lạc; điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Thanh Nhật; Hoàn thành lập quy hoạch phân khu các khu vực của khẩu Tà Lùng, Trà Lĩnh thuộc Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng.

Giao kế hoạch đầu tư công 2023 kịp thời gian theo quy định của pháp luật. Tiếp tục thành lập tổ công tác về tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và thúc đẩy thực hiện dự án đầu tư công năm 2023 để bám sát tiến độ thi công, giải ngân các dự án, đặc biệt là các dự án trọng điểm của tỉnh như: Đường cao tốc Đông Đăng - Trà Lĩnh, Đường tỉnh 208, Bảo tàng tỉnh Cao Bằng, Trụ sở làm việc HĐND - UBND - Đoàn ĐBQH tỉnh, Các dự án lĩnh vực y tế thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội...; kịp thời điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023 theo tiến độ triển khai dự án. Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng các công trình xây dựng từ khâu khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng, bảo trì công trình.

Tiếp tục thực hiện nhất quán chủ trương “*Chính quyền đồng hành cùng doanh nghiệp*” tăng cường tiếp xúc, đối thoại với doanh nghiệp qua nhiều kênh, nhằm lắng nghe ý kiến đề xuất, kịp thời giải quyết kiến nghị chính đáng của doanh nghiệp một cách thiết thực, hiệu quả. Tổ chức hội nghị xúc tiến đầu tư tỉnh Cao Bằng năm 2023. Nâng cao chất lượng, rút ngắn thời gian công tác phối hợp thẩm định, trình phê duyệt các thủ tục hồ sơ dự án đầu tư tư nhân để dự án sớm được triển khai. Đẩy mạnh hỗ trợ và khuyến khích doanh nghiệp đẩy mạnh thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. Cung cấp thông tin phục vụ doanh nghiệp nhằm thúc đẩy hoạt động đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

3.5. Tài chính, ngân hàng

Thực hiện đồng bộ các giải pháp điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính-ngân sách địa phương, trong đó: Tập trung thực hiện các giải pháp thu ngân sách

bền vững, quản lý chặt chẽ các nguồn thu, khai thác nguồn thu, chống thất thu ngân sách, giảm tỷ lệ nợ thuế. Theo dõi chặt chẽ, nắm bắt tình hình thu Ngân sách nhà nước, hướng dẫn, đôn đốc người nộp thuế kê khai, nộp các loại thuế theo quy định. Thực hiện tốt công tác tổng hợp, phân tích, đánh giá tiến độ thực hiện dự toán và dự báo thu Ngân sách nhà nước; kiểm soát chặt chẽ chi ngân sách đảm bảo đúng đối tượng, đúng chế độ quy định, tiết kiệm, hiệu quả. Thực hiện triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu xác định nhiệm vụ, chủ động sắp xếp thứ tự các nhiệm vụ chi ưu tiên theo mức độ quan trọng, cấp thiết và khả năng triển khai trong năm 2023. Chủ động dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện, các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định. Chỉ đề xuất ban hành đề án, chính sách làm tăng chi ngân sách khi thật sự cần thiết và có nguồn đảm bảo. Đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực thu chi ngân sách; tiếp tục thực hiện áp dụng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt. Tiếp tục thực hiện Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20/5/2022 của Chính phủ và Thông tư số 03/2022/TT-NHNN ngày 20/5/2022 của NHNN Việt Nam về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tại các ngân hàng thương mại; đảm bảo tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên, đảm bảo cung ứng vốn cho nền kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi trong việc tiếp cận vốn tín dụng cho người dân và doanh nghiệp; duy trì tỷ lệ nợ xấu nội bảng của hệ thống các tổ chức tín dụng trên địa bàn ở mức dưới 2%. Chỉ đạo Ngân hàng Chính sách xã hội tiếp tục thực hiện các chính sách cho vay theo Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế của Chính phủ.

3.6. Khoa học công nghệ

Quan tâm nghiên cứu, đánh giá thực trạng, yêu cầu phát triển các ngành, lĩnh vực gắn với phân tích và dự báo xu hướng phát triển trong nước và thế giới, đề xuất và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ bám sát định hướng phát triển kinh tế - xã hội địa phương năm 2023 và giai đoạn 2021-2025, trong đó: Tiếp tục trình cấp có thẩm quyền phê duyệt danh mục đối với 03 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia; Triển khai 43 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, ngành, địa phương, cấp tỉnh, cấp cơ sở; Tổ chức nhân rộng kết quả của các đề tài, dự án đã được nghiệm thu vào đời sống sản xuất, tập trung vào các trụ cột tăng trưởng kinh tế và các lĩnh vực ưu tiên trọng điểm của tỉnh; Đẩy mạnh công tác tư vấn, phổ biến thông tin khoa học và công nghệ phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội; Nghiên cứu, triển khai các dự án hợp tác với tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc về nông nghiệp trên các lĩnh vực: dự báo và kiểm soát dịch bệnh động, thực vật; khoa học kỹ thuật, máy móc nông nghiệp; sản xuất các sản phẩm nông nghiệp có ưu thế....; Hỗ trợ các ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo để hình thành và phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; Tuyên truyền, vận động các tổ chức, doanh nghiệp quan tâm tham gia các chợ công nghệ và thiết bị (Techmart), Techfest các sản phẩm công nghệ trong nước và quốc tế. Tiếp tục thực hiện Đề

án “Triển khai áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh Cao Bằng”.

3.7. Tài nguyên và Môi trường

Tăng cường công tác quản lý và tập trung giải quyết triệt để các tồn tại, khó khăn, vướng mắc, nâng cao hiệu quả hoạt động trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn tỉnh, trong đó:

Thực hiện đúng, đầy đủ các nhiệm vụ trong công tác quản lý Nhà nước về khoáng sản để đảm bảo hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh tuân thủ theo các quy định của pháp luật, nhằm tăng thêm nguồn thu từ hoạt động khoáng sản. Xây dựng và tổ chức thực hiện dự án “xây dựng cơ sở dữ liệu viễn thám, ứng dụng công nghệ viễn thám trong công tác quản lý khoáng sản; kết hợp quản lý, bảo vệ cảnh quan, môi trường trong vùng Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030”. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động khoan, thăm dò nước dưới đất, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước tại địa bàn các huyện, thành phố. Phê duyệt danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất; danh mục các dự án, công trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng; hoàn thành việc trình thẩm định, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh giai đoạn 2021 – 2025; thẩm định, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 cấp huyện, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất cấp huyện năm 2023 làm cơ sở cho việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai; quản lý tốt việc chuyển mục đích sử dụng đất; tiếp tục rà soát đất công, đất dôi dư của các huyện, thành phố. Thực hiện các biện pháp phòng, chống ô nhiễm nguồn nước mặt và nguồn nước dưới đất; đảm bảo dòng chảy tối thiểu của các sông; ngăn chặn và xử lý tình trạng khai thác nước quá mức làm suy thoái, cạn kiệt nguồn nước. Triển khai đầu tư 03 dự án xử lý 03 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

3.8. Thông tin truyền thông

Tổ chức triển khai các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án tổng thể chuyển đổi số tỉnh Cao Bằng, giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến 2030; Các dự án đầu tư về hệ thống nền tảng, phần mềm dùng chung, tạo lập cơ sở dữ liệu, phát triển dữ liệu số đảm bảo kết nối đồng bộ và thống nhất với các hệ thống thông tin của trung ương và địa phương. Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật CNTT của các cơ quan, tổ chức đảm bảo đáp ứng cho việc triển khai ứng dụng CNTT; đầu tư nâng cấp, duy trì quản lý, vận hành có hiệu quả các hệ thống thông tin dùng chung: Công thông tin điện tử, hệ thống thư công vụ, quản lý văn bản và điều hành, trung tâm điều hành thông minh (IOC), hệ thống giám sát an toàn thông tin (SOC), theo dõi thực hiện nhiệm vụ của UBND tỉnh, báo cáo trực tuyến, thông tin kinh tế xã hội, quản lý nhân sự, quản lý tài chính, tài sản công... Tiếp tục xây dựng kho dữ liệu dùng chung; hoàn thiện chuẩn hóa CSDL nền tảng, CSDL chuyên ngành; phát triển hạ tầng dữ liệu không gian đô thị, hợp nhất các dữ liệu đất đai, xây dựng, quy hoạch đô thị, giao thông và

các dữ liệu khác trên nền GIS. Đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước ổn định, an toàn và bảo mật.

Hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích các doanh nghiệp viễn thông xây dựng, phát triển hạ tầng viễn thông và hạ tầng khác phục vụ cho chuyển đổi số của tỉnh. Chuyển dịch từ dịch vụ bưu chính truyền thống sang dịch vụ bưu chính số.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về báo chí, xuất bản. Đảm bảo phát triển báo chí xuất bản, phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử theo đúng tôn chỉ, mục đích phục vụ công tác lãnh, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, quản lý của chính quyền. Phát triển các loại hình thông tin theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, chất lượng, hiệu quả, phù hợp với xu thế phát triển khoa học và công nghệ, thông tin, truyền thông thế giới, đáp ứng quyền tiếp cận thông tin của nhân dân, phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của đất nước. Tăng cường sử dụng công nghệ thông tin, dịch vụ viễn thông, internet để đổi mới cách thức thông tin, tuyên truyền trên địa bàn toàn tỉnh.

3.9. Văn hóa, xã hội

Tiếp tục triển khai thực hiện các Đề án của tỉnh giai đoạn 2021 – 2025. Tăng cường công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh và bảo vật quốc gia. Đẩy mạnh công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá phi vật thể trên địa bàn tỉnh gắn với phát triển du lịch. Tăng cường quản lý các lễ hội, hoạt động văn hóa, thể thao; hạn chế tối đa việc sử dụng ngân sách nhà nước để tổ chức. Duy trì mạng lưới chiếu phim lưu động phục vụ vùng xa, biên giới. Tiếp tục phát triển phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; thực hiện tốt công tác thông tin, cổ động và các hoạt động tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước và địa phương. Tiếp tục thực hiện đào tạo vận động viên các đội tuyển và triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển Thể thao thành tích cao giai đoạn 2020 - 2025. Tổ chức, phối hợp tổ chức các hoạt động thi đấu thể thao cấp tỉnh, các giải thi đấu thể thao khu vực và toàn quốc năm 2023.

Rà soát, tổ chức mạng lưới trường, lớp năm học 2022-2023, 2023-2024 phù hợp với tình hình thực tế của từng huyện, thành phố; nâng cao chất lượng giáo dục ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn; tăng cường xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia. Tiếp tục triển khai có hiệu quả Đề án tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến 2025. Cùng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở, phổ cập giáo dục tiểu học; Tiếp tục triển khai chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới đảm bảo chất lượng, hiệu quả; tiếp tục rà soát, bổ sung, bảo đảm đủ cơ sở vật chất và thiết bị dạy học; bổ sung đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông mới. Triển khai việc lựa chọn sách giáo khoa đảm bảo công khai, minh bạch, đúng quy định; biên soạn tài liệu giáo dục địa phương đảm bảo chất lượng và tiến độ. Thực hiện đổi mới phương pháp dạy học

theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; tích hợp, lồng ghép, tinh giản nội dung dạy học trong chương trình giáo dục phổ thông hiện hành; đẩy mạnh giáo dục STEM trong giáo dục phổ thông; đổi mới kiểm tra, đánh giá gắn với lộ trình thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới. Khuyến khích phát triển mô hình xã hội hóa giáo dục ở các cấp học.

Đẩy mạnh tạo việc làm tại chỗ thông qua các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội và các giải pháp đột phá về phát triển kinh tế, du lịch-dịch vụ, kết cấu hạ tầng theo hướng bền vững, nâng cao chất lượng việc làm, phát triển thị trường lao động, làm tốt công tác dự báo, kết nối cung-cầu lao động với các tỉnh trong khu vực và cả nước; tăng cường hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm; nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Thực hiện đầy đủ chính sách Người có công, bảo trợ xã hội; các chính sách thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; tạo môi trường sống an toàn, thực hiện đầy đủ quyền trẻ em; đẩy mạnh phòng chống tệ nạn xã hội. Tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp theo Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế của Chính phủ và tập trung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, vận động, phát triển người tham gia BHXH, BHYT. Đồng thời làm tốt công tác theo dõi, vận động tái tục đối với người tham gia BHXH tự nguyện để đảm bảo duy trì và phát triển đối tượng tham gia một cách bền vững. Kiểm tra, giám sát việc đóng BHXH cho người lao động của doanh nghiệp.

Tăng cường sự phối hợp của các Ban, Ngành, Đoàn thể, các Tổ chức xã hội cho công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân; đặc biệt tăng cường phối hợp với các lực lượng Quân y trong công tác phòng chống thiên tai thảm họa, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa. Khuyến khích các đơn vị thực hiện các hoạt động xã hội hóa công tác y tế theo đúng các quy định của Nhà nước nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ và nâng cao chất lượng công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân. Hoàn thành các dự án nâng cao năng lực y tế cơ sở thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế của Chính phủ. Rà soát, đánh giá thực trạng các xã theo Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã mới được ban hành và có các giải pháp cụ thể tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện của địa phương.

3.10. Công tác Dân tộc - Tôn giáo

Tăng cường vai trò của cấp ủy, chính quyền, phát huy vai trò của mặt trận và các đoàn thể trong việc vận động đồng bào dân tộc thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Triển khai đầy đủ các chính sách, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Sắp xếp ổn định dân cư ở những vùng có nguy cơ sạt lở cao. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật

của Nhà nước về tôn giáo cho các chức sắc, chức việc, nhà tu hành và tín đồ các tôn giáo; thực hiện tốt công tác bồi dưỡng cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo; kịp thời phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn âm mưu lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo của các thế lực thù địch, giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; củng cố và tăng cường sự đoàn kết của chức sắc, tín đồ tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân.

3.11. Nội vụ, thanh tra, tư pháp

Tiếp tục thực hiện đồng bộ các nội dung cải cách hành chính; tăng cường kỷ luật kỷ cương hành chính; thực hiện có hiệu quả công tác tổ chức bộ máy và quản lý biên chế; thực hiện tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo một số ngành, huyện và thành phố; chỉ đạo thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng; văn thư, lưu trữ; thanh niên; tổ chức thi nâng ngạch công chức, thi/xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định.

Đẩy mạnh thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành theo kế hoạch; thanh tra có trọng tâm, trọng điểm các vấn đề bức xúc; nâng cao hiệu quả phát hiện và xử lý các vụ việc, vụ án tham nhũng; giải quyết dứt điểm các vụ việc phức tạp, kéo dài; thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức pháp luật của cán bộ, nhân dân; tăng cường vận động, thuyết phục công dân chấp hành pháp luật và các quyết định giải quyết của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, đấu tranh phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh.

3.12. Quốc phòng, an ninh

Tiếp tục thực hiện nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu theo quy định, giữ vững chủ quyền lãnh thổ và an ninh biên giới quốc gia, ổn định an ninh chính trị tại địa phương. Duy trì thực hiện tốt quy chế phối hợp các lực lượng theo Nghị định 03/2019/NĐ-CP ở các cấp. Tăng cường tuyên truyền, quán triệt và thực hiện nghiêm các chỉ thị, nghị quyết, hướng dẫn, quy định của các cấp về an ninh - quốc phòng; duy trì, thực hiện có hiệu quả các Hiệp định, Biên bản, Thỏa thuận về biên giới, cửa khẩu trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc; tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ các huyện: Bảo Lạc, Hà Quảng; Chú trọng cải tạo, củng cố các công trình quân sự có sẵn, địa hình có giá trị chiến dịch, chiến thuật,... tạo cơ sở cho triển khai thực hiện nội dung huấn luyện, diễn tập đảm bảo sát thực tế các tình huống quốc phòng, an ninh.

Tiếp tục chỉ đạo các lực lượng chức năng chủ động nắm chắc tình hình và triển khai các biện pháp bảo đảm an ninh trật tự, bảo vệ tuyệt đối an toàn các đoàn cấp cao của Đảng, Nhà nước và các đoàn khách quốc tế đến thăm, làm việc tại Cao Bằng; chỉ đạo thực hiện các đợt cao điểm tấn công trấn áp, truy nã tội phạm; triệt phá các ô nhóm tội phạm, từng bước kiềm chế làm giảm các loại tội phạm. Nâng cao

chất lượng, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự; tiếp tục triển khai các giải pháp, kế hoạch bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khoá XVII, kỳ họp thứ thông qua ngày tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể;
- Huyện ủy, thành ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- TT Thông tin- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Triệu Đình Lê

DỰ THẢO

**KẾ HOẠCH
PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI NĂM 2023**

PHẦN I: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2022

I. Bối cảnh thực hiện Kế hoạch phát triển Kinh tế - xã hội năm 2022

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 được thực hiện trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế thế giới ngày càng trở nên khó khăn, xung đột quân sự Nga và U-crai-na kéo dài; lạm phát trên toàn cầu duy trì ở mức cao, nhất là châu Âu và Mỹ; thời tiết diễn biến bất thường ở các châu lục; chính sách thắt chặt tiền tệ ở nhiều quốc gia.

Với quyết tâm phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, tạo đã hoàn thành mục tiêu kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 – 2025 đã được Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, cấp ủy, chính quyền các cấp đã thực hiện triển khai đồng bộ các giải pháp và đạt được những kết quả khả quan. Kinh tế được duy trì ổn định, các cân đối lớn được đảm bảo; các lĩnh vực văn hóa xã hội được quan tâm thường xuyên, tổ chức được nhiều hoạt động thiết thực, ý nghĩa, tạo động lực tinh thần cho nhân dân; an ninh trật tự xã hội được giữ vững; thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, góp phần phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, củng cố niềm tin và tăng cường sự ủng hộ của nhân dân trong tỉnh đối với các quyết sách của cấp ủy, chính quyền địa phương.

II. Đánh giá tổng quát và ước thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch phát triển KTXH năm 2022

1. Ước thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch phát triển KTXH năm 2022 theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng

Căn cứ Công văn số 1161/TCTK-TKQG ngày 02/8/2022 của Tổng cục Thống kê về việc thông báo số liệu GRDP ước tính lần 1 năm 2022, tình hình, kết quả thực hiện kế hoạch phát triển KTXH trên địa bàn tỉnh trong 9 tháng đầu năm 2022, UBND tỉnh Cao Bằng đánh giá và ước kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch phát triển KTXH năm 2022 theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng, cụ thể như sau:

1.1. Chỉ tiêu về kinh tế

(1) Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tăng 5,04% (thấp hơn 2,96 điểm % so với KH), trong đó: Nông, lâm, ngư nghiệp tăng 3,00% (thấp hơn 0,07 điểm % so với KH). Công nghiệp, xây dựng tăng 3,91% (thấp hơn 7,70 điểm % so với KH). Dịch vụ tăng 6,01% (thấp hơn 2,49 điểm % so với KH). Thuế sản phẩm trừ trợ cấp

sản phẩm tăng 9,73% (cao hơn 1,03 điểm % so với KH).

(2) GRDP bình quân đầu người được 40,2 triệu đồng (thấp hơn 0,91 triệu đồng so với KH).

(3) Giá trị sản phẩm trồng trọt, nuôi trồng thủy sản trên 1 đơn vị diện tích (ha) đạt 44 triệu đồng (đạt KH).

(4) Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu qua địa bàn (bao gồm cả giá trị hàng hóa giám sát) 820 triệu USD, đạt 130% KH. Trong đó, kim ngạch nhập khẩu 600 triệu USD, đạt 480% KH; kim ngạch xuất khẩu 120 triệu USD, đạt 40% KH; trị giá hàng giám sát, tạm nhập tái xuất 100 triệu USD, đạt 48,8% KH.

(5) Thu ngân sách trên địa bàn ước đạt 4.175,205 tỷ đồng, bằng 206,9% KH. Trong đó: thu nội địa 1.575,205 tỷ đồng, bằng 88,1% KH; thu xuất nhập khẩu 2.600 tỷ đồng, bằng 1.130% KH.

(6) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng 23,3% (vượt 12,3 điểm % so với KH).

(7) Tỷ lệ chiều dài các tuyến đường huyện, đường xã được nhựa hóa/ bê tông hóa mặt đường đạt 77,5% (đạt KH); Tỷ lệ xã có đường đến trung tâm xã được nhựa hóa/ bê tông hóa đạt 97,5% (thấp hơn 0,5 điểm % so với KH, KH là 98%).

1.2. Chỉ tiêu văn hóa - xã hội

(8) Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Tăng thêm 09 trường mầm non và phổ thông đạt chuẩn quốc gia (tăng 03 trường so với KH, tương đương đạt 150% so với KH).

(9) Có 15 bác sỹ/vận dân, đạt 100% KH. Số giường bệnh/ vận dân đạt 35 giường (đạt KH). Tỷ lệ số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã đạt 83,9% (vượt 14 điểm % so với KH). Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế 95,5% (vượt 0,1 điểm % so với KH).

(10) Tỷ lệ gia đình văn hóa duy trì 85% (đạt KH); tỉ lệ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa duy trì 95% (đạt KH); tỉ lệ khu dân cư văn hóa 57% (đạt KH).

(11) Giảm tỷ lệ hộ nghèo đạt 4,13% (vượt 0,13 điểm % so với KH).

(12) Tỷ lệ lao động qua đào tạo 48,2% (đạt KH); trong đó tỷ lệ qua đào tạo nghề lên 35,8% (đạt KH); tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị dưới 3,35% (đạt KH);

(13) Tăng thêm 05 xã điểm đạt từ 17- 18 tiêu chí nông thôn mới (đạt KH).

1.3. Các chỉ tiêu về môi trường

(14) Tỷ lệ che phủ rừng 57,19% (đạt KH).

(15) Tỷ lệ dân cư thành thị được dùng nước sạch là 86% (đạt KH), 92% dân cư nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh (đạt KH).

(16) Số hộ chăn nuôi đưa gia súc ra khỏi gầm sàn nhà tăng thêm 2.215 hộ (đạt KH).

(17) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt khu vực đô thị được xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt 85% (đạt KH); tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường

nghiêm trọng được xử lý đạt 83,3% (không đạt KH).

2. Kết quả đạt được trên từng lĩnh vực và ước thực hiện năm 2022

2.1. Lĩnh vực sản xuất nông, lâm nghiệp và xây dựng nông thôn mới

- *Trồng trọt*: Lĩnh vực trồng trọt vẫn giữ mức tăng khá trong bối cảnh ảnh hưởng bởi thời tiết diễn biến thất thường, không khí lạnh kéo dài ngay đúng thời điểm gieo trồng các loại cây trồng chính: diện tích và sản lượng lương thực cây có hạt và một số cây trồng có giá trị kinh tế cao như Mía, thuốc lá, thạch đen, sắn đất, vượt chỉ tiêu kế hoạch và tăng so với cùng kỳ năm 2021; Tổng sản lượng lương thực (lúa, ngô) ước đạt trên 297 nghìn tấn, đạt 106,6% KH, tăng 2,3% so với năm 2021; giá trị sản phẩm trồng trọt, nuôi trồng thủy sản trên một đơn vị diện tích ước đạt 44 triệu đồng/ha, đạt 100% KH...

- *Chăn nuôi và thú y*: Tình hình phát triển chăn nuôi theo hướng ổn định, số lượng tổng đàn tăng nhẹ so với năm 2021: Tổng đàn trâu: 105.562 con, bằng 104,5% so với năm 2021; Tổng đàn bò: 107.494 con, bằng 99,42% so với năm 2021; Tổng đàn lợn: 311.769 con, bằng 105,58% so với năm 2021; Tổng đàn gia cầm: 2.998 nghìn con, bằng 100,39% so với năm 2021. Công tác phòng, chống đói, rét, bệnh dịch cho vật nuôi được quan tâm, dịch Tả lợn Châu Phi, bệnh viêm da nổi cục trên trâu, bò được kiểm soát, khống chế.

- *Lâm, Thủy sản*: Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2022 ước đạt 384ha. Sản lượng thủy sản cả năm ước đạt 472 tấn, bằng 100% so với Kế hoạch, bằng 98,5% so với năm 2021. Ước diện tích trồng rừng năm 2022 đạt 1.800 ha, bằng 100% Kế hoạch.

- Công tác phát triển nông thôn, xây dựng nông thôn mới

Ban hành quy định về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Giao kế hoạch vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 cho các huyện, thành phố để triển khai thực hiện. Ước năm 2022 toàn tỉnh đạt 11,63 tiêu chí/xã, số xã đạt điểm từ 17-18 tiêu chí nông thôn mới tăng thêm 5 xã.

Đẩy mạnh thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), tổ chức Hội nghị đánh giá phân hạng sản phẩm cấp tỉnh, công nhận kết quả đánh giá phân hạng sản phẩm tham gia chương trình mỗi xã một sản phẩm (Chương trình OCOP) tỉnh Cao Bằng năm 2021 cho 35 sản phẩm. Tính đến nay, toàn tỉnh có 58 sản phẩm được công nhận và xếp hạng đạt sao OCOP cấp tỉnh, trong đó có 3 sản phẩm đạt 4 sao, còn lại là các sản phẩm đạt 3 sao.

2.2. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp

Công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực công nghiệp, quản lý năng lượng, thương mại và xuất nhập khẩu được thực hiện tốt. Trong đó: tập trung giải quyết khó khăn vướng mắc cho các đơn vị sản xuất công thương, đặc biệt là việc thiếu nguyên liệu sản xuất tại các nhà máy chế biến khoáng sản, phối hợp đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng khu Bắc mỏ sắt Nà Rủa, các nhà máy thủy điện Bình Long, Khuổi Luông,...

Sản xuất công nghiệp năm 2022 có nhiều khởi sắc và dần lấy lại tốc độ phát triển, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) năm 2022 ước tăng 12% so với năm 2021, trong đó: ngành sản xuất và phân phối điện, ngành khai khoáng là 2 ngành chủ lực với tốc độ tăng cao; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải; ngành chế biến, chế tạo giảm so với năm trước; Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp năm 2022 ước đạt 5.620 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch năm, bằng 106% so với năm 2021.

2.3. Lĩnh vực thương mại - dịch vụ

- *Hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa qua địa bàn:* Phía Trung Quốc vẫn tăng cường các biện pháp phòng chống dịch COVID-19 để theo đuổi chiến lược "Zero COVID" nên hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa qua biên giới bị hạn chế. Từ đầu năm 2022 trên địa bàn chủ yếu phát sinh hàng hóa từ Trung Quốc nhập khẩu qua biên giới, trong đó phát sinh cao nhất là mặt hàng ô tô chuyên dùng các loại làm thủ tục nhập khẩu; các mặt hàng xuất khẩu từ Việt Nam thì phía Trung Quốc hạn chế thông quan. Ước thực hiện năm 2022, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu qua địa bàn đạt 820 triệu USD, đạt 130% KH, bằng 102,4% so với năm 2021.

- *Thương mại nội địa:* Hoạt động thương mại nội địa được duy trì ổn định, đảm bảo nguồn cung các hàng hóa thiết yếu như lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm,... Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước thực hiện cả năm 2022 là 8.615 tỷ đồng, tăng 116,5% so với năm 2021.

- *Dịch vụ du lịch:* Thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển và kích cầu du lịch trong tình hình mới (*quy hoạch, đầu tư phát triển du lịch; phát triển sản phẩm du lịch; xúc tiến, quảng bá du lịch...*). Tổng lượt khách cả năm ước đạt: 1,042 triệu lượt, tăng 150,6% so với cùng kỳ (*đạt 104,3% KH năm*), trong đó: khách du lịch quốc tế ước đạt: 14.200 lượt, bằng 930,5% so với năm 2021 (*đạt 71% KH năm*); khách du lịch nội địa ước đạt: 1.028.900 lượt, tăng 148% so với năm 2021 (*đạt 105% KH năm*). Tổng thu du lịch ước đạt: 547,6 tỷ đồng, tăng 659,1% so với năm 2021 (*đạt 438,1% KH năm*).

- *Dịch vụ vận tải:* là một trong những lĩnh vực chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh COVID-19, Ngành Giao thông vận tải đã thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh COVID-19 trong công tác vận tải hành khách và hàng hóa trên địa bàn tỉnh; Lượt xe và lượt hành khách vận chuyển tăng dần vào dịp giữa năm, dự kiến đến cuối năm 2022 tình hình dịch bệnh được đẩy lùi sẽ phục hồi hoàn toàn hoạt động vận tải. Ước kết quả thực hiện cả năm 2022, số lượt xe: 35.998 lượt xe; số lượt hành khách: 279.041 triệu hành khách; khối lượng hàng hóa vận chuyển: 3,22 triệu tấn. Công tác vận tải, đào tạo, sát hạch cấp phép lái xe, đăng kiểm phương tiện, đảm bảo trật tự an toàn giao thông được tăng cường và nâng cao cả về chất lượng và số lượng, góp phần đảm bảo sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

- Các loại hình dịch vụ khác như: tài chính, bảo hiểm, ngân hàng, y tế, giáo dục... hoạt động ổn định, cơ bản đáp ứng nhu cầu của nhân dân và doanh nghiệp.

2.4. Công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch, xây dựng

Hoàn thành lập Quy hoạch tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; *hoàn thành Đồ án quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng đến năm 2040 đã được phê duyệt tại Quyết định số 295/QĐ-TTg ngày 02/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ*; tổ chức rà soát nhu cầu điều chỉnh quy hoạch chung các đô thị, nhất là các đô thị sau khi sáp nhập các đơn vị hành chính; quy hoạch các phường, khu chức năng của thành phố Cao Bằng phục vụ nhu cầu phát triển đô thị cũng như phục vụ công tác quản lý; rà soát các quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, nông thôn trên địa bàn tỉnh, thực hiện điều chỉnh đối với các quy hoạch không còn phù hợp, gây cản trở các hoạt động phát triển KTXH.

Triển khai giao Kế hoạch phát triển KTXH năm 2022 và Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 chi tiết đến từng địa phương, đơn vị đảm bảo đúng thời gian, nguyên tắc theo quy định; tổ chức Hội nghị về đầu tư công và tiến độ giải ngân vốn xây dựng cơ bản năm 2022. Triển khai thực hiện các giải pháp phát triển KTXH, giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản một cách quyết liệt ngay từ đầu năm như thành lập Tổ công tác tiếp nhận và hỗ trợ triển khai dự án đầu tư; Tổ công tác kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2022.

- Giải ngân vốn đầu tư công:

+ Tổng vốn đầu tư công năm 2022 của tỉnh Cao Bằng được Thủ tướng Chính phủ giao thực hiện là 4.031,667 tỷ đồng, trong đó: vốn NSDP 1.141,280 tỷ đồng; vốn NSTW 2.890,387 tỷ đồng, trong đó: vốn nước ngoài: 442,693 tỷ đồng.

+ Ước giải ngân vốn đầu tư công năm 2022 đạt 3.962,4 tỷ đồng, đạt 89,3% KH (số giải ngân ước đến 31/01/2023).

2.5. Lĩnh vực Tài nguyên môi trường

Chỉ đạo thực hiện công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực tài nguyên, môi trường đảm bảo đúng quy định của nhà nước. Ban hành nhiều văn bản quản lý về lĩnh vực đất đai; chỉ đạo giải quyết các hồ sơ, thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai kịp thời, đúng quy định. Hoàn thiện và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng); Kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025; hoàn thành Phương án quy hoạch phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; chỉ đạo công tác lập Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện năm 2023.

Chỉ đạo triển khai Công văn số 194/BTNMT-TNN ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc thực hiện cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định của Nghị định số 43/2015/NĐ-CP; phê duyệt chủ trương lập dự án “Cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng”; cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước; cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt đúng quy định.

Tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại 10 mỏ khoáng sản làm vật

liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh; hoàn thành việc rà soát, khoanh định các khu vực khoáng sản, đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt là khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ năm 2022 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; chỉ đạo chấn chỉnh công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Hoàn thiện dự thảo Đề án phân loại, xử lý, tái chế chất thải tập trung và phân tán trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư cải tạo, nâng cấp 03 bãi rác là cơ sở ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Hướng dẫn doanh nghiệp xây dựng hệ thống xử lý nước thải sản xuất tinh bột Dong tại xã Nguyễn Huệ, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. Phê duyệt Đề cương mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2023 - 2025 định hướng đến năm 2030.

2.6. Công tác quản lý, điều hành ngân sách và các tổ chức tín dụng

Triển khai thực hiện đề án tăng cường quản lý thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch thu ngân sách nhà nước, chống thất thu ngân sách và đôn đốc thu hồi thuế nợ đọng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2022. Thực hiện tốt công tác quản lý giá, phí, lệ phí, công tác quản lý, sử dụng tài sản công, đôn đốc thu hồi nợ đọng, cưỡng chế nợ thuế theo đúng quy định. Chỉ đạo tăng cường công tác quản lý, sử dụng kinh phí và tài sản được giao một cách chặt chẽ, tiết kiệm và hiệu quả; thực hiện chi trong phạm vi dự toán được giao, đảm bảo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi quy định; rà soát cắt, giảm các khoản chi tổ chức lễ hội, khánh tiết, hội nghị, hội thảo, lễ khởi công, khánh thành, di công tác nước ngoài; rà soát các dự án đầu tư, đảm bảo phân bổ tập trung, chống dàn trải, chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng; sắp xếp chi thương xuyên, ưu tiên các nhiệm vụ quan trọng, bảo đảm nguồn lực thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

- Ước thực hiện năm 2022, thu ngân sách trên địa bàn đạt 4.180.000 triệu đồng; so với dự toán HĐND giao đạt 207,1%; so với năm 2021 bằng 214%. Tuy nhiên, thu ngân sách trên địa bàn tăng cao, chủ yếu do tăng số thu thuế xuất nhập khẩu (tăng đột biến nhập khẩu các mặt hàng: ô tô nguyên chiếc, vải các loại, máy móc thiết bị phụ tùng khác do chính quyền địa phương tích cực làm việc và kiến nghị với các bộ, ngành Trung ương trao đổi, hội đàm với phía Trung Quốc về điều tiết hàng hóa thông quan qua các cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng).

- Chi ngân sách 12.158.000 triệu đồng, so với dự toán HĐND giao đạt 111%; so với năm 2021 bằng 129%.

Mặt bằng lãi suất huy động và cho vay trên địa bàn tỉnh tiếp tục ổn định, các ngân hàng trên địa bàn áp dụng mức lãi suất huy động vốn, lãi suất cho vay phù hợp với quy định của NHNN và diễn biến của thị trường. Hoạt động tín dụng tương đối ổn định. Hoạt động ngoại hối không có biến động lớn. Hoạt động kinh doanh vàng có nhiều biến động, chênh lệch giữa giá vàng trong nước và thế giới vẫn ở mức cao.

2.7. Công tác Khoa học và Công nghệ

Thực hiện tốt các nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác khoa học và công nghệ (KH&CN): Triển khai thực hiện đối với 39 nhiệm vụ KH&CN đang được triển khai trên địa bàn tỉnh; Xây dựng kế hoạch tổ chức kiểm tra việc xây dựng, áp

dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2015 tại các cơ quan, tổ chức, hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Cao Bằng năm 2022; Duy trì thực hiện công tác quản lý nhà nước về công nghệ, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ và hạt nhân; Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 93/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Cao Bằng về ban hành quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ hoạt động KH, CN & ĐMST trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2030; Đẩy mạnh hoạt động thông tin tuyên truyền, giới thiệu về các hoạt động KH & CN trên các phương tiện thông tin đại chúng.

2.8. Công tác hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã; Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước

Tiếp tục triển khai các giải pháp đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, minh bạch, công bằng cho doanh nghiệp: tập trung vào cải cách hành chính; nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh; phổ biến, công khai quy hoạch, kế hoạch, đặc biệt là kế hoạch sử dụng đất; tăng cường hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; thành lập tổ công tác tiếp nhận và hỗ trợ triển khai dự án đầu tư. Triển khai các giải pháp về hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo: triển khai Đề án xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số, phát triển kinh tế số. Thực hiện các giải pháp về hỗ trợ phục hồi, khuyến khích phát triển doanh nghiệp: Triển khai kịp thời các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp gặp khó khăn do dịch bệnh Covid-19; tập trung tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp trong bối cảnh dịch bệnh, đặc biệt là việc thiếu nguyên liệu sản xuất, đứt gãy chuỗi cung ứng; xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư. Triển khai các giải pháp về nâng cao hiệu quả hoạt động và hỗ trợ kinh tế tập thể, hợp tác xã: ban hành Kế hoạch công tác tuyên truyền về kinh tế tập thể và HTX năm 2022; Kế hoạch thực hiện chương trình hành động về tiếp tục thực hiện Nghị quyết TW5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến năm 2025; Thực hiện cấp Chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư kịp thời, đúng quy định. Tiếp tục thực hiện công tác thoái vốn đối với Cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Cấp nước và phân hóa Công ty TNHH Đầu tư phát triển và Môi trường.

Ước cả năm 2022, đăng ký thành lập mới 168 doanh nghiệp, với tổng số vốn đăng ký: 1.600 tỷ đồng, đạt 100% KH năm, số vốn đăng ký bình quân trên một doanh nghiệp là 9,5 tỷ đồng. Ước số doanh nghiệp giải thể tự nguyện: 20 doanh nghiệp, bằng 51,2% so với cùng kỳ năm trước. Ước thành lập mới 28 HTX, đạt 200% so với KH năm, bằng 62,2% so với năm 2021. Lũy kế từ trước đến nay có 1.900 doanh nghiệp, tổng số vốn đăng ký ước đạt 22.177 tỷ đồng, trong đó đang hoạt động là 1.500 doanh nghiệp, tổng số vốn đăng ký 18.977 tỷ đồng.

Ước số dự án được cấp mới Chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư năm 2022 là 20 dự án, tổng vốn đăng ký ước đạt 1.900 tỷ đồng; tăng 17,6% về số dự án, tăng 140,2% về số vốn đăng ký so với năm 2021.

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg ngày 02/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại, thoái vốn giai

đoạn 2021- 2025 (Công ty TNHH một thành viên Cấp nước, Công ty TNHH Đầu tư phát triển và Môi trường Cao Bằng, Công ty CP In Việt Lập Cao Bằng).

2.9. Văn hóa - Thể thao

Triển khai thực hiện tốt các kế hoạch, đề án lĩnh vực văn hóa trên địa bàn tỉnh như: phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa; Đề án “Bảo tồn, phát huy trang phục truyền thống các dân tộc thiểu số Việt Nam; Đề án “Bảo tồn, phát huy giá trị dân ca, dân vũ, dân nhạc của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch giai đoạn 2022-2030; Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Đề án Bảo vệ và phát huy giá trị các di sản văn hóa phi vật thể trong Danh mục di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia và di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, giai đoạn 2022 –2025; Kế hoạch Công tác xây dựng và phát triển Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng năm 2022; Kế hoạch, thể lệ tổ chức Liên hoan hát then - đàn tính tỉnh Cao Bằng lần thứ 3; Kế hoạch tổ chức Hội thảo khoa học “Thực trạng biến đổi và giải pháp phát huy các giá trị văn hóa của người Lô Lô Đen tỉnh Cao Bằng”; Kế hoạch tuyên truyền thực hiện Chương trình quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động. Triển khai công tác tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn và sự kiện lịch sử quan trọng; tuyên truyền về CCHC; an toàn giao thông; văn hóa, văn nghệ; phát triển KTXH... bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng. Từ ngày 15/3/2022 sau khi mở cửa lại du lịch tình hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, du lịch trên địa bàn tỉnh đã diễn ra sôi động trên khắp các địa phương trong tỉnh.

Phong trào TDTT trên địa bàn tỉnh ngày càng phát triển và được quan tâm đẩy mạnh. Tham mưu Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 14-CT/TU ngày 17/01/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thể dục thể thao giai đoạn 2021-2025. Triển khai Kế hoạch số 158/KH-UBND ngày 24/01/2022 về tổ chức các hoạt động thi đấu thể thao cấp tỉnh và tham gia các giải khu vực và toàn quốc năm 2022. Tổ chức Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân cấp tỉnh năm 2022. Tổ chức thành công Đại hội TDTT tỉnh Cao Bằng lần thứ IX năm 2022. Chuẩn bị lực lượng vận động viên tham gia Đại hội TDTT toàn quốc. Duy trì công tác đào tạo, huấn luyện và giảng dạy 200 vận động viên các đội tuyển thể thao. Kết quả, tổ chức 6/6 giải thể thao cấp tỉnh, đạt 100% KH. Tổ chức 03/03 giải thể thao cấp toàn quốc tại tỉnh đạt 100% KH năm. Tham gia 15/10 giải khu vực và toàn quốc đạt 115 huy chương các loại.

2.10. Giáo dục và Đào tạo

Linh hoạt trong công tác tổ chức hoạt động giáo dục trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 2021-2022; tổ chức thành công, an toàn kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2022-2023 và kỳ thi tốt nghiệp THPT năm học 2022.

Tiếp tục duy trì và giữ vững, nâng cao chất lượng kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở; phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi và xóa mù chữ. Chất lượng giáo dục các cấp học được nâng lên, năm sau cao hơn năm trước. Công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học

sinh sau cấp THCS được quan tâm. Công tác ứng dụng công nghệ thông tin và khoa học công nghệ đã trở thành một trong những nhiệm vụ bắt buộc đối với giáo viên và cán bộ quản lý trong công tác dạy học và quản lý, điều hành, giúp nâng cao hiệu quả, chất lượng công việc. Cơ sở vật chất, thiết bị ngày càng được tăng cường, hiện đại hóa, đáp ứng nhu cầu dạy học.

Công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia được chú trọng và quan tâm đầu tư; số trường chuẩn được tăng lên hàng năm, năm 2022 ước tăng thêm 10 trường, bằng 166,7% KH năm. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, chất lượng ngày càng được nâng lên, đáp ứng yêu cầu đổi mới và phát triển giáo dục và đào tạo. Công tác chuẩn bị triển khai chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 được tích cực thực hiện từ công tác tuyên truyền, chuẩn bị về nhân lực, cơ sở vật chất, sách giáo khoa ...

Lĩnh vực xã hội hóa giáo dục và xây dựng xã hội học tập bước đầu đã có những chuyển biến tích cực; Một số tổ chức, cá nhân đã đầu tư vào lĩnh vực giáo dục ngoài công lập, mở ra khả năng phát triển của hệ thống các cơ sở giáo dục ngoài công lập trong giai đoạn tiếp theo.

2.11. Y tế, phòng chống dịch COVID-19

Chủ động kiểm soát dịch bệnh COVID-19 đảm bảo linh hoạt, hiệu quả, phát hiện, xử lý kịp thời các tình huống dịch bệnh: Thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ với phương châm “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”. Ngành y tế đã tham mưu tập trung thực hiện các biện pháp phòng chống dịch COVID-19 phù hợp với tình hình, diễn biến của dịch bệnh và yêu cầu phòng chống dịch trong tình hình mới: tập trung cao độ cho công tác điều trị bệnh nhân nặng, bệnh nhân nguy kịch, hạn chế nguy cơ, tỷ lệ tử vong; bố trí tuyến y tế cơ sở hỗ trợ điều trị F0 tại nhà; lập các tổ y tế lưu động; thành lập các cơ sở thu dung, điều trị F0, cách ly F1 tại nhà giảm tải cho các đơn vị y tế; Đẩy mạnh công tác truyền thông để người dân nâng cao nhận thức, ý thức trong công tác phòng chống dịch, tự xét nghiệm, thực hiện điều trị theo hướng dẫn của ngành Y tế; thực hiện phương châm “thần tốc trong tiêm chủng Vắc xin cho người dân. Đến nay, 100% các đơn vị hành chính cấp xã và cấp huyện của tỉnh Cao Bằng được phân loại, đánh giá, xác định cấp độ dịch COVID-19 là Cấp độ I (nguy cơ thấp, bình thường mới).

Ngành Y tế thực hiện hoàn thành đạt kế hoạch, trong đó có một số chỉ tiêu vượt mức kế hoạch theo nghị quyết của HĐND tỉnh. Các hoạt động thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số được củng cố và duy trì thực hiện. Chất lượng khám chữa bệnh tại các tuyến từng bước được nâng cao. Thực hiện đúng quy định các chế độ chính sách đối với người bệnh. Đảm bảo cung ứng đủ thuốc phòng bệnh và chữa bệnh cho nhân dân. Quản lý và sử dụng thuốc theo đúng quy chế.

2.12. Lao động việc làm và an sinh xã hội

Các nhiệm vụ về lao động việc làm và an sinh xã hội được tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả; bệnh dịch COVID-19 được đẩy lùi do đó một bộ phận đáng kể người lao động trên địa bàn tỉnh được tạo việc làm, duy trì và mở việc làm thông qua chính sách hỗ trợ về việc làm, tư vấn, giới thiệu, cung ứng đi lao động thông

qua Trung tâm dịch vụ việc làm; chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp được các cơ quan chức năng quan tâm triển khai thực hiện và đã đạt được kết quả nhất định, góp phần đảm bảo an sinh xã hội; việc áp dụng chế độ tiền lương của các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp ngoài nhà nước thực hiện đúng theo quy định, góp phần thúc đẩy quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ trong các doanh nghiệp. Công tác đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm được các địa phương quan tâm; Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ chính sách đối với người có công và thân nhân người có công trên địa bàn tỉnh, các đối tượng bảo trợ xã hội, các đối tượng người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19; Triển khai có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát.

2.13. Thông tin và Truyền thông

Thực hiện tốt công tác QLNN, chuyên môn nghiệp vụ trên các mặt lĩnh vực thuộc ngành như: bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, an toàn thông tin, báo chí - xuất bản, thông tin cơ sở, thông tin đối ngoại, thông tin điện tử; Các hệ thống công nghệ thông tin (CNTT) phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước (Hệ thống Công thông tin điện tử và các công thành phần; Hệ thống thư công vụ; Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến...) tiếp tục được nâng cấp, phát triển, phát huy sử dụng có hiệu quả hầu hết tại các cấp, các ngành, góp phần quan trọng nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước, thúc đẩy nhanh cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử; Công tác quản lý báo chí và xuất bản, thông tin cơ sở, thông tin đối ngoại, thông tin điện tử tiếp tục được tăng cường; thực hiện duy trì giao ban báo chí định kỳ để đánh giá hoạt động báo chí, kịp thời cung cấp thông tin và định hướng cho hoạt động báo chí, tạo đồng thuận xã hội; thường xuyên có hướng dẫn kịp thời các cơ quan báo, đài tuyên truyền theo chuyên đề và tập trung tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các nhiệm vụ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh - quốc phòng của địa phương; Chỉ đạo, hướng dẫn kịp thời tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông, in và phát hành trên địa bàn tỉnh phát triển, hạ tầng kỹ thuật và mạng lưới viễn thông được mở rộng, gia tăng thêm nhiều loại hình dịch vụ mới ứng dụng công nghệ tiên tiến, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin phục vụ các Cơ quan Đảng, Nhà nước, góp phần phòng chống dịch bệnh, phòng chống giảm nhẹ thiên tai, đáp ứng yêu cầu thông tin đảm bảo liên tục, thông suốt tại địa phương.

2.14. Công tác Dân tộc – Tôn giáo

Các chính sách dân tộc liên quan đến an sinh xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn được triển khai đúng, đủ, kịp thời. Ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025. Rà soát, tổng hợp, đề xuất xây dựng kế hoạch, đề án triển khai các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và năm 2022. Qua đó, góp phần nâng cao đời sống đồng bào các dân tộc, củng cố sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, tăng cường sự đồng thuận trong cộng

đồng các dân tộc, duy trì ổn định tình hình kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng vùng đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh.

Duy trì theo đường hướng chung của tổ chức tôn giáo, quy định của pháp luật về tôn giáo; các chức sắc, tín đồ tin tưởng và chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nói chung, chính sách về tôn giáo nói riêng; đảm bảo duy trì khối đại đoàn kết các dân tộc trên địa bàn tỉnh. Chỉ đạo tổ chức kiểm tra công tác tôn giáo trên địa bàn tỉnh; Tham dự đại hội đồng Tổng hội lần thứ 36 của Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc) và dự lễ và chúc mừng chức sắc, chức việc tôn giáo nhân dịp lễ trọng của Công giáo, Phật giáo.

2.15. Công tác Nội vụ, Thanh tra, Tư pháp

Thực hiện công tác tổ chức bộ máy, công tác cán bộ, chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức đúng quy định, kịp thời. Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính địa bàn tỉnh Cao Bằng. Thành lập, tổ chức lại 08 đơn vị sự nghiệp. Tiếp tục triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; ban hành Kế hoạch "Xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp, nhất là cấp chiến lược có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ, giai đoạn 2021-2025"; tăng cường công tác tuyên truyền, quán triệt cán bộ, công chức, viên chức chấp hành kỷ luật, kỷ cương, văn hóa công vụ, phòng chống tham nhũng, lãng phí. Tổ chức thi tuyển công chức, viên chức, nâng ngạch đảm bảo công bằng, minh bạch. Chỉ đạo tổ chức thành công Hội nghị cải cách hành chính năm 2022. Triển khai thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng trên địa bàn.

Công tác thanh tra đảm bảo tiên độ, thời gian theo quy định, thanh tra có trọng tâm, trọng điểm, bám sát mục tiêu, nhiệm vụ chính trị, phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, trong đó đã thực hiện thanh tra về mua sắm trang thiết bị, vật tư y tế, sinh phẩm, Kit xét nghiệm, vacxin, thuốc phòng, chống dịch COVID-19 theo đúng chủ trương của Trung ương. Công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo tiếp tục được quan tâm, đề cao trách nhiệm, phối hợp đồng bộ, tập trung giải quyết cơ bản các vụ việc khiếu nại, tố cáo của công dân; có nhiều giải pháp và nỗ lực để giải quyết dứt điểm các vụ việc tồn đọng, phức tạp, kéo dài; Có nhiều giải pháp phòng ngừa tham nhũng tiếp tục được thực hiện, phát huy hiệu quả; tăng cường vai trò giám sát của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, các cơ quan báo chí và nhân dân đối với công tác PCTN.

Công tác tư pháp: Thực hiện tốt công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; công tác hành chính tư pháp; công tác quản lý, xử lý vi phạm hành chính, theo dõi thi hành pháp luật và công tác pháp chế, bồi thường nhà nước, công tác hỗ trợ tư pháp; trợ giúp pháp lý được thực hiện theo quy định. Thực hiện tốt công tác rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh về thủ tục hành chính có liên quan đến định danh và xác thực điện tử hoặc có quy định về việc cấp các giấy tờ cá nhân hoặc xác nhận thông tin cá nhân của công dân để phục vụ cho việc nghiên cứu tích hợp các thông tin liên quan trên thẻ căn cước công dân và ứng dụng VNEID. Tổ chức thành công

Cuộc thi trực tuyến "Tìm hiểu Luật Tiếp cận thông tin năm 2016" trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Thụ lý, thực hiện trợ giúp pháp lý kịp thời, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của người được trợ giúp pháp lý. Chỉ đạo ký kết các hợp đồng dịch vụ đấu giá với các tổ chức có tài sản trên địa bàn tỉnh và tổ chức thực hiện các hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản đã ký kết theo đúng quy định của pháp luật.

2.16. Công tác đối ngoại

Hoạt động đối ngoại được tổ chức linh hoạt trong tình hình mới. Sau khi dịch bệnh được kiểm soát, các kế hoạch đoàn ra, đoàn vào và các hoạt động đối ngoại trọng tâm được mở rộng; tái khởi động các chương trình hợp tác với các đối tác Nhật Bản, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, các tổ chức quốc tế và các tổ chức phi chính phủ nước ngoài: Đại sứ quán Hàn Quốc tại Việt Nam, Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Việt Nam, Công ty TNHH Hi-Tech Farm (Hàn Quốc), Cơ quan hợp tác quốc tế (KOIKA), Quỹ quốc tế về phát triển nông nghiệp (IFAD), Đoàn thẩm định Công viên địa chất Non nước Cao Bằng, tổ chức ChildFund... Tình hình khu vực biên giới trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định, không xảy ra các vụ việc phức tạp vi phạm đến chủ quyền lãnh thổ và an ninh biên giới. Tiếp tục triển khai thực hiện Hiệp định hợp tác bảo vệ và khai thác tài nguyên du lịch thác Bản Giốc, Việt Nam - Đức Thiên, Trung Quốc.

2.17. Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội

Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh được ổn định và giữ vững, các loại tội phạm về trật tự xã hội được kiểm chế. Lực lượng Công an, quân đội, Biên phòng đã phát huy vai trò là lực lượng xung kích tuyến đầu trong công tác phòng chống dịch COVID-19 trên địa bàn. Công tác xây dựng khu vực phòng thủ (KVPT) được quan tâm, triển khai diễn tập KVPT các huyện: Bảo Lâm, Nguyên Bình. Hoàn thành Quy hoạch hệ thống công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn được thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; thành lập 03 tiểu đội dân quân thường trực (tại xã Đức Hạnh, huyện Bảo Lâm; xã Cô Ba, huyện Bảo Lạc; xã Quang Long, huyện Hạ Lang). Công tác xây dựng lực lượng, huấn luyện chiến đấu, diễn tập của LLVT, giáo dục QPAN cho các đối tượng, thực hiện chính sách hậu phương Quân đội, được quan tâm, triển khai thực hiện có hiệu quả: tổ chức công tác bồi dưỡng kiến thức QPAN cho các đối tượng theo quy định; bảo đảm tốt an ninh, an toàn các hoạt động kỷ niệm ngày Lễ, Tết; Chuẩn bị tốt các nội dung cho kiểm tra, hội thi, hội thao cấp tỉnh, Quân khu và toàn quân; làm tốt công tác tuyển quân, tuyển sinh quân sự năm 2022. Chỉ đạo chuẩn bị tốt các nội dung cho Hội nghị phối hợp về công tác tổ chức xây dựng Đảng giữa Cục Chính trị Quân khu 1 với Ban Tổ chức Tỉnh ủy 6 tỉnh tại Cao Bằng; thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm tra của Ban chỉ đạo 515 Quân khu đối với tỉnh Cao Bằng, qua kiểm tra được Ban Chỉ đạo 515 Quân khu đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Công tác bảo đảm an ninh biên giới, an ninh chính trị nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh thông tin truyền thông, an ninh trong vùng dân tộc, tôn giáo... cơ bản ổn định, không để xảy ra các vụ việc đột xuất, bất ngờ, hình thành điểm nóng về an ninh trật tự. Triển khai Đề án "Đấu tranh, ngăn chặn, tiến tới xóa bỏ tổ chức bất hợp pháp Dương Văn Minh"; Tuyên truyền, vận động, đấu tranh với các đối

tượng tham gia “Pháp Luân Công”; Thực hiện tốt công tác đấu tranh phòng chống tội phạm về pháp luật kinh tế, pháp luật về môi trường, tội phạm ma túy; Triển khai kế hoạch thực hiện Đề án số 06 năm 2022 của Chính phủ về phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Năm 2022 là năm có ý nghĩa nền tảng, bản lề trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025 trong bối cảnh khó khăn, thách thức nhiều hơn thuận lợi. Các cấp, ngành đã tập trung chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ được giao đảm bảo theo kế hoạch, chương trình công tác. Từ đầu tháng 4/2022, công tác phòng chống dịch COVID-19 đạt được nhiều kết quả tích cực, tạo điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phục hồi và phát triển kinh tế. Sản xuất nông nghiệp đảm bảo tiến độ, diện tích các cây trồng có giá trị kinh tế cao đều vượt so với kế hoạch và tăng khá so với cùng kỳ năm 2021; dịch bệnh trong chăn nuôi được kiểm soát, tổng đàn vật nuôi tăng so với cùng kỳ năm trước; giá trị sản xuất công nghiệp tăng so với cùng kỳ năm trước; hoạt động của doanh nghiệp có nhiều dấu hiệu tích cực, số doanh nghiệp thành lập mới và hoạt động trở lại đều tăng so với cùng kỳ năm trước; tổng nguồn vốn trên địa bàn và tổng dư nợ cho vay nền kinh tế tăng so với đầu năm; kinh doanh thương mại – dịch vụ có tín hiệu tích cực, dịch vụ du lịch có dấu hiệu phục hồi, số lượt khách và doanh thu du lịch đều tăng so với cùng kỳ năm trước, đặc biệt số lượt khách quốc tế tăng cao (tăng 168,9%); thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội; mở cửa trường học an toàn; giữ vững quốc phòng, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Bên cạnh kết quả đạt được, kinh tế - xã hội của tỉnh còn nhiều hạn chế, tồn tại, tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công đạt thấp; công tác xuất khẩu gặp nhiều khó khăn; công tác đấu giá đất và thu từ sử dụng đất không đạt kế hoạch; số vụ vi phạm Luật lâm nghiệp tăng; công tác trồng rừng, di dời chuồng trại chưa đạt tiến độ; dịch tả lợn Châu Phi mặc dù vẫn đang được kiểm soát nhưng tiếp tục diễn biến phức tạp, nguy cơ lây lan cao; tốc độ phục hồi ngành vận tải chưa cao; tình trạng thiếu hụt giáo viên, nhân viên y tế vẫn nghiêm trọng, đặc biệt là tại địa bàn khó khăn; đội ngũ cán bộ chuyên trách về CNTT và truyền thông còn thiếu và yếu; các hoạt động xúc tiến quảng bá du lịch còn thiếu đồng bộ, chuyên nghiệp, hiệu quả chưa cao; kết quả công tác giải quyết việc làm cho người lao động còn hạn chế; đầu tư trang thiết bị trong lĩnh vực giáo dục, y tế chưa kịp thời và còn thiếu; các thủ tục hành chính liên quan đến đất đai còn gây bức xúc trong nhân dân; hiệu lực quản lý nhà nước về môi trường trên địa bàn chưa cao; Tình hình an ninh trật tự tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp;...

*** Nguyên nhân của hạn chế, tồn tại:**

- Nguyên nhân khách quan:

Dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng sau Tết nguyên đán Nhâm Dần, các nhân tố chính trị, kinh tế trên thế giới tác động khiến

thị trường hàng hóa trong nước có nhiều biến động mạnh, giá cả nhiều loại hàng hóa tăng cao, đặc biệt là giá xăng dầu, khí đốt tự nhiên và khí hóa lỏng, giá phân bón tăng mạnh, tạo áp lực lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh; bên cạnh đó, Trung Quốc tiếp tục kiên trì chính sách Zero COVID nên hoạt động xuất khẩu qua địa bàn giảm mạnh...

Do điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh còn nhiều khó khăn, cơ sở hạ tầng giao thông còn nhiều yếu kém, đặc biệt là tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa nên hạn chế trong việc thu hút nhà đầu tư, thu hút nhân lực.

Việc áp dụng các chính sách miễn giảm, gia hạn nộp thuế, phí và lệ phí để hỗ trợ người dân và doanh nghiệp gặp khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 đã tác động đến nguồn thu ngân sách nhà nước.

Việc triển khai, thực hiện các Chương trình Mục tiêu Quốc gia còn gặp khó khăn do các Bộ, ngành Trung ương chậm ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện, nguồn vốn triển khai chương trình được giao muộn dẫn đến các địa phương còn lúng túng, gặp vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Kinh phí dành cho xúc tiến du lịch còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu xây dựng và triển khai những kế hoạch xúc tiến du lịch chủ động nhằm ứng phó, hạn chế tác động tiêu cực, bất thường đến hoạt động du lịch.

- Nguyên nhân chủ quan:

Một số cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm, chưa chủ động, tích cực trong giải quyết công việc theo thẩm quyền, còn tâm lý trông chờ, ỷ lại. Việc nghiên cứu, tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách phục vụ các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội thuộc thẩm quyền của tỉnh ở một số lĩnh vực còn chậm, chưa đồng bộ. Năng lực của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức còn hạn chế, ý thức chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính có lúc, có nơi chưa thực sự nghiêm. Vai trò của người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị chưa được phát huy; công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện ở một số cơ quan, địa phương, đơn vị chủ đầu tư chưa thực sự quyết liệt, chủ động, sâu sát.

Công tác phối hợp giữa các sở, ban, ngành, địa phương trong xử lý công việc có lúc, có nơi còn rời rạc, thiếu gắn kết, chưa kịp thời, chất lượng chưa cao; có trường hợp chậm, không trả lời hoặc đùn đẩy, né tránh trách nhiệm.

Công tác xây dựng, lập và tổ chức thực hiện kế hoạch tại một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa tốt, hiệu quả không cao.

Công tác quản lý tài sản công ở một số đơn vị chưa tốt, có sai lệch giữa thực địa với sổ quản lý tài sản nên nhiều khó khăn cho công tác đấu giá đất và tài sản trên đất (đặc biệt đối với các địa chỉ đấu giá theo Nghị định 167/NĐ-CP).

Chất lượng nguồn nhân lực tại một số lĩnh vực chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra. Trong đó: nhân lực thực hiện hoạt động xúc tiến quảng bá du lịch còn có nhiều hạn chế, lực lượng trực tiếp triển khai hoạt động xúc tiến du lịch mỏng, hoạt động kiêm nhiệm nên việc triển khai còn bị động, thiếu tính chuyên nghiệp và hiệu quả chưa cao.

Một số người nộp thuế chưa chấp hành tốt các quy định của pháp luật, chây ỳ, không nộp thuế đúng hạn, nợ tiền thuế; người nộp thuế còn nợ thuế nhưng đã ngừng hoạt động, tự giải thể, bỏ địa chỉ kinh doanh, không làm thủ tục thông báo đến cơ quan thuế; các doanh nghiệp khai thác khoáng sản không hoạt động, chưa khai thác, hết hạn giấy phép khai thác, nợ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản kéo dài qua nhiều năm...

PHẦN II: KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2023

I. Bối cảnh kế hoạch phát triển KTXH năm 2023

Năm 2023 là năm giữa nhiệm kỳ, có ý nghĩa quan trọng trong việc đẩy mạnh thực hiện và phấn đấu hoàn thành mục tiêu của các kế hoạch 5 năm 2021-2025. Bên cạnh những thuận lợi, nền kinh tế Việt Nam được dự báo là tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức do ảnh hưởng của tình hình chính trị thế giới, khu vực diễn biến phức tạp, nhất là xung đột quân sự Nga – Ukraine; tình trạng thiếu hụt nguồn cung, đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu; lạm phát tiếp tục tăng và trở thành vấn đề lớn của nhiều quốc gia; dịch bệnh COVID-19 tiếp tục diễn biến phức tạp do xuất hiện nhiều biến chủng mới.

Để đối phó với các bất ổn của thế giới, Chính phủ đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp như tiêm vắc xin phòng COVID-19 liều bổ sung và liều tăng cường; triển khai Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua nghị quyết về giảm các loại thuế, phí. Nhờ đó, kinh tế Việt Nam năm 2023 được các chuyên gia dự kiến sẽ tiếp tục đà phục hồi và tăng trưởng khá của năm 2022.

Tình hình kinh tế đất nước tiếp tục phục hồi và tăng trưởng trong năm 2023 sẽ tác động tích cực đến nền kinh tế của tỉnh Cao Bằng. Bên cạnh đó, các dự án đầu tư công giai đoạn 2021-2025, đặc biệt là các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đã hoàn thành các thủ tục đầu tư và bắt đầu triển khai thực hiện trong năm 2023; có nhiều bài học kinh nghiệm được rút ra từ quá trình chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế trong bối cảnh khó khăn, thách thức cả trong và ngoài nước. Tuy nhiên, với tinh thần đoàn kết, thống nhất của cả hệ thống chính trị, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân được phát huy tốt trong thời gian qua....đây là những thuận lợi rất cơ bản trong năm 2023. Việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh dự báo tiếp tục đối mặt với những khó khăn, thách thức do dịch COVID-19 không ngừng xuất hiện các biến thể mới; nhiều ngành sản xuất công nghiệp của tỉnh có tốc độ phục hồi chậm. Bên cạnh đó, hạ tầng giao thông của tỉnh còn nhiều khó khăn nên ảnh hưởng đến hiệu quả thu hút đầu tư, nhất là nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách; cơ hội tìm kiếm việc làm, sinh kế của người dân gặp nhiều khó khăn; Chất lượng, hiệu quả công tác của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đã được nâng lên rõ rệt trong thời gian qua nhưng chưa tương xứng với tốc độ và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Để đạt được mục tiêu tăng trưởng kinh tế cao trong năm 2023, tỉnh Cao Bằng cần tiếp tục giải quyết các vấn đề về kết nối giao thông với vùng, với các trung tâm kinh tế của đất nước; đầu tư tập trung, trọng điểm, giải ngân tốt nguồn lực đầu tư công; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đơn giản các thủ tục hành

chính, đẩy mạnh thu hút các dự án đầu tư ngoài ngân sách; hỗ trợ người dân, doanh nghiệp kết nối cung cầu lao động, sản phẩm hàng hóa.....

II. Mục tiêu tổng quát

Năm 2023 là năm giữa nhiệm kỳ, có ý nghĩa quan trọng trong việc đẩy mạnh thực hiện và phấn đấu hoàn thành mục tiêu của các kế hoạch 5 năm 2021 – 2025. Cần tiếp tục củng cố, phát huy nền tảng kinh tế của tỉnh, cải thiện môi trường đầu tư để thu hút tối đa các nguồn lực cho hoạt động đầu tư phát triển, thúc đẩy tăng trưởng bền vững. Phát triển kinh tế cần đi đôi với phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, an sinh xã hội, công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân; tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, tinh gọn bộ máy quản lý nhà nước; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác chỉ đạo điều hành và thực thi pháp luật. Tăng cường hoạt động thông tin truyền thông, tạo sự đồng thuận cao trong nhân dân tỉnh Cao Bằng. Đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Củng cố quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

Kế thừa và phát huy những kết quả đã đạt được và khí thế trong năm 2022 và khắc phục những khó khăn hạn chế còn tồn tại. Thực hiện có hiệu quả các Chương trình, Đề án, của Trung ương, của tỉnh nhằm phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội năm 2023.

III. Mục tiêu chủ yếu

1. Chỉ tiêu về kinh tế

(1) Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tăng 8%, trong đó: Nông, lâm, ngư nghiệp tăng 3,1%; Công nghiệp, xây dựng tăng 11,71%; Dịch vụ tăng 8,35%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 8,4%.

(2) GRDP bình quân đầu người 44 triệu đồng.

(3) Giá trị sản phẩm trồng trọt, nuôi trồng thủy sản trên 1 đơn vị diện tích (ha) đạt trên 46 triệu đồng.

(4) Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu qua địa bàn (bao gồm cả giá trị hàng hóa giám sát) đạt 638 triệu USD. Trong đó kim ngạch nhập khẩu đăng ký tại địa bàn 396 triệu USD, kim ngạch xuất khẩu đăng ký tại địa bàn 132 triệu USD; giá trị hàng hóa giám sát 110 triệu USD.

(5) Thu ngân sách trên địa bàn đạt 2.838 tỷ đồng. Trong đó: thu nội địa 1.638 tỷ đồng, thu thuế xuất nhập khẩu 1.200 tỷ đồng.

(6) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng trên 11%.

(7) Tỷ lệ chiều dài các tuyến đường huyện, đường xã được nhựa hóa/ bê tông hóa mặt đường 82,5%; Tỷ lệ xã có đường đến trung tâm xã được nhựa hóa/ bê tông hóa 98,8%.

2. Chỉ tiêu văn hóa - xã hội

(8) Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Xây dựng trường

chuẩn quốc gia tăng thêm 06 trường mầm non và phổ thông.

(9) Duy trì 15 bác sỹ/vạn dân; tỷ lệ số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã đạt 82%; 35 giường bệnh/vạn dân; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế 97%.

(10) Tỷ lệ gia đình văn hóa duy trì 85%; tỉ lệ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa duy trì 95%; tỉ lệ khu dân cư văn hóa 58%;

(11) Giảm tỷ lệ hộ nghèo trên 4%.

(12) Tỷ lệ lao động qua đào tạo 50%, trong đó tỷ lệ qua đào tạo nghề lên 37,4%; tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị dưới 3,25%.

(13) Tăng thêm tối thiểu 05 xã đạt từ 17 – 18 tiêu chí nông thôn mới.

3. Các chỉ tiêu về môi trường

(14) Tỷ lệ che phủ rừng đạt 57,83%.

(15) Phần đầu đạt 86,5% dân cư thành thị được dùng nước sạch, 93% dân cư nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh.

(16) Số hộ chăn nuôi đưa gia súc ra khỏi gầm sàn nhà tăng thêm 1.909 hộ.

(17) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt khu vực đô thị được xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt 87%; tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 91,6%.

IV. Các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu

1. Lĩnh vực sản xuất nông, lâm nghiệp và xây dựng nông thôn mới

- Trồng trọt: Rà soát diện tích đất nông nghiệp chưa sử dụng hoặc sử dụng kém hiệu quả để chuyển đổi sang cây trồng khác cho năng suất và hiệu quả kinh tế cao hơn. Tập trung phát triển diện tích của một số loại cây trồng có giá trị kinh tế cao như Thuốc lá tại các huyện: Hoà An, Hà Quảng, Quảng Hoà; Thạch đen tại huyện Thạch An; Lê tại huyện Thạch An, Nguyên Bình, Hoà An; cây Dẻ Trùng Khánh... Làm tốt công tác dự báo, thường xuyên kiểm tra đồng ruộng, phát hiện sâu bệnh hại và có biện pháp tổ chức phòng trừ kịp thời, không để lây lan thành dịch. Tăng cường công tác quản lý giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật tại các huyện, Thành phố. Đẩy mạnh triển khai các dự án nông nghiệp thông minh, trong đó hoàn thành các dự án nông nghiệp thông minh do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thành phố Cao Bằng...

- Chăn nuôi: Đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu lại chăn nuôi, cơ cấu lại giống vật nuôi theo hướng nâng cao năng suất và giá trị, tiếp tục triển khai các giải pháp chuyển đổi từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi tập trung gia trại, trang trại. Phát triển các đàn vật nuôi chủ yếu của tỉnh tăng về số lượng và sản lượng thịt hơi xuất chuồng so với năm 2022; đẩy mạnh phát triển đàn lợn tại các huyện: Bảo Lâm, Bảo Lạc, Trùng Khánh, Hoà An, Nguyên Bình. Tập trung thu hút và hỗ trợ để các dự án chăn nuôi tập trung sớm đi vào hoạt động và mở rộng quy mô sản xuất như dự án trang trại chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa TH-TrueMilk. Thực hiện tốt công tác phòng trừ dịch bệnh gia súc, gia cầm, phòng, chống rét và chủ động thức ăn cho đàn gia súc, gia cầm trong mùa đông.

- Lâm nghiệp: Tập trung triển khai sớm các dự án trồng rừng năm 2023. Thực hiện trồng rừng gỗ lớn, gỗ nhỏ, trúc sào, quế, hồi; trồng cây dược liệu tại các huyện: Nguyên Bình, Bảo Lạc, Thạch An... Ứng dụng khoa học công nghệ về trang thiết bị khai thác, chế biến, công nghệ tiên tiến trong sản xuất nhằm đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao giá trị. Làm tốt công tác bảo vệ phòng chống cháy rừng, ngăn chặn có hiệu quả việc khai thác, vận chuyển, buôn bán lâm sản trái phép.

- Xây dựng nông thôn mới, sản phẩm OCOP: triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, trong đó tập trung hỗ trợ 03 xã về đích năm 2023 là: xã Quảng Hưng, xã Phúc Sen của huyện Quảng Hoà; xã Trường Hà của Huyện Hà Quảng. Thúc đẩy, hỗ trợ một số cơ sở sản xuất hoàn thiện chất lượng sản phẩm để đạt tiêu chuẩn OCOP 3 sao và 4 sao cấp tỉnh như: Nho hạ đen của Công ty cổ phần phát triển công nghệ xanh CAB; Lạp sườn, thịt sông khói của HTX Tâm Hoà; điểm du lịch homestay Bách Thảo Tà Lùng...

2. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp

Tiếp tục triển khai các giải pháp đảm bảo nguyên liệu cho các nhà máy chế biến khoáng sản đang hoạt động như: tận dụng tối đa nguồn nguyên liệu tại chỗ, tạo điều kiện để các đơn vị có nhu cầu nhập khẩu, mua nguyên liệu trong nước phục vụ sản xuất. Tạo mọi điều kiện cần thiết cho các nhà máy chủ lực (nhà máy sản xuất phôi thép, sản xuất Feromangan, sản xuất chì thời, tinh quặng chì, kẽm) sản xuất hoàn thành kế hoạch đảm bảo giá trị tăng trưởng của ngành. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án Khai thác lộ thiên khoáng sản Niken-Đồng hoàn thành theo kế hoạch.

Tìm kiếm, thúc đẩy các nhà đầu tư vào đầu tư cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà máy tại khu công nghiệp Chu Trinh; xây dựng cụm công nghiệp Hưng Đạo, cụm công nghiệp miền Đông. Thúc đẩy phát triển mạnh các ngành nghề truyền thống, TTCN phục vụ du lịch.

Khuyến khích các doanh nghiệp tăng cường đầu tư chiều sâu, đổi mới thiết bị công nghệ để sử dụng tiết kiệm nguồn nguyên liệu, năng lượng, tăng năng suất, hạ giá thành và bảo vệ môi trường. Tăng cường kết nối sản xuất công nghiệp chế biến với nông nghiệp đối với các sản phẩm có lợi thế gắn với các Chương trình trọng tâm, trọng điểm của tỉnh, góp phần thúc đẩy phát triển các chuỗi giá trị sản phẩm hàng hóa mới trên địa bàn tỉnh.

Xây dựng hoàn thành nhà máy Thủy điện Hồng Nam. Đôn đốc các nhà máy thủy điện Pác Khuổi, Khuổi Luông xây dựng hoàn thành theo tiến độ. Khởi công xây dựng mới các dự án thủy điện Bảo Lạc A, Thượng Hà, Bản Ngà, Bản Riễn. Tăng cường công tác kiểm tra giám sát ngành điện, đảm bảo hệ thống điện vận hành an toàn, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu sử dụng điện cho sản xuất tiêu dùng.

3. Lĩnh vực thương mại - dịch vụ

Tiếp tục xây dựng ngành thương mại phát triển theo hướng kết hợp truyền thống và văn minh hiện đại; thu hút các nguồn lực của thương nhân trong và ngoài nước tham gia đầu tư, hoạt động thương mại. Phát triển thị trường trong tỉnh trong

mối quan hệ chặt chẽ với phát triển thị trường trong vùng và cả nước, với thị trường ngoài nước; gắn hiệu quả kinh doanh thương mại với yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

Kêu gọi mọi nguồn lực đầu tư hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, chợ nông sản, kết hợp với xây dựng mạng lưới phân phối kết nối với các địa phương trong tỉnh, trong vùng và nước ngoài (Trung Quốc) theo quy hoạch. Tăng cường công tác xúc tiến thương mại, tổ chức hội chợ, phiên chợ, giao lưu, kết nối giao thương góp phần thúc đẩy lưu thông, phân phối tiêu thụ hàng hóa, kích cầu tiêu dùng, thúc đẩy kết nối thị trường, tìm kiếm đối tác kinh doanh, khuyến khích các tổ chức đơn vị kinh doanh sử dụng đa dạng các hình thức phân phối tiêu thụ sản phẩm; thúc đẩy sản phẩm sản xuất trên địa bàn tỉnh tham gia vào các chuỗi sản xuất tiêu thụ sản phẩm trong nước, hướng tới xuất khẩu.

Trao đổi với Bộ, ngành liên quan và phía Trung Quốc việc nâng cấp cửa khẩu, mở lối mở biên giới trên địa bàn tỉnh gồm: nâng cấp cửa khẩu Tà Lùng - Thủy Khẩu, Trà Lĩnh - Long Bang lên cửa khẩu quốc tế; Mở song phương cấp cửa khẩu Lý Vạn - Thạch Long; Mở lối mở (lối thông quan hàng hóa) Nà Đổng - Nà Ráy. Xây dựng cơ chế trao đổi liên lạc giữa các cơ quan quản lý thuộc cửa khẩu Trà Lĩnh (Việt Nam) - Long Bang (Trung Quốc); cửa khẩu Sóc Giang (Việt Nam) - Bình Mãng (Trung Quốc) tạo thuận lợi cho việc trao đổi thông tin, giải quyết khó khăn, vướng mắc trong công tác quản lý các hoạt động cửa khẩu giữa hai bên. Thực hiện tốt chương trình nộp thuế điện tử 24/7, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc nộp các khoản thuế, phí xuất nhập khẩu. Duy trì thực hiện vùng xanh an toàn dịch bệnh đối với phương tiện và người điều khiển phương tiện vận chuyển, hàng hoá xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu trên địa bàn. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình hạ tầng tại cửa khẩu, hoàn thành dự án Nhà kiểm soát liên hợp đầu cầu II Tà Lùng.

Quản lý giá cả dịch vụ kinh doanh vận tải linh hoạt, phù hợp với giá nhiên liệu, đặc biệt là dịch vụ vận tải hành khách. Tăng cường chất lượng công tác kiểm soát tải trọng xe trên các tuyến đường.

Tập trung thu hút các nhà đầu tư chiến lược, xây dựng hạ tầng theo hướng đồng bộ đa chức năng tại 03 di tích quốc gia đặc biệt, các danh thắng quốc gia, vùng CVĐC toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng gắn với bản sắc văn hóa dân tộc. Phát triển các sản phẩm, loại hình du lịch bền vững (du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái); khuyến khích sản xuất các sản phẩm lưu niệm, sản vật địa phương; thúc đẩy phát triển nền ẩm thực Cao Bằng. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin; thực hiện việc số hóa các tài liệu hiện vật, ấn phẩm du lịch; phát triển, hoàn thiện cơ sở vật chất phục vụ tuyên truyền, quảng bá du lịch; nghiên cứu triển khai các hoạt động du lịch mới, đa dạng. Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 78/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về ban hành Quy định về Chính sách hỗ trợ phát triển Du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến năm 2025; tiếp tục nghiên cứu, xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển du lịch. Tích cực tuyên truyền bằng nhiều hình thức về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch. Tăng cường kiểm tra công tác quản lý, điều hành tại các khu, điểm, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch. Triển khai Kế hoạch xây dựng

và phát triển CVĐC toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng giai đoạn 2023-2026. Tiếp tục vận động tổ chức Hội nghị lần 8 của Mạng lưới CVĐC toàn cầu khu vực Châu Á – Thái Bình Dương tại Cao Bằng năm 2024.

4. Công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch, xây dựng

Rà soát, điều chỉnh các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành theo quy hoạch tỉnh được phê duyệt. Hoàn thành Đồ án quy hoạch chi tiết khu liên hợp Thể dục thể thao tỉnh Cao Bằng và các Đồ án điều chỉnh: quy hoạch chung thành phố Cao Bằng; quy hoạch chung thị trấn Xuân Hòa, thị trấn Thông Nông; quy hoạch chung thị trấn Quảng Uyên; quy hoạch chung thị trấn Nước Hai; quy hoạch chung thị trấn Đông Khê; quy hoạch chung thị trấn Bảo Lạc; điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Thanh Nhật; Hoàn thành lập quy hoạch phân khu các khu vực cửa khẩu Tà Lùng, Trà Lĩnh thuộc Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng.

Giao kế hoạch đầu tư công 2023 kịp thời gian theo quy định của pháp luật. Tiếp tục thành lập tổ công tác về tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và thúc đẩy thực hiện dự án đầu tư công năm 2023 để bám sát tiến độ thi công, giải ngân các dự án, đặc biệt là các dự án trọng điểm của tỉnh như: Đường cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh, Đường tỉnh 208, Bảo tàng tỉnh Cao Bằng, Trụ sở làm việc HĐND - UBND - Đoàn ĐBQH tỉnh, Các dự án lĩnh vực y tế thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội...; kịp thời điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023 theo tiến độ triển khai dự án. Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng các công trình xây dựng từ khâu khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng, bảo trì công trình.

5. Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường

Tăng cường công tác quản lý và tập trung giải quyết triệt để các tồn tại, khó khăn, vướng mắc, nâng cao hiệu quả hoạt động trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn tỉnh, trong đó:

Thực hiện đúng, đầy đủ các nhiệm vụ trong công tác quản lý Nhà nước về khoáng sản để đảm bảo hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh tuân thủ theo các quy định của pháp luật, nhằm tăng thêm nguồn thu từ hoạt động khoáng sản. Xây dựng và tổ chức thực hiện dự án “xây dựng cơ sở dữ liệu viễn thám, ứng dụng công nghệ viễn thám trong công tác quản lý khoáng sản; kết hợp quản lý, bảo vệ cảnh quan, môi trường trong vùng Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030”. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động khoan, thăm dò nước dưới đất, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước tại địa bàn các huyện, thành phố.

Phê duyệt danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất; danh mục các dự án, công trình chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng; hoàn thành việc trình thẩm định, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh giai đoạn 2021 – 2025; thẩm định, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 cấp huyện, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất cấp huyện năm 2023 làm cơ sở cho việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai; quản lý tốt việc chuyển mục đích sử dụng đất; tiếp tục rà soát đất công, đất dôi dư của các huyện, thành phố.

Thực hiện các biện pháp phòng, chống ô nhiễm nguồn nước mặt và nguồn nước dưới đất; đảm bảo dòng chảy tối thiểu của các sông; ngăn chặn và xử lý tình trạng khai thác nước quá mức làm suy thoái, cạn kiệt nguồn nước. Triển khai đầu tư 03 dự án xử lý 03 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

6. Công tác quản lý, điều hành ngân sách và các tổ chức tín dụng

Thực hiện đồng bộ các giải pháp điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính-ngân sách địa phương, trong đó: Tập trung thực hiện các giải pháp thu ngân sách bền vững, quản lý chặt chẽ các nguồn thu, khai thác nguồn thu, chống thất thu ngân sách, giảm tỷ lệ nợ thuế. Theo dõi chặt chẽ, nắm bắt tình hình thu Ngân sách nhà nước, hướng dẫn, đôn đốc người nộp thuế kê khai, nộp các loại thuế theo quy định. Thực hiện tốt công tác tổng hợp, phân tích, đánh giá tiến độ thực hiện dự toán và dự báo thu Ngân sách nhà nước; kiểm soát chặt chẽ chi ngân sách đảm bảo đúng đối tượng, đúng chế độ quy định, tiết kiệm, hiệu quả. Thực hiện triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu xác định nhiệm vụ, chủ động sắp xếp thứ tự các nhiệm vụ chi ưu tiên theo mức độ quan trọng, cấp thiết và khả năng triển khai trong năm 2023. Chủ động dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện, các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định. Chỉ đề xuất ban hành đề án, chính sách làm tăng chi ngân sách khi thật sự cần thiết và có nguồn đảm bảo. Đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực thu chi ngân sách; tiếp tục thực hiện áp dụng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt. Tiếp tục thực hiện Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20/5/2022 của Chính phủ và Thông tư số 03/2022/TT-NHNN ngày 20/5/2022 của NHNN Việt Nam về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tại các ngân hàng thương mại; đảm bảo tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên, đảm bảo cung ứng vốn cho nền kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi trong việc tiếp cận vốn tín dụng cho người dân và doanh nghiệp; duy trì tỷ lệ nợ xấu nội bảng của hệ thống các tổ chức tín dụng trên địa bàn ở mức dưới 2%. Chỉ đạo Ngân hàng Chính sách xã hội tiếp tục thực hiện các chính sách cho vay theo Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế của Chính phủ.

7. Công tác Khoa học và Công nghệ

Quan tâm nghiên cứu, đánh giá thực trạng, yêu cầu phát triển các ngành, lĩnh vực gắn với phân tích và dự báo xu hướng phát triển trong nước và thế giới, đề xuất và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ bám sát định hướng phát triển kinh tế - xã hội địa phương năm 2023 và giai đoạn 2021-2025, trong đó: Tiếp tục trình cấp có thẩm quyền phê duyệt danh mục đối với 03 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia; Triển khai 43 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, ngành, địa phương, cấp tỉnh, cấp cơ sở; Tổ chức nhân rộng kết quả của các đề tài, dự án đã được nghiệm thu vào đời sống sản xuất, tập trung vào các trụ cột tăng trưởng kinh tế và các lĩnh vực ưu tiên trọng điểm của tỉnh; Đẩy mạnh công tác tư vấn, phổ biến thông tin khoa học và công nghệ phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội; Nghiên cứu, triển khai các dự án hợp tác với tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc về nông nghiệp trên các lĩnh vực: dự báo và kiểm soát dịch bệnh động, thực vật;

khoa học kỹ thuật, máy móc nông nghiệp; sản xuất các sản phẩm nông nghiệp có ưu thế...; Hỗ trợ các ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo để hình thành và phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; Tuyên truyền, vận động các tổ chức, doanh nghiệp quan tâm tham gia các chợ công nghệ và thiết bị (Techmart), Techfest các sản phẩm giao dịch công nghệ trong nước và quốc tế. Tiếp tục thực hiện Đề án “Triển khai áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh Cao Bằng”.

8. Công tác hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã; Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước

Tiếp tục thực hiện nhất quán chủ trương “*Chính quyền đồng hành cùng doanh nghiệp*” tăng cường tiếp xúc, đối thoại với doanh nghiệp qua nhiều kênh, nhằm lắng nghe ý kiến đề xuất, kịp thời giải quyết kiến nghị chính đáng của doanh nghiệp một cách thiết thực, hiệu quả. Tổ chức hội nghị xúc tiến đầu tư tỉnh Cao Bằng năm 2023. Nâng cao chất lượng, rút ngắn thời gian công tác phối hợp thẩm định, trình phê duyệt các thủ tục hồ sơ dự án đầu tư tư nhân để dự án sớm được triển khai. Đẩy mạnh hỗ trợ và khuyến khích doanh nghiệp đẩy mạnh thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. Cung cấp thông tin phục vụ doanh nghiệp nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo, thương mại hóa công nghệ và chuyển giao công nghệ. Rà soát, thông kê doanh nghiệp tư nhân hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ tư vấn, hỗ trợ cho doanh nghiệp; đề xuất các giải pháp, chính sách hỗ trợ thúc đẩy khởi nghiệp phát triển.

Công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các thủ tục hành chính về đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất; cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận. Kịp thời điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 để đáp ứng kịp thời việc triển khai các dự án đầu tư. Rà soát quỹ đất công do nhà nước quản lý đang sử dụng chưa đúng mục đích hoặc không đạt hiệu quả cao; xây dựng phương án thu hồi và tạo quỹ đất sạch để kêu gọi đầu tư.

Tiếp tục triển khai kế hoạch cổ phần hóa đối với Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Cao Bằng, Công ty TNHH Đầu tư phát triển và Môi trường Cao Bằng.

9. Văn hóa - Thể thao

Quan tâm phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp và tiếp tục thúc đẩy phát triển các hoạt động thể dục thể thao nhằm nâng cao tâm vóc, duy trì thể lực, bảo vệ sức khỏe nhân dân. Trong đó:

Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án “Bảo tồn, phát huy giá trị dân ca, dân vũ, dân nhạc các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch giai đoạn 2022-2030” trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Đề án “Bảo tồn phát huy trang phục truyền thống các dân tộc thiểu số Việt Nam trong giai đoạn 2021-2025” trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Tăng cường công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh và bảo vật quốc gia. Đẩy mạnh công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá phi vật thể trên địa bàn tỉnh gắn với phát triển du lịch. Tăng cường quản lý các lễ hội, hoạt động văn hóa, thể thao; hạn chế tối đa việc sử dụng

ngân sách nhà nước để tổ chức lễ hội.

Triển khai thực hiện Đề án phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Đề án chuyển số thư viện công cộng tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2022 - 2025. Tăng cường các hình thức thông tin giới thiệu sách phục vụ nhu cầu thông tin của nhân dân. Duy trì mạng lưới chiếu phim lưu động phục vụ vùng xa, biên giới. Tiếp tục phát triển phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; thực hiện tốt công tác thông tin, cổ động và các hoạt động tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước và địa phương.

Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển Thể thao thành tích cao giai đoạn 2020 - 2025. Tổ chức, phối hợp tổ chức các hoạt động thi đấu thể thao cấp tỉnh, các giải thi đấu thể thao khu vực và toàn quốc năm 2023 như: Hội thi thể thao các dân tộc thiểu số toàn quốc lần thứ XIII, khu vực I; Giải Bóng bàn các đội mạnh toàn quốc; Giải đua xe đạp Cao Bằng mở rộng; Hoạt động bay Dù lượn tại huyện Nguyên Bình; Giải Marathon Siêu đường mòn Non nước Cao Bằng... Thực hiện đào tạo vận động viên các đội tuyển. Tạo điều kiện cho các vận động viên có triển vọng tập huấn tại các Trung tâm huấn luyện thể thao Quốc gia, các tỉnh, thành phố có điều kiện và kinh nghiệm trong công tác đào tạo vận động viên thành tích cao.

10. Giáo dục và Đào tạo

Rà soát, tổ chức mạng lưới trường, lớp năm học 2022-2023, 2023-2024 phù hợp với tình hình thực tế của từng huyện, thành phố; đầu tư, phát triển hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, nâng cao chất lượng giáo dục ở vùng sâu, vùng xa; tăng cường xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia.

Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, chuẩn bị cho trẻ em 5 tuổi sẵn sàng vào học lớp 1; tiếp tục triển khai có hiệu quả Đề án tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến 2025. Cùng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở, phổ cập giáo dục tiểu học; thực hiện giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật Giáo dục năm 2019.

Tiếp tục triển khai chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới đảm bảo chất lượng, hiệu quả; tiếp tục rà soát, bổ sung, bảo đảm đủ cơ sở vật chất và thiết bị dạy học; bổ sung đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông mới. Triển khai việc lựa chọn sách giáo khoa đảm bảo công khai, minh bạch, đúng quy định; biên soạn tài liệu giáo dục địa phương đảm bảo chất lượng và tiến độ. Thực hiện đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; tích hợp, lồng ghép, tinh giản nội dung dạy học trong chương trình giáo dục phổ thông hiện hành; đẩy mạnh giáo dục STEM trong giáo dục phổ thông; đổi mới kiểm tra, đánh giá gắn với lộ trình thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới; bảo đảm 100% học sinh lớp 3 được học ngoại ngữ vào năm học 2022 - 2023. Thực hiện hiệu quả Đề án giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông giai đoạn 2018 - 2025; nâng cao chất

lượng tư vấn nghề, thực hiện kết hợp dạy văn hóa phổ thông với dạy nghề.

Thúc đẩy chuyển đổi số, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục và đào tạo; triển khai kết nối liên thông dữ liệu, tích hợp cơ sở dữ liệu ngành vào cơ sở dữ liệu quốc gia. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa. Khuyến khích phát triển mô hình xã hội hóa giáo dục ở các cấp học...

11. Y tế, phòng chống dịch COVID-19

Tiếp tục triển khai đồng bộ các nội dung theo Chương trình phòng chống dịch COVID-19 của Chính phủ. Phối hợp với Bộ Y tế đảm bảo cung cấp đầy đủ và kịp thời vắc xin COVID-19 cho người dân. Tăng cường giám sát tích cực chủ động phòng chống bệnh truyền nhiễm gây dịch tại các cơ sở y tế và cộng đồng, đặc biệt là các dịch bệnh nguy hiểm và dịch bệnh mới nổi như: Cúm A (H7N9), Cúm A(H5N1), Bệnh tay- chân- miệng, sốt xuất huyết, dịch hạch, Bạch hầu... Duy trì thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020 và các chương trình y tế khác. Tiếp tục cử cán bộ chuyên môn đi luân phiên hỗ trợ cho tuyến dưới và tiếp nhận sự hỗ trợ chuyên môn của tuyến Trung ương cho tuyến tỉnh. Tăng cường sự phối hợp của các Ban, Ngành, Đoàn thể, các Tổ chức xã hội cho công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân; đặc biệt tăng cường phối hợp với các lực lượng Quân y trong công tác phòng chống thiên tai thảm họa, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa. Khuyến khích các đơn vị thực hiện các hoạt động xã hội hóa công tác y tế theo đúng các quy định của Nhà nước nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ và nâng cao chất lượng công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân.

Hoàn thành 03 dự án nâng cao năng lực y tế cơ sở thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế của Chính phủ. Rà soát, đánh giá thực trạng các xã theo Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã mới được ban hành và có các giải pháp cụ thể tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện của địa phương.

12. Lao động việc làm và an sinh xã hội

Đẩy mạnh tạo việc làm tại chỗ thông qua các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội và các giải pháp đột phá về phát triển kinh tế, du lịch- dịch vụ, kết cấu hạ tầng theo hướng bền vững, nâng cao chất lượng việc làm. Tăng cường kết nối cung - cầu lao động toàn quốc trên nền tảng trực tuyến phục vụ công tác tư vấn, giới thiệu việc làm và cung ứng lao động; tăng cường hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm; thực hiện hoạt động đối ngoại để thúc đẩy công tác tuyển chọn, đào tạo và đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, hướng tới các thị trường có thu nhập cao, ổn định và phù hợp với đặc thù lao động của tỉnh.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Đa dạng hóa các hình thức, các phương pháp dạy nghề phù hợp với đối tượng học nghề và yêu cầu sản xuất kinh doanh; chú trọng công tác phân luồng học sinh; đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Gắn kết chặt chẽ giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, huy động các doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề; mở rộng thực hiện cơ chế đào tạo nghề theo hợp đồng đào tạo hoặc

đặt hàng giữa doanh nghiệp với cơ sở đào tạo.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách, chế độ ưu đãi người có công; đẩy mạnh phong trào đền ơn đáp nghĩa, chăm lo đời sống các đối tượng người có công; các chính sách thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; tạo môi trường sống an toàn, thực hiện đầy đủ quyền trẻ em; đẩy mạnh phòng chống tệ nạn xã hội. Tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp theo Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế của Chính phủ và các chính sách bảo trợ xã hội, giảm nghèo theo quy định; triển khai các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, vận động, phát triển người tham gia BHXH, BHYT. Đồng thời làm tốt công tác theo dõi, vận động tái tục đối với người tham gia BHXH tự nguyện để đảm bảo duy trì và phát triển đối tượng tham gia một cách bền vững. Kiểm tra, giám sát việc đóng BHXH cho người lao động của doanh nghiệp.

13. Thông tin và Truyền thông

Xây dựng hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng (WAN), băng thông rộng, kết nối các cơ quan nhà nước từ tỉnh đến xã phục vụ cho các hệ thống thông tin dùng chung kết nối, liên thông các cấp trên địa bàn tỉnh. Thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh; triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp trong chuyển đổi số, hỗ trợ phát triển thương mại điện tử.

Duy trì quản lý, vận hành có hiệu quả các hệ thống thông tin dùng chung: Cổng thông tin điện tử, hệ thống thư công vụ, quản lý văn bản và điều hành, trung tâm điều hành thông minh (IOC), hệ thống giám sát an toàn thông tin (SOC), báo cáo trực tuyến, thông tin kinh tế xã hội, quản lý nhân sự, quản lý tài chính, tài sản công... Tiếp tục xây dựng kho dữ liệu dùng chung; hoàn thiện chuẩn hóa CSDL nền tảng, CSDL chuyên ngành; phát triển hạ tầng dữ liệu không gian đô thị, hợp nhất các dữ liệu đất đai, xây dựng, quy hoạch đô thị, giao thông và các dữ liệu khác trên nền GIS. Triển khai các giải pháp giám sát, an toàn, an ninh mạng, phòng chống mã độc tập trung, kết nối, chia sẻ thông tin với Trung tâm giám sát an toàn, an ninh mạng quốc gia.

Hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích các doanh nghiệp viễn thông xây dựng, phát triển hạ tầng viễn thông và hạ tầng khác phục vụ cho chuyển đổi số của tỉnh; phát triển mạng di động 4G và 5G.

Phát triển hạ tầng bưu chính theo hướng đẩy mạnh chuyển đổi số trong bưu chính. Chuyển dịch từ dịch vụ bưu chính truyền thống sang dịch vụ bưu chính số. Trong đó chú trọng các dịch vụ liên quan đến Chính phủ điện tử và các dịch vụ mang tính hỗ trợ/logistic cho thương mại điện tử, phát triển mạng lưới bưu chính vươn đến tận hộ gia đình, làng, bản trên cơ sở hệ thống mã địa chỉ đến gần với bản đồ số V-Map.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về báo chí, xuất bản. Đảm bảo phát triển báo chí xuất bản, phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử theo đúng tôn

chỉ, mục đích phục vụ công tác lãnh, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, quản lý của chính quyền. Phát triển các loại hình thông tin theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, chất lượng, hiệu quả, phù hợp với xu thế phát triển khoa học và công nghệ, thông tin, truyền thông thế giới, đáp ứng quyền tiếp cận thông tin của nhân dân, phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của đất nước. Tăng cường sử dụng công nghệ thông tin, dịch vụ viễn thông, internet để đổi mới cách thức thông tin, tuyên truyền trên địa bàn toàn tỉnh.

14. Công tác Dân tộc - Tôn giáo

Tăng cường vai trò của cấp ủy, chính quyền, phát huy vai trò của mặt trận và các đoàn thể trong việc vận động đồng bào dân tộc thực hiện tốt chủ trương, đường lối của đảng, pháp luật của Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo. Triển khai đầy đủ các chính sách, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Sắp xếp ổn định dân cư ở những vùng có nguy cơ sạt lở cao.

Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tôn giáo cho các chức sắc, chức việc, nhà tu hành và tín đồ các tôn giáo; thực hiện tốt công tác bồi dưỡng cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo; kịp thời phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn âm mưu lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo của các thế lực thù địch, giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; củng cố và tăng cường sự đoàn kết của chức sắc, tín đồ tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân.

15. Công tác Nội vụ, Thanh tra, Tư pháp

Tiếp tục thực hiện đồng bộ các nội dung cải cách hành chính; tăng cường kỷ luật kỷ cương hành chính. Thực hiện có hiệu quả công tác tổ chức bộ máy và quản lý biên chế; thực hiện tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ CBCCVC; kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo một số ngành, huyện và thành phố. Thực hiện tốt công tác tuyển dụng, đào tạo, thi nâng ngạch công chức, viên chức; đảm bảo chế độ chính sách đối với đội ngũ CBCCVC. Rà soát, đánh giá đội ngũ CBCCVC không đảm bảo năng lực, tinh thần trách nhiệm hoặc không đủ tiêu chuẩn hoặc không đảm bảo sức khỏe để giải quyết chế độ chính sách theo quy định. Tiếp tục giải quyết vướng mắc sau sáp nhập huyện, xã. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng; văn thư, lưu trữ; công tác thanh niên; tổ chức hội; dân vận chính quyền, dân chủ cơ sở, bình đẳng giới.

Triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2025. Tập trung triển khai toàn diện, đồng bộ, có hiệu quả, chất lượng công tác tư pháp. Thực hiện có hiệu quả công tác góp ý, thẩm định, nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định hướng dẫn thi hành; kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh. Thực hiện có hiệu quả công tác theo dõi

thi hành pháp luật, quản lý xử lý vi phạm hành chính, hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Triển khai kế hoạch thanh tra có trọng tâm, trọng điểm vào các vấn đề bức xúc; thanh tra có trọng tâm, trọng điểm các vấn đề bức xúc; nâng cao hiệu quả phát hiện và xử lý các vụ việc, vụ án tham nhũng; giải quyết dứt điểm các vụ việc phức tạp, kéo dài; thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức pháp luật của cán bộ, nhân dân; tăng cường vận động, thuyết phục công dân chấp hành pháp luật và các quyết định giải quyết của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, đấu tranh phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh.

16. Công tác đối ngoại

Xây dựng và triển khai Kế hoạch đối ngoại tỉnh Cao Bằng năm 2023; Kế hoạch triển khai Đề án mở rộng đối ngoại, chủ động hội nhập và hợp tác quốc tế tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Phối hợp với phía Trung Quốc và các cơ quan liên quan tham mưu cho tỉnh tổ chức thành công Chương trình Gặp gỡ đầu xuân giữa các Bí thư Tỉnh ủy và Hội nghị lần thứ 14 Ủy ban công tác liên hợp giữa các tỉnh: Cao Bằng, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Hà Giang (Việt Nam) và Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc) năm 2023. Tiếp tục thúc đẩy mối quan hệ hợp tác giữa tỉnh Cao Bằng với Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, Trung Quốc, trực tiếp là hai thành phố: Bách Sắc, Sùng Tả và bốn huyện biên giới tiếp giáp; đồng thời tiếp tục mở rộng quan hệ hợp tác với các tỉnh, thành khác của Trung Quốc đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả, thông qua việc thúc đẩy đầu tư, thương mại giữa hai Bên, tăng cường các chuyến thăm, làm việc, trao đổi đoàn cấp cao.

Tăng cường quan hệ với Đại sứ quán các nước tại Việt Nam; duy trì, mở rộng quan hệ với cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế đã có quan hệ với địa phương. Thiết lập quan hệ hợp tác hữu nghị với các tỉnh, thành phố nước ngoài có nhiều điểm tương đồng với tỉnh và có tiềm năng, lợi thế trong việc hợp tác phát triển kinh tế, đặc biệt là các địa phương của Nhật Bản, Hàn Quốc. Tổ chức các chuyến thăm, gặp gỡ, làm việc với một số văn phòng đại diện các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam.

17. Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội

Tiếp tục thực hiện nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu theo quy định, giữ vững chủ quyền lãnh thổ và an ninh biên giới quốc gia, ổn định an ninh chính trị tại địa phương. Duy trì thực hiện tốt quy chế phối hợp các lực lượng theo Nghị định 03/2019/NĐ-CP ở các cấp. Tăng cường tuyên truyền, quán triệt và thực hiện nghiêm các chỉ thị, nghị quyết, hướng dẫn, quy định của các cấp về an ninh - quốc phòng; duy trì, thực hiện có hiệu quả các Hiệp định, Biên bản, Thỏa thuận về biên giới, cửa khẩu trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc; tổ chức diễn tập khu vực

phòng thủ các huyện: Bảo Lạc, Hà Quảng; Chú trọng cải tạo, củng cố các công trình quân sự có sẵn, địa hình có giá trị chiến dịch, chiến thuật,... tạo cơ sở cho triển khai thực hiện nội dung huấn luyện, diễn tập đảm bảo sát thực tế các tình huống quốc phòng, an ninh.

Tiếp tục chỉ đạo các lực lượng chức năng chủ động nắm chắc tình hình và triển khai các biện pháp bảo đảm an ninh trật tự, bảo vệ tuyệt đối an toàn các đoàn cấp cao của Đảng, Nhà nước và các đoàn khách quốc tế đến thăm, làm việc tại Cao Bằng; chỉ đạo thực hiện các đợt cao điểm tấn công trấn áp, truy nã tội phạm; triệt phá các ổ nhóm tội phạm, từng bước kiểm chế làm giảm các loại tội phạm. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự; tiếp tục triển khai các giải pháp, kế hoạch bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy.

Trên đây là Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 của tỉnh Cao Bằng./.

Nơi nhận:

- Bộ KH&ĐT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- CVP, các PCVP, các CV;
- TT thông tin - VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH(Nh).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Xuân Ánh

Biểu số 1

CÁC CHỈ TIÊU TỔNG HỢP NĂM 2023

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh Cao Bằng)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2021	Năm 2022			Năm 2023			Ghi chú
				Kế hoạch	Ước Thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2021 (%)	Kế hoạch	So với mục tiêu năm 2022 (%)	So với ước TH năm 2022 (%)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Tốc độ tăng GRDP (giá so sánh)	%	3,34	8,00	5,04		8,00	-2,96		
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	3,97	3,07	3,00		3,10	-0,07		
-	Công nghiệp và xây dựng	%	0,17	11,61	3,91		11,68	-7,70		
+	Công nghiệp	%	-3,21	13,90	11,46		14,25	-2,44		
+	Xây dựng	%	2,14	10,40	-0,26		10,08	-10,66		
-	Dịch vụ	%	4,16	8,50	6,01		8,35	-2,49		
-	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp	%	7,19	8,70	9,73		8,40	1,03		
2	Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (GRDP) theo giá so sánh	Tỷ đồng	11.488	12.402	12.067	105,04	13.026	105,03	107,95	
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản	Tỷ đồng	2.480	2.556	2.554	103,00	2.633	103,03	103,10	
-	Công nghiệp và xây dựng	Tỷ đồng	2.470	2.758	2.567	103,91	2.867	103,93	111,68	
+	Công nghiệp	Tỷ đồng	882	1.005	983	111,39	1.123	111,73	114,25	
+	Xây dựng	Tỷ đồng	1.588	1.753	1.584	99,75	1.744	99,46	110,08	

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2021	Năm 2022			Năm 2023			Ghi chú
				Kế hoạch	Ước Thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2021 (%)	Kế hoạch	So với mục tiêu năm 2022 (%)	So với ước TH năm 2022 (%)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
-	Dịch vụ	Tỷ đồng	6.116	6.636	6.489	106,10	7.031	105,95	108,35	
-	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp	Tỷ đồng	416	453	457	109,73	495	109,42	108,40	
3	Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (GRDP) theo giá hiện hành	Tỷ đồng	20.003	22.070	21.438	107,17	23.780	107,74	110,92	
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản	Tỷ đồng	4.529	4.814	4.578	101,08	4.850	100,75	105,94	
-	Công nghiệp và xây dựng	Tỷ đồng	4.024	4.583	4.663	115,88	5.346	116,64	114,65	
+	Công nghiệp	Tỷ đồng	1.628	1.878	2.080	127,76	2.410	128,34	115,87	
+	Xây dựng	Tỷ đồng	2.396	2.706	2.583	107,81	2.936	108,51	113,68	
-	Dịch vụ	Tỷ đồng	10.727	11.826	11.407	106,34	12.685	107,26	111,21	
-	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp	Tỷ đồng	723	847	791	109,34	899	106,11	113,66	
4	Cơ cấu GRDP (giá hiện hành)		100,00	100,00	100,00		100,00			
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	22,64	21,81	21,35		20,39			
-	Công nghiệp và xây dựng	%	20,12	20,77	21,75		22,48			
-	Dịch vụ	%	53,63	53,26	53,21		53,34			
-	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp	%	3,61	4,16	3,69		3,78			
5	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng/người	37,18	41,11	40,20		44,00			

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2021	Năm 2022			Năm 2023			Ghi chú
				Kế hoạch	Ước Thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2021 (%)	Kế hoạch	So với mục tiêu năm 2022 (%)	So với ước TH năm 2022 (%)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
6	Thu Ngân sách Nhà nước trên địa bàn (không bao gồm số bổ sung từ NSTW)	Tỷ đồng	1.950	2.018	4.175	214	2.838	141	68	
6.1	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	1.950	2.018	4.175	214	2.838	141	68	
	<i>Trong đó:</i>									
-	Thu thuế xuất, nhập khẩu	Tỷ đồng	436	230	2.600	597	1.200	522	46	
-	Thu nội địa	Tỷ đồng	1.495	1.788	1.575	105	1.638	92	104	
	<i>Trong đó:</i>									
	+ Thu từ tiền sử dụng đất	Tỷ đồng	181	500	350	194	500	100	143	
	+ Thu từ xổ số kiến thiết	Tỷ đồng	14	15	15	104	15	100	100	
6.2	Thu Ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp	Tỷ đồng	1.378	1.655	1.408	102	1.558	94	111	
	<i>Trong đó:</i>									
	+ Thu ngân sách địa phương hưởng 100%	Tỷ đồng	660	912	791	120	886	97	112	
	+ Thu ngân sách địa phương hưởng từ các khoản theo phân chia	Tỷ đồng	718	742	618	86	672	90	109	
7	Chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	9.829	11.625	12.158	123,70	13.278	114,22	109,21	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2021	Năm 2022			Năm 2023			Ghi chú
				Kế hoạch	Ước Thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2021 (%)	Kế hoạch	So với mục tiêu năm 2022 (%)	So với ước TH năm 2022 (%)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
7.1.	Chi đầu tư phát triển do địa phương quản lý	Tỷ đồng	2.694	4.320	3.962	147,08	4.082,97	94,52	103,04	
-	Vốn cân đối ngân sách địa phương	Tỷ đồng	850	1.141	1.141	134,27	1.113,55	97,57	97,57	
	<i>Trong đó:</i>									
	+ Vốn đầu tư XDCB tập trung trong nước	Tỷ đồng	691	772	772	111,72	800,05	103,64	103,64	
	+ Từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tỷ đồng	85	300	300	352,94	300,00	100,00	100,00	
	+ Từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Tỷ đồng	15	15	15	100,00	13,50	90,00	90,00	
	+ Từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	60	54	54	90,50	0,00	0,00	0,00	
-	Vốn Ngân sách TW (Vốn trong nước, ODA)	Tỷ đồng	1.474	2.890	2.533	171,86	2.969,42	102,73	117,22	
-	Vốn tăng thu NSDP, Vốn theo ND 167	Tỷ đồng	370	277,7	277,7	75,1	0,000	0,000	0,000	
-	Vốn nước ngoài vay lại từ Chính phủ	Tỷ đồng			10,2					
7.2	Chi thường xuyên	Tỷ đồng	7.135	7.295	7.878	110,42	8.879	121,71	112,70	
7.3	Chi từ nguồn tăng thu NSDP	Tỷ đồng		318	318		316			
8	Bội thu/Bội chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	45	54	40	88,99	11	20,26	27,23	
9	Vốn đầu tư phát triển trên địa bàn	Tỷ đồng	8.586	9.530	10.586	123,30	11.750	123,30	111,00	
10	Thứ hạng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)		63/63	60/63	60/63		57/63			

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2021	Năm 2022			Năm 2023			Ghi chú
				Kế hoạch	Ước Thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2021 (%)	Kế hoạch	So với mục tiêu năm 2022 (%)	So với ước TH năm 2022 (%)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
11	Thứ hạng chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI)		61/63	45/63	45/63		30/63			
12	Số doanh nghiệp đang hoạt động và kê khai thuế đến cuối kỳ báo cáo	Doanh nghiệp	1.415	1.500	1.500	106,00	1.650	107,00	107,00	
13	Về đầu tư trực tiếp nước ngoài còn hiệu lực lũy kế đến cuối kỳ báo cáo									
-	Số dự án	Dự án	11	12	10	90,91	9	75,00	90,00	
-	Vốn đầu tư thực hiện	Triệu USD	0,312	2	0,007	2,26	0,01	0,50	141,52	
-	Vốn đăng ký	Triệu USD	44,41	72	35,52	79,98	29,52	41,00	83,11	

Biểu số 2

CÁC CHỈ TIÊU VỀ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT, KINH DOANH NĂM 2023

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh Cao Bằng)

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2021	Năm 2022			Năm 2023			Ghi chú
				Kế hoạch	Ước Thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2021 (%)	Kế hoạch	So với mục tiêu năm 2022	So với ước TH năm 2022	
1	2	3	4	5	6	7	8,0	9	10	11
A	NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN									
1	Tổng giá trị sản xuất (theo giá cố định 2010)	Tỷ đồng	4.430	4.527	4.592	103,65	4.752,0	104,97	103,50	
a	Nông nghiệp	Tỷ đồng	3.995	4.104	4.148	103,82	4.299,4	104,75	103,65	
-	Trồng trọt	Tỷ đồng	2.604	2.596	2.682	102,99	2.766,0	106,53	103,13	
-	Chăn nuôi	Tỷ đồng	1.262	1.371	1.330	105,42	1.392,0	101,52	104,66	
-	Dịch vụ và các hoạt động khác	Tỷ đồng	130	137	136	105,00	141,4	103,27	104,00	
b	Lâm nghiệp	Tỷ đồng	418	415	426	102,00	434,4	104,66	102,00	
c	Thủy sản	Tỷ đồng	17	17	18	104,00	18,2	105,29	103,00	
2	Năng suất, sản lượng một số cây trồng chủ yếu trên địa bàn									
a	Lúa	ha	29.185	29.633	30.168	103,37	29.717	100,29	98,51	
	Năng suất	Tạ/ha	46	45	47	102,11	48	104,99	101,57	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2021	Năm 2022			Năm 2023			Ghi chú
				Kế hoạch	Ước Thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2021 (%)	Kế hoạch	So với mục tiêu năm 2022	So với ước TH năm 2022	
1	2	3	4	5	6	7	8,0	9	10	11
	Sản lượng	Tấn	133.660	134.069	141.082	105,55	141.157	105,29	100,05	
b	Ngô	ha	41.255	39.340	41.440	100,45	40.543	103,06	97,84	
	Năng suất	Tạ/ha	38	37	38	99,28	39	104,66	102,21	
	Sản lượng	Tấn	156.523	144.709	156.096	99,73	156.091	107,87	100,00	
c	Lạc vỏ	ha	1.911	1.908	1.784	93,32	2.024	106,03	113,45	
	Năng suất	Tạ/ha	15	15	15	100,02	16	104,15	104,64	
	Sản lượng	Tấn	2.849	2.858	2.659	93,33	3.157	110,44	118,72	
d	Thuốc lá	ha	3.054	3.056	3.289	107,69	3.511	114,87	106,74	
	Năng suất	Tạ/ha	25	25	25	97,10	26	101,91	103,60	
	Sản lượng	Tấn	7.772	7.678	8.127	104,57	8.988	117,06	110,59	
e	Đỗ tương	ha	2.406	2.664	2.114	87,86	2.664	100,00	126,01	
	Năng suất	Tạ/ha	10	10	10	95,05	10	108,95	106,59	
	Sản lượng	Tấn	2.470	2.543	2.063	83,51	2.770	108,95	134,31	
f	Mía Cây	ha	2.846	2.948	2.761	97,02	3.049	103,42	110,43	
	Năng suất	Tạ/ha	610	678	673	110,35	689	101,58	102,34	
	Sản lượng	Tấn	173.634	199.990	185.884	107,06	210.090	105,05	113,02	
i	Cây sắn	ha	2.904	2.026	3.024	104,13	3.056	150,88	101,06	
	Năng suất	Tạ/ha	151	152	139	91,58	163	106,97	117,56	
	Sản lượng	Tấn	43.967	30.865	41.926	95,36	49.813	161,39	118,81	
k	Cây Dong riềng	ha	406	371	475	116,95	473	127,49	99,59	
	Năng suất	Tạ/ha	500	566	536	107,35	561	99,14	104,67	

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2021	Năm 2022			Năm 2023			Ghi chú
				Kế hoạch	Ước Thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2021 (%)	Kế hoạch	So với mục tiêu năm 2022	So với ước TH năm 2022	
1	2	3	4	5	6	7	8,0	9	10	11
	Sản lượng	Tấn	20.286	21.006	25.468	125,54	26.549	126,39	104,25	
l	Thạch đen	ha	515	415	564	109,48	570	137,35	101,12	
	Năng suất	Tạ/ha	57	55	55	96,57	57	103,76	103,84	
	Sản lượng	Tấn	2.911	2.268	3.078	105,73	3.232	142,52	105,01	
m	Gừng trâu	ha	143	120	180	125,98	200	166,67	111,41	
	Năng suất	Tạ/ha	180	170	170	94,44	183	107,47	107,47	
	Sản lượng	Tấn	2.565	2.040	2.998	116,87	3.654	179,12	121,89	
n	Cỏ chăn nuôi	ha	765	960	1.775	231,96	1.800	187,50	101,44	
	Năng suất	Tạ/ha	430	435	312	72,44	442	101,40	141,73	
	Sản lượng	Tấn	32.895	2.040	55.279	168,05	79.470	3.895,59	143,76	
o	Khoai tây	ha	127	83	94	74,57	162	194,58	170,94	
	Năng suất	Tạ/ha	150	149	163	108,44	166	111,68	102,30	
	Sản lượng	Tấn	1.901	1.238	1.537	80,86	2.687	217,07	174,87	
p	Mạch hoa	ha	32		80	252,23	81		100,05	
	Năng suất	Tạ/ha	7		5	75,71	7		135,85	
	Sản lượng	Tấn	22		43	191,23	58		135,92	
q	Rau các loại	ha	65		10	15,15			0,00	
	Năng suất	Tạ/ha	3.500		250				0,00	
	Sản lượng	Tấn	81		245				0,00	
3	Sản phẩm chăn nuôi chủ yếu	ha								
-	Thịt hơi các loại	Tạ/ha	35.085	39.600	40.239	114,69	42.541	107,43	105,72	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2021	Năm 2022			Năm 2023			Ghi chú
				Kế hoạch	Ước Thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2021 (%)	Kế hoạch	So với mục tiêu năm 2022	So với ước TH năm 2022	
1	2	3	4	5	6	7	8,0	9	10	11
	<i>Trong đó: Thịt lợn</i>	Tấn	25.378	27.055	27.055	106,61	29.000	107,19	107,19	
4	Lâm nghiệp									
	Diện tích rừng trồng mới tập trung	ha	1.496	1.800	1.800	120,35	1.750,0	97,22	97,22	
	<i>Trong đó:</i>									
	+ Rừng sản xuất	ha	509	1.500	1.500	294,87	1.400,0	93,33	93,33	
-	+ Rừng trồng thay thế	ha	100			0,00	50,0			
	Tỷ lệ che phủ rừng	%	55,88	57,19	57,19		57,8			
5	Thủy sản									
-	Diện tích nuôi trồng thủy sản	tấn	354	384	384	108,60	389,0	101,30	101,30	
-	Sản lượng khai thác	tấn	114	106	106	92,60	106,0	100,00	100,00	
-	Sản lượng nuôi trồng		480	472	495	103,13	528,0	111,86	106,67	
6	Giá trị sản phẩm trồng trọt, nuôi trồng thủy sản trên 01 đơn vị diện tích (ha)	triệu đồng/ha	42	44	44	104,76	46,0	104,55	104,55	
7	Phát triển nông thôn									
-	Số tiêu chí nông thôn mới bình quân đạt được bình quân/xã	Tiêu chí/xã	12	13	12	100,00	13,0	104,00	111,78	

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2021	Năm 2022			Năm 2023			Ghi chú
				Kế hoạch	Ước Thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2021 (%)	Kế hoạch	So với mục tiêu năm 2022	So với ước TH năm 2022	
1	2	3	4	5	6	7	8,0	9	10	11
-	Số xã điểm đạt từ 17-18 tiêu chí nông thôn mới tăng thêm	Xã	6	5	5	83,33	5,0	100,00	100,00	
-	Tỉ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	91	92	92		93,0			
B	CÔNG NGHIỆP									
I	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) so với cùng kỳ	%	93,70							
	Khai khoáng	%	89,10							
	Công nghiệp chế biến, chế tạo	%	99,50							
	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	%	93,20							
	Cung cấp nước, hoạt động thu gom, xử lý rác	%	101,70							
II	Giá trị sản xuất công nghiệp (Theo giá HH)	Tỷ đồng	5.300,00	5.620,00	5.620,00	106,04	6.700,0	119,22	119,22	
1	Phân theo loại hình kinh tế	Tỷ đồng	5.300,00	5.620,00	5.620,00	106,04	6.700,0	119,22	119,22	
*	Kinh tế nhà nước	Tỷ đồng	3.074,71	2.913,90	2.461,90	80,07	2.347,0	80,54	95,33	
	- DNNN TW, C.ty CP NNTW >50%	Tỷ đồng	2.985,78	2.821,18	2.369,18	79,35	2.250,0	79,75	94,97	
	- C.ty CP NNĐF >50%, C.ty TNHH NN ĐF	Tỷ đồng	88,93	92,72	92,72	104,26	97,0	104,61	104,61	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2021	Năm 2022			Năm 2023			Ghi chú
				Kế hoạch	Ước Thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2021 (%)	Kế hoạch	So với mục tiêu năm 2022	So với ước TH năm 2022	
1	2	3	4	5	6	7	8,0	9	10	11
*	Kinh tế ngoài nhà nước	Tỷ đồng	2.224,69	2.705,50	3.157,50	141,93	4.352,4	160,87	137,84	
*	Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	Tỷ đồng	0,60	0,60	0,60	100,00	0,6	100,00	100,00	
2	Phân theo ngành công nghiệp	Tỷ đồng	5.300,00	5.620,00	5.620,00	106,04	6.700,0	119,22	119,22	
	Khai khoáng	Tỷ đồng	437,24	450,35	408,18	93,36	430,0	95,48	105,34	
	Công nghiệp chế biến, chế tạo	Tỷ đồng	4.113,95	4.310,06	4.352,23	105,79	5.349,0	124,11	122,90	Tăng do SP nik
	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	Tỷ đồng	663,84	771,07	771,07	116,15	830,0	107,64	107,64	
	Cung cấp nước, hoạt động thu gom, xử lý rác	Tỷ đồng	84,98	88,52	88,52	104,17	91,0	102,80	102,80	
III	Giá trị sản xuất công nghiệp (giá SS 2010)	Tỷ đồng	3.800,00	4.030,00	4.030,00	106,05	4.830,0	119,85	119,85	
	Phân theo ngành công nghiệp	Tỷ đồng	3.800,00	4.030,00	4.030,00	106,05	4.830,0	119,85	119,85	
	Khai khoáng	Tỷ đồng	218,88	225,44	225,44	103,00	234,0	103,80	103,80	
	Công nghiệp chế biến, chế tạo	Tỷ đồng	3.008,80	3.146,48	3.146,48	104,58	3.900,0	123,95	123,95	
	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	Tỷ đồng	520,88	605,00	605,00	116,15	641,0	105,95	105,95	
	Cung cấp nước, hoạt động thu gom, xử lý rác	Tỷ đồng	51,45	53,08	53,08	103,17	55,0	103,62	103,62	
IV	Sản lượng một số sản phẩm CN chủ yếu									
1	Quặng Mangan	tấn	60,17	45,00	45,00	74,79	45,0	100,00	100,00	
2	Phôi thép	1000 tấn	198,25	210,00	145,00	73,14	166,2	79,14	114,62	
3	Tinh quặng Ni ken đồng	1000 tấn	0,00	0,00	0,00		100,0			

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2021	Năm 2022			Năm 2023			Ghi chú
				Kế hoạch	Ước Thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2021 (%)	Kế hoạch	So với mục tiêu năm 2022	So với ước TH năm 2022	
1	2	3	4	5	6	7	8,0	9	10	11
4	Đường RE	1000 tấn	16,01	14,96	15,66	97,83	15,7	104,70	100,00	
5	Gạch xây dựng bằng đất sét nung	tr. viên	88,86	70,00	70,00	78,78	75,0	107,14	107,14	
6	Xi măng	1000 Tấn	10,77	22,00	10,00	92,87	12,0	54,55	120,00	
7	Fero mangan các loại	1000 tấn	13,00	30,00	30,00	230,77	32,3	107,73	107,73	
8	Điện sản xuất	Tr. kwh	559,46	740,00	740,00	132,27	791,0		106,89	
9	Nước máy thương phẩm	1000 m3	5.308,00	6.300,00	6.100,00	114,92	6.300,0	100,00	103,28	
10	Chiếu trúc	1000 cái	43,47	120,00	80,00	184,03	100,0	83,33	125,00	
11	Đá xây dựng	1000 m3	464,08	420,00	420,00	90,50	450,0	107,14	107,14	
12	Cát tự nhiên	1000 m3	99,79	110,00	110,00	110,23	115,0	104,55	104,55	
13	Rác thải không độc hại đã thu gom ko thể tái chế	tr. Đồng	11,92	13,50	13,50	113,22	14,0	103,70	103,70	
C	Dịch vụ									
1	Doanh thu bán lẻ hàng hóa	Tỷ đồng	7.392,00	9.758,00	8.165,00	110,46	9.238,0	94,67	113,14	
	Trong đó:									
	Bán lẻ hàng hóa	Tỷ đồng	6.136,30	8.007,00	7.064,30	115,12	7.575,00	94,60	107,23	
	Dịch vụ lưu trú, ăn uống	Tỷ đồng	810,89	1.227,00	1.102,70	135,99	1.200,00	97,80	108,82	
	Du lịch, lữ hành	Tỷ đồng	2,65	4,00	6,00	226,42	7,00	175,00	116,67	
	Dịch vụ khác	Tỷ đồng	442,54	521,00	442,00	99,88	456,00	87,52	103,17	
2	Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống	Tỷ đồng	1.115,5	1.227	1.103	98,85	1.200,0	97,80	108,82	
3	Du lịch									
	Tổng số lượt khách		416.219	1.000.000	1.043.100	250,61	1.300.000,0	130,00	124,63	
-	Số lượt khách quốc tế	Lượt người	1.375	20.000	14.200	1.032,73	100.000,0	500,00	704,23	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2021	Năm 2022			Năm 2023			Ghi chú
				Kế hoạch	Ước Thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2021 (%)	Kế hoạch	So với mục tiêu năm 2022	So với ước TH năm 2022	
1	2	3	4	5	6	7	8,0	9	10	11
	<i>Tốc độ tăng</i>	%					604,2			
-	Số lượt khách du lịch nội địa	Lượt người	414.844	980.000	1.028.900	248,02	1.200.000,0	122,45	116,63	
	<i>Tốc độ tăng</i>	%					16,6			
-	Doanh thu từ du lịch	Tỷ đồng	72	125	548	759,50	900,0	720,00	164,35	
4	Vận tải									
	Khối lượng hàng hóa vận chuyển	1000 tấn	1.790		3.222		4.833,0		150,00	
	Số lượt hành khách vận chuyển tại các bến xe	1000 HK	450		279		418,5		150,00	
D	XUẤT NHẬP KHẨU		800,50	631,00	820,00	102,44	638,0	101,11	77,80	
1	Giá trị hàng hóa giám sát	Triệu USD	285,70	205,00	100,00	35,00	110,0	53,66	110,00	
2	Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa qua địa bàn	Triệu USD	336,20	301,00	120,00	35,69	132,0	43,85	110,00	
3	Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa qua địa bàn	Triệu USD	178,60	125,00	600,00	335,95	396,0	316,80	66,00	

Biểu số 3
CÁC CHỈ TIÊU VĂN HÓA, XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG NĂM 2023
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh Cao Bằng)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2021	Năm 2022			Năm 2023			Ghi chú
				Kế hoạch	Ước Thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2021 (%)	Kế hoạch	So với mục tiêu năm 2022 (%)	So với ước TH năm 2022 (%)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	DÂN SỐ									
1	Dân số trung bình	Nghìn người	537,98	538,07	538,07	100,02	540,76	100,50	100,50	
2	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	‰	0,88	0,86	0,86		0,85			
3	Tổng tỷ suất sinh (Số con/phụ nữ)	Con	2,38	2,33	2,38	100,00	2,35	100,86	98,74	
4	Tỷ số giới tính khi sinh (số bé trai/100 bé gái)	số bé trai/100 bé gái	114,00	110,00	112,00	98,25	111,00	100,91	99,11	
5	Tuổi thọ trung bình	Tuổi	71,35	71,60	71,60	100,35	71,90	100,42	100,42	
II	LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM									
-	Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên	Ngh.người	353,57	356,00	356,60	100,86	359,60	101,01	100,84	
-	Tổng số lao động từ 15 tuổi đang làm việc	Ngh.người	350,36	354,00	354,32	101,13	357,52	100,99	100,90	
-	Năng suất lao động	Triệu đồng	57,09	62,35	60,50	105,98	66,51	106,68	109,93	
-	Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc so với tổng dân số	%	65,12	65,30	65,25		65,35			
-	Số lao động di làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Ngh.người	0,04	0,10	0,10	243,90	0,10	100,00	100,00	
-	Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động	%	46,60	48,20	48,20		50,00			
	Trong đó: Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo	%	22,40	22,80	22,80		23,30			
	Trong đó: Đào tạo nghề	%	34,40	35,80	35,80		37,40			

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2021	Năm 2022			Năm 2023			Ghi chú
				Kế hoạch	Ước Thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2021 (%)	Kế hoạch	So với mục tiêu năm 2022 (%)	So với ước TH năm 2022 (%)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
-	Số người tham gia bảo hiểm xã hội	Ngh. người	53,29	58,92	54,02	101,37	69,47	117,90	128,60	
	<i>Trong đó</i>									
	+ Bảo hiểm xã hội bắt buộc	Ngh. người	35,14	35,52	35,52	101,08	38,32	107,89	107,89	
	+ Bảo hiểm xã hội tự nguyện	Ngh. người	18,15	23,40	18,50	101,93	31,14	133,09	168,35	
-	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội so với lực lượng lao động trong độ tuổi	%	18,70	19,91	18,83		24,04			
	<i>Trong đó:</i>									
	+ Tỷ lệ tham gia BHXH bắt buộc	%	12,33	12,0	12,380	100,41	13,260	110,50	107,10	
	+ Tỷ lệ tham gia BHXH tự nguyện	%	6,37	7,91	6,450	101,26	10,780	136,30	167,10	
-	Số người tham gia bảo hiểm thất nghiệp	Ngh. người	26,95	27,25	27,25	101,09	29,22	107,23	107,23	
-	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm thất nghiệp so với lực lượng lao động trong độ tuổi	%	9,46	9,50	9,50		10,11			
-	Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị	%	3,45	3,35	3,35		3,25			
III	GIÁM NGHÈO (theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều)									
-	Tổng số hộ của toàn tỉnh/thành phố	Nghìn hộ	128,66	130,00	129,10	100,34	130,00	100,00	100,70	
-	Số hộ nghèo	Nghìn hộ	42,75	37,60	37,57	87,89	32,45	86,30	86,37	
-	Tỷ lệ hộ nghèo	%	33,23	30,73	29,10	87,58	25,23			

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2021	Năm 2022			Năm 2023			Ghi chú
				Kế hoạch	Ước Thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2021 (%)	Kế hoạch	So với mục tiêu năm 2022 (%)	So với ước TH năm 2022 (%)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
-	Số hộ thiếu đói trong năm	Hộ	23.141,00	50.000,00	27.606,00	119,29	50.000,00	100,00	181,12	
-	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	4,03	4,00	4,13	102,48	4,00			
-	Số hộ cận nghèo	Nghìn hộ	17,15	21,11	19,10	111,37	24,97	118,29	130,77	
-	Tỷ lệ hộ cận nghèo	%	13,33	16,40	14,79	110,96	19,40			
-	Số hộ thoát nghèo	Nghìn hộ	5.171,00	5,15	5,18	0,10	5,15	100,00	99,44	
-	Số hộ tái nghèo	Nghìn hộ	0,03	0,12	0,12	400,00	0,12	100,00	100,00	
IV	CUNG CẤP CÁC DỊCH VỤ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU									
-	Tổng số xã, phường của toàn tỉnh/thành phố	Xã	161,00	161,00	161,00	100,00	161,00	100,00	100,00	
	<i>Trong đó:</i>									
	+ Số xã đặc biệt khó khăn	Xã	124,00	124,00	124,00	100,00	124,00	100,00	100,00	
-	Số xã có đường ô tô đến trung tâm	Xã	139,00	139,00	139,00	0,00	139,00	0,00	0,00	
-	Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm được nhựa hóa	%	91,00	98,00	97,50		98,80			
-	Tỷ lệ chiều dài các tuyến đường huyện, đường xã được nhựa hóa/bê tông hóa mặt đường	%	76,00	77,75	77,50		82,50			
-	Tỷ lệ xã có đường đến trung tâm xã được nhựa hóa/bê tông hóa	%	100,00	100,00	100,00		100,00			
-	Số xã có trạm y tế	Xã	161,00	161,00	161,00	100,00	161,00	100,00	100,00	
-	Tỷ lệ xã có trạm y tế	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	
-	Số xã có bưu điện văn hoá xã	Xã	139,00	139,00	139,00	100,00	139,00	100,00	100,00	
-	Tỷ lệ xã có bưu điện văn hoá xã	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	
-	Số xã có chợ xã, liên xã	xã	58,00	59,00	56,00	96,55	56,00	94,92	100,00	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2021	Năm 2022			Năm 2023			Ghi chú
				Kế hoạch	Ước Thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2021 (%)	Kế hoạch	So với mục tiêu năm 2022 (%)	So với ước TH năm 2022 (%)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
-	Tỷ lệ xã có chợ xã, liên xã	%	36,02	36,65	34,78	59,97	34,78	58,95	62,11	
-	Số hộ được sử dụng điện	Hộ	121.022,00	123.585,00	122.000,00	100,81	123.288	99,76	101,06	
-	Tỷ lệ hộ được sử dụng điện	%	92,99	94,97	93,75		94,72			
-	Số xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em	xã, phường	136,00	138,00	138,00	101,47	140,00	101,45	101,45	
-	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em	%	84,47	85,71	85,71	101,47	86,95	101,45	101,45	
V	Y TẾ									
-	Số người tham gia bảo hiểm y tế	Ngh. người	508,59	512,85	506,54	99,60	524,68	102,31	103,58	
-	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	94,50	95,40	95,40	100,26	97,00	101,68	102,37	
-	Số giường bệnh/1 vạn dân (không tính giường trạm y tế xã)	Giường	34,90	35,02	34,90	100,00	35,00	99,94	100,29	
-	Số bác sỹ/1 vạn dân	Bác sỹ	15,00	15,00	15,00	100,00	15,00	100,00	100,00	
-	Số trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sỹ làm việc (bao gồm cả hỗ trợ luân phiên)	Trạm	140,00	140,00	130,00	92,86	135,00	96,43	83,85	
-	Tỷ lệ trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sỹ làm việc (bao gồm cả hỗ trợ luân phiên)	%	86,90	86,90	80,75	92,92	83,85	96,49	103,85	
-	Số xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã tăng thêm	Xã	8,00	6,00	6,00	75,00	5,00	83,33	83,33	
-	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	%	80,10	78,90	78,90	98,50	82,00	103,93	103,93	
-	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi	‰	13,70	17,40	17,40	127,01	17,30	99,43	571,41	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2021	Năm 2022			Năm 2023			Ghi chú
				Kế hoạch	Ước Thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2021 (%)	Kế hoạch	So với mục tiêu năm 2022 (%)	So với ước TH năm 2022 (%)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
-	Tỷ lệ tử vong của trẻ em dưới 5 tuổi	‰	15,90	21,10	21,10	132,70	21,00	99,53	471,69	
-	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi)	%	16,50	16,40	16,40	99,39	16,30	99,39	606,04	
VI	VĂN HÓA- XÃ HỘI									
-	Tỷ lệ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa	%	85,50	85,00	85,00		85,00			
-	Tỷ lệ khu dân cư văn hóa	%	81,40	57,00	57,00		58,00			
-	Tỷ lệ cơ quan đạt tiêu chuẩn văn hóa	%	95,00	95,00	95,00		95,00			
-	Tỷ lệ khu dân cư có nhà văn hóa	%	81,00	82,00	82,00		83,00			
-	Số xã, phường có nhà văn hóa	Xã, phường	53,00	65,00	65,00	122,64	70,00	107,69	107,69	
-	Số xã, phường có tủ sách	Xã, phường	50,00	50,00	50,00	100,00	50,00	100,00	100,00	
-	Thời lượng phát thanh bằng tiếng dân tộc	Giờ/năm	1.095,00	1.095,00	1.095,00	100,00	1.095,00	100,00	100,00	
-	Số hộ xem được Đài truyền hình Việt Nam	Hộ	115.940,00	115.940,00	115.940,00	100,00	115.940,00	100,00	100,00	
-	Tỷ lệ hộ xem được Đài truyền hình Việt Nam	%	95,00	95,00	95,00		95,00			
-	Số hộ nghe được Đài tiếng nói Việt Nam	Hộ	119.610,00	119.610,00	119.610,00	100,00	119.610,00	100,00	100,00	
-	Tỷ lệ hộ nghe được Đài tiếng nói Việt Nam	%	98,00	98,00	98,00		98,00			
-	Số tiêu chí nông thôn mới bình quân đạt được bình quân/xã	Tiêu chí/xã	11,63	12,5	11,6	100	13,0	104	112	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2021	Năm 2022			Năm 2023			Ghi chú
				Kế hoạch	Ước Thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2021 (%)	Kế hoạch	So với mục tiêu năm 2022 (%)	So với ước TH năm 2022 (%)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
-	Số xã điểm đạt từ 17-18 tiêu chí nông thôn mới tăng thêm	Xã	6	5	5	83	5,0	100	100	
-	Lưu ý kế số xã đạt chuẩn NTM	Xã	17	17	17	100	17	100	100	
-	Số người tập luyện TDTT thường xuyên	%	29	29,50	29,50	101,72	30,00	101,69	101,69	
-	Số gia đình tham gia thể thao	%	19	19,50	19,50	102,63	20,00	102,56	102,56	
-	Số lần tham gia giải khu vực, toàn quốc và quốc tế	Giải	16	10,00	15,00	93,75	10,00	100,00	66,67	
-	Số lần tổ chức thi đấu các giải cấp tỉnh, và toàn quốc tại tỉnh	Giải	9	9,00	9,00	100,00	10,00	111,11	111,11	
-	Số huy chương đạt trong các giải khu vực và toàn quốc	Huy chương	33	35,00	115,00	348,48	38,00	108,57	33,04	
VII	GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO									
-	Tổng số học sinh đầu năm học	Học sinh	131.718	133.300	132.651	101	135.300	101,50	102,00	
	Trong đó:									
	+ Mầm non. Trong đó:	Trẻ	34.846	34.600	32.950	95	33.500	96,82	101,67	
	. Nhà trẻ	Trẻ	5.215	4.600	4.353	83	4.500	97,83	103,38	
	. Mẫu giáo	Trẻ	29.631	30.000	28.597	97	29.000	96,67	101,41	
	+ Tiểu học	Học sinh	51.505	51.500	52.410	102	52.000	100,97	99,22	
	+ Trung học cơ sở	Học sinh	31.792	32.000	33.242	105	35.000	109,38	105,29	
	+ Trung học phổ thông	Học sinh	13.575	15.200	14.049	103	14.800	97,37	105,35	
-	Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ	%	24,90	23,50	25,09		25,28			
-	Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo	%	98,84	98,64	99,14		99,16			

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2021	Năm 2022			Năm 2023			Ghi chú
				Kế hoạch	Ước Thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2021 (%)	Kế hoạch	So với mục tiêu năm 2022 (%)	So với ước TH năm 2022 (%)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
-	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi									
	Trong đó:									
	+ Cấp Tiểu học	%	99,80	99,82	99,84		99,85			
	+ Cấp Trung học cơ sở	%	94,50	96,33	94,64		95,00			
	+Cấp Trung học phổ thông	%	55,31	55,31	55,84		56,30			
-	Số trường đạt chuẩn quốc gia tăng thêm	Trường	9,00	6,00	11,00	122,22	6,00	100,00	54,55	

Biểu số 4
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VÀ KINH TẾ TẬP THỂ NĂM 2023
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh Cao Bằng)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2021	Năm 2022			Năm 2023			Ghi chú
				Kế hoạch	Ước Thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2021 (%)	Kế hoạch	So với mục tiêu năm 2022	So với ước TH năm 2022	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Doanh nghiệp									
1.1	Số doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh tại thời điểm 31/12 hằng năm	Doanh nghiệp	1.782	1.780	1.780	100	1903	107	107	
1.2	Số lao động trong doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh tại thời điểm 31/12 hằng năm	Người	19.650	20.000	20.000	102	20.000	100	100	
1.3	Doanh nghiệp thành lập mới									
1.3.1	Số doanh nghiệp thành lập mới	Doanh nghiệp	167	168	168	101	169	101	101	
	Tốc độ tăng	%		0,60	0,60		0,60			
1.3.2	Tổng số vốn đăng ký	Tỷ đồng	2.100	1.600	1.600	76	1.650	103	103	
	Tốc độ tăng	%								
1.3.3	Tổng số lao động đăng ký	Người								
	Tốc độ tăng	%								
1.4	Số doanh nghiệp giải thể	Doanh nghiệp	39	20	33	85	20	100	61	
2	Hợp tác xã									
2.1	Số hợp tác xã đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh tại thời điểm 31/12 hằng năm	Hợp tác xã	385	390	394	102,34	399	102,31	101,27	
2.2	Số lao động trong hợp tác xã đang hoạt động sản xuất kinh doanh tại thời điểm 31/12 hằng năm	Người	2.515	3.200	2.429	96,58	2.481	77,53	102,14	
2.3	Số hợp tác xã thành lập mới	Hợp tác xã	45	14	28	62,22	15	107,14	53,57	
2.4	Số hợp tác xã hoàn tất thủ tục giải thể	"	21	10	16	76,19	10	100,00	62,50	

Biểu số 5
CÁC CHỈ TIÊU VỀ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh Cao Bằng)

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2021	Năm 2022			Năm 2023			Ghi chú
				Kế hoạch	Ước Thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2021 (%)	Kế hoạch	So với mục tiêu năm 2022	So với ước TH năm 2023	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Tỷ lệ dân cư nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh	%	91,00	92,00	92,00		93,00			
2	Tỷ lệ dân cư thành thị được sử dụng nước sạch	%	85,00	86,00	86,00		86,50			
3	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt khu vực đô thị được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường	%	83,00	85,00	85,00		87,00			
4	Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý	%	83,30	87,50	83,30		91,60			
5	Số hộ chăn nuôi đưa gia súc ra khỏi gầm sàn	hộ	2.600,00	2.215,00	2.215,00	85,19	1.909,00	86,19	86,19	
6	Tỷ lệ Khu công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn MT (%)	%	0,00	100,00	100,00		100,00			
7	Tỷ lệ che phủ rừng	%	55,88	57,19	57,19		57,83			

UBND TỈNH CAO BẰNG
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Số: 2403 /BTH-SKHĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Cao Bằng, ngày 08 tháng 11 năm 2022

BẢNG TỔNG HỢP

**Ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển
kinh tế - xã hội năm 2023 tỉnh Cao Bằng**

Thực hiện Công văn số 2532/UBND-TH ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc giao nhiệm vụ xây dựng dự thảo báo cáo, nghị quyết trình kỳ họp thường lệ cuối năm 2022 Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Công văn số 2435/SKHĐT-THQH ngày 12 tháng 10 năm 2022 gửi Ủy ban mặt trận tổ quốc tỉnh, các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố xin ý kiến góp ý đối với Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 của tỉnh Cao Bằng. Đến 17 giờ ngày 27/10/2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận được ý kiến góp ý của 31 đơn vị. Trên cơ sở ý kiến góp ý của các đơn vị, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tổng hợp, tiếp thu, giải trình như sau:

STT	Đơn vị góp ý kiến	Nội dung góp ý	Ý kiến giải trình, tiếp thu	Ghi chú
1	Công an tỉnh (Công văn số 4274/CQT-PTM ngày 14/10/2022)	Hoàn toàn nhất trí với dự thảo Nghị quyết, không có góp ý bổ sung		
2	Sở Ngoại vụ (Công văn số 1548/SNgV-VP ngày 17/10/2022)	Nhất trí với nội dung dự thảo Nghị quyết, không có ý kiến bổ sung		
3	UBND huyện Trùng	Nhất trí với nội dung dự thảo, không có ý kiến chỉnh sửa và		

	Khánh (Công văn số 1713/UBND-TCKH ngày 14/10/2022)	bổ sung gì thêm		
4	Sở Xây dựng (Công văn số 2018/SXD-QLXD ngày 17/10/2022)	Nhất trí với dự thảo, không có ý kiến đóng góp thêm		
5	Hải quan tỉnh Cao Bằng (Công văn số 1382/HQCB-NV ngày 17/10/2022)	Nhất trí hoàn toàn về các nội dung của dự thảo.		
6	Ban Dân tộc (Công văn số 1066/BDT-CSDT ngày 17/10/2022)	Nhất trí và không có ý kiến gì thêm đối với các dự thảo.		
7	UBND huyện Bảo Lâm (Công văn số 2452/UBND-TCKH ngày 17/10/2022)	Nhất trí hoàn toàn với dự thảo, không có ý kiến sửa đổi, bổ sung gì thêm.		
8	Sở Tư pháp (Công văn số 1177/STP-XDVB&PBGDPL ngày 18/10/2022)	Nhất trí với nội dung dự thảo nghị quyết.		
9	Cục Thống kê tỉnh (Công văn số 569/CTK-TKTH ngày 18/10/2022)	1. Về tăng trưởng khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản (NLTS): Khu vực NLTS dự kiến mức tăng trưởng năm 2023 là 3,1% so với năm 2021. Tuy nhiên số liệu tại biểu đính kèm mức tăng của các sản phẩm chính không cao. Vậy với dự kiến sản lượng tại biểu kèm theo thì không thể đạt mức tăng trưởng 3,1% nếu không có dư địa mới trong lĩnh vực NLTS 2. Giá trị công nghiệm theo giá so sánh tăng 25.68% so với	Sở Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Công văn số 2538/SKHĐT-THQH ngày 21/10/2022 về việc rà soát các sản phẩm chủ yếu trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp và lĩnh vực công nghiệp trong dự thảo Kế hoạch phát triển KTXH năm 2023 tỉnh Cao Bằng gửi Sở Nông nghiệp và PTNT,	

		năm 2022 là không logic, cần phải làm rõ sản phẩm tạo dư địa mới trong ngành này để có mức tăng trưởng đột phá như trên. 3. Khu vực dịch vụ: Theo KH 2023, giá trị tăng thêm khu vực dịch vụ tăng 8.35% là khó khả thi.	Sở Công thương. Và các Sở đã có công văn giải trình số 2349/SNN-PTNT ngày 25/10/2022; số 1626/SCT-KHTCTH ngày 24/10/2022.	
10	Sở Tài nguyên và môi trường (Công văn số 3521/STNMT-KHTH ngày 17/10/2022)	- Dự thảo Nghị quyết: Khoản 3.7 Điều 1 (trang 7): sửa "...thực hiện tốt việc lập, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, cấp huyện năm 2023 làm cơ sở cho việc..." thành "...hoàn thành việc trình thẩm định, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh giai đoạn 2021 – 2025; thẩm định, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 cấp huyện, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất cấp huyện năm 2023 làm cơ sở cho việc ..." - Dự thảo Kế hoạch: Phần II, Mục IV, 5. Lĩnh vực tài nguyên môi trường (Sửa tương tự như ở trên) - Các nội dung khác: Hoàn toàn nhất trí, không có ý kiến bổ sung.	Tiếp thu, đã chỉnh sửa	
11	CSSP tỉnh Cao Bằng (Công văn số 445/CSSP-VP ngày 18/10/2022)	Nhất trí với các nội dung của bản Dự thảo và không có ý kiến gì thêm		
12	UBND huyện Hà Quảng (Công văn số 3071/UBND-TCKH ngày 18/10/2022)	Nhất trí với nội dung và các chỉ tiêu bản dự thảo.		
13	Sở Khoa học và công nghệ (Công văn số 1501/SKHCN-VP ngày 17/10/2022)	- Cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo các văn bản. - Đối với dự theo Nghị quyết, đề nghị chỉnh sửa mục 3.6. Khoa học công nghệ (trang 6) như sau: "Tiếp tục trình cấp có thẩm quyền phê duyệt danh mục đối với 03 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia. Triển khai 43 nhiệm	Tiếp thu, đã chỉnh sửa	

		vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, ngành, địa phương, cấp tỉnh, cấp cơ sở, trong đó có 20 nhiệm vụ thực hiện mới từ năm 2023 và tổ chức nhân rộng kết quả của các đề tài, dự án đã được nghiệm thu vào đời sống sản xuất, tập trung vào các lĩnh vực nông nghiệp thông minh, du lịch, dịch vụ là các lĩnh vực ưu tiên trọng điểm của tỉnh; Cung cấp thông tin phục vụ doanh nghiệp nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo, thương mại hóa công nghệ và chuyển giao công nghệ; Phổ biến thông tin công nghệ, đẩy mạnh tư vấn, phục vụ thông tin khoa học và công nghệ cho phát triển kinh tế - xã hội, nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới; Nghiên cứu, triển khai các dự án hợp tác với tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc về nông nghiệp trên các lĩnh vực: dự báo và kiểm soát dịch bệnh động, thực vật; khoa học kỹ thuật, máy móc nông nghiệp; sản xuất các sản phẩm nông nghiệp có ưu thế....; Xây dựng Cổng thông tin khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Cao Bằng; Hỗ trợ các ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo để hình thành và phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; Phối hợp tổ chức, tham gia các chợ công nghệ và thiết bị (Techmart), Techfest các sản phẩm dịch vụ công nghệ trong nước và quốc tế. Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án “Triển khai áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc” theo Quyết định số 100/QĐ-TTG ngày 19/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1752/QĐ-UBND ngày 22/9/2020 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Triển khai áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh Cao Bằng”.”		
		- Đối với dự thảo Kế hoạch phát triển KTXH, đề nghị bổ sung một số kết quả của lĩnh vực KH&CN: “Thực hiện tốt các nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác khoa học và công nghệ (KH&CN): Triển khai thực hiện đối với 39 nhiệm vụ KH&CN đang được triển khai trên địa bàn tỉnh; Xây dựng kế hoạch tổ chức kiểm tra việc xây dựng, áp	- Tiếp thu, chỉnh sửa 1 phần. - Không tiếp thu đối với nội dung góp ý: “Kiểm định, hiệu chuẩn 395 phương tiện đo (PTTD) các loại. Đẩy mạnh hoạt động thông tin tuyên truyền, giới thiệu về các hoạt động	

		dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2015 tại các cơ quan, tổ chức, hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Cao Bằng năm 2022; Duy trì thực hiện công tác quản lý nhà nước về công nghệ, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ và hạt nhân; Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 93/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Cao Bằng về ban hành quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ hoạt động KH, CN & ĐMST trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2030. Tổ chức điều tra, khảo sát các đối tượng tham gia vào hệ thống quản lý thông tin, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tỉnh Cao Bằng; Kiểm định, hiệu chuẩn 395 phương tiện đo (PTTD) các loại. Đẩy mạnh hoạt động thông tin tuyên truyền, giới thiệu về các hoạt động KH & CN trên các phương tiện thông tin đại chúng. Tiếp tục triển khai thực hiện 02 dự án đầu tư công trong lĩnh vực KH & CN.	KH & CN trên các phương tiện thông tin đại chúng. Tiếp tục triển khai thực hiện 02 dự án đầu tư công trong lĩnh vực KH & CN". <i>Lý do:</i> Đây là nhiệm vụ thường xuyên thuộc chức năng, nhiệm vụ của Sở KH & CN.	
14	Sở Công thương (Công văn số 1580/SCT-KHTCTH ngày 18/10/2022)	- Dự thảo Tờ trình ban hành Nghị quyết: Không có ý kiến góp ý - Dự thảo Nghị quyết: đề nghị chỉnh sửa phần Thủy điện tại trang 18, mục IV. Các định hướng nhiệm vụ chủ yếu, lĩnh vực sản xuất công nghiệp năm 2023 như sau: "Năm 2023: "Xây dựng hoàn thành nhà máy Thủy điện Hồng Nam. Đôn đốc các nhà máy thủy điện Pác Khuổi, Khuổi Luông xây dựng hoàn thành theo tiến độ. Khởi công xây dựng mới các dự án thủy điện Bảo Lạc A, Thượng Hà, Bản Ngà, Bản Riễn. Tăng cường công tác kiểm tra giám sát ngành điện, đảm bảo hệ thống điện vận hành an toàn, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu sử dụng điện cho sản xuất tiêu dùng." + Đề nghị chỉnh sửa số liệu tại Biểu 02: Các chỉ tiêu về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2023, phần B. Công nghiệp.	Đã tiếp thu, chỉnh sửa. - Sở Công thương đã có văn bản rà soát lại các chỉ tiêu theo ý kiến của Cục Thống kê tỉnh Cao Bằng (CV 1626/SCT-KHTCTH)	

15	UBND thành phố (Công văn số 2493/UBND-TCKH ngày 19/10/2022)	- Nhất trí với nội dung dự thảo Nghị quyết về Kế hoạch phát triển KTXH năm 2023 tỉnh Cao Bằng		
16	Sở Thông tin và Truyền thông (Công văn số 1290/STTTT-VP ngày 19/10/2022)	- Nhất trí với các nội dung dự thảo và không có ý kiến gì thêm		
17	Kho bạc tỉnh Cao Bằng (Công văn số 660/KHCB-KSC ngày 18/10/2022)	- Nhất trí với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển KTXH năm 2023 tỉnh Cao Bằng		
18	Sở Nội vụ (Công văn số 2376/SNV-VP ngày 18/10/2022)	- Nhất trí với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển KTXH năm 2023 tỉnh Cao Bằng		
19	UBND huyện Bảo Lạc (Công văn số 1527/UBND-TCKH ngày 20/10/2022)	- Nhất trí với nội dung dự thảo, không có ý kiến gì thêm.		
20	Sở Giao thông vận tải (Công văn số 2666/SGTVT-KHKT&QLGT ngày 18/10/2022)	- Đối với biểu số liệu (Biểu số 3) + Đề nghị bỏ chỉ tiêu " <i>Số xã và tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm</i> ". Nguyên nhân: do từ năm 2013, toàn tỉnh đã có 199/199 xã có đường ô tô đến trung tâm xã đi lại được 4 mùa, sau năm 2020, thực hiện sáp nhập huyện và xã còn 161 xã, tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm xã không thay đổi (đạt 100%) nên không cần đề chỉ tiêu này.	- Không tiếp thu. Lý do: Tại QĐ số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025 có chỉ tiêu: " <i>Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm</i> ". Đối với chỉ tiêu này tuy đã đạt 100% nhưng cần thiết vào Kế hoạch	

		+ Tỷ lệ chiều dài các tuyến đường huyện, đường xã được nhựa hóa/bê tông hóa mặt đường: Nhất trí theo dự thảo KH năm 2023 là 82,5%, phù hợp với mục tiêu Đề án phát triển GTNT giữa giai đoạn 2021-2025. + Tỷ lệ xã có đường đến trung tâm xã được nhựa hóa/bê tông hóa: Đề xuất là 99,38% (160/161 xã), do hết năm 2022 đạt 159/161 xã (98,76%), đường đến xã Đức Hạnh (Bảo Lâm) đã thi công và sẽ hoàn thành trong năm 2023, còn xã Vĩnh Phong (Bảo Lâm) chưa có kế hoạch thi công nên khó hoàn thành trong năm 2023. - Các nhiệm vụ, giải pháp về hạ tầng phát triển giao thông năm 2023 trên địa bàn tỉnh nói chung: Nhất trí như dự thảo	phát triển KTXH 2023 làm chỉ tiêu duy trì kết quả đạt được. - Tiếp thu. - Tiếp thu, đã chỉnh sửa.	
21	Ban Quản lý khu kinh tế số (Công văn 1651/BQL.KKT-KHTH ngày 18/10/2022)	1. Đối với dự thảo về Kế hoạch KTXH năm 2023: - Tại mục 2.4. Công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch, xây dựng (trang 5) bổ sung nội dung: “hoàn thành Đề án quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng đến năm 2040 đã được phê duyệt tại Quyết định số 295/QĐ-TTg ngày 02/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ”. - Tại mục I. Bối cảnh kế hoạch phát triển KTXH năm 2023 (trang 15): nội dung “phần đầu hoàn thành mục tiêu của các kế hoạch 5 năm 2021-2030” đề nghị sửa lại là “5 năm 2021-2025”. - Tại mục 4. Công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch, xây dựng (trang 20): đề nghị chỉnh sửa như sau: trình bày lặp lại 2 lần nhiệm vụ Hoàn thành “Đề án quy hoạch phân khu các khu vực cửa khẩu thuộc đồ án Quy hoạch chung Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng” vì thế đề nghị sửa lại cho phù hợp. Đồng thời chỉnh sửa lại cụm từ là “Hoàn thành	Tiếp thu, đã chỉnh sửa	

		<i>lập quy hoạch phân khu các khu vực cửa khẩu Tà Lùng, Trà Lĩnh thuộc Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng¹</i>”. 2. Đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND: đề nghị chỉnh sửa như nội dung trên.		
22	Sở Y tế (Công văn số 4875/SYT-KHTC ngày 19/10/2022)	Tại trang 24, mục 11 (Y tế, phòng chống dịch COVID-19) Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2023 “<i>Tăng cường giám sát tích cực chủ động bệnh truyền nhiễm gây dịch tại các cơ sở y tế và cộng đồng...</i>” đề nghị chỉnh sửa thành “<i>Tăng cường giám sát tích cực chủ động phòng chống bệnh truyền nhiễm gây dịch tại các cơ sở y tế và cộng đồng</i>”	Tiếp thu, đã chỉnh sửa	
23	Sở Giáo dục và Đào tạo (Công văn số 1861/SGD&ĐT-KH ngày 18/10/2022)	- Đối với dự thảo Kế hoạch phát triển KTXH năm 2023: tại mục 2.10. Giáo dục và Đào tạo (trang 9) đề nghị chỉnh sửa “<i>tổ chức thành công, an toàn kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2022-2023 và kỳ thi tốt nghiệp THPT năm học 2021-2022</i>” thành “<i>tổ chức thành công, an toàn kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2022-2023 và kỳ thi tốt nghiệp THPT năm học 2022</i>” - Đối với Biểu số 3. Các chỉ tiêu về kinh tế xã hội, đề nghị chỉnh sửa lại theo số liệu sau: “Năm học 2022: Tổng số học sinh đầu năm học là 132.651 học sinh + Mầm non: 32.950 (4.353 trẻ nhà trẻ, 28.597 trẻ mẫu giáo) + Tiểu học: 52.410 học sinh + Trung học cơ sở: 33.242 học sinh + Trung học phổ thông: 14.049 học sinh Năm 2023: Tổng số học sinh đầu năm học là 135.300 học	Tiếp thu, đã chỉnh sửa.	

¹ UBND tỉnh đã cho chủ trương tại Công văn số 2093/UBND-KT ngày 15/8/2022

		sinh + <i>Mầm non: 33.500 (5.500 trẻ nhà trẻ, 29.000 trẻ mẫu giáo)</i> + <i>Tiểu học: 52.000 học sinh</i> + <i>Trung học cơ sở: 35.000 học sinh</i> + <i>Trung học phổ thông: 14.800 học sinh"</i>		
24	Sở Tài chính (Công văn số 2369/STC-QLNS ngày 17/10/2022)	- Điều chỉnh số liệu tại các Biểu 1: Chỉ tiêu số 6, 7, 8. - Nội dung dự thảo Kế hoạch tại tiểu mục 2.6 mục 2 Phần II (trang 7): nội dung " <i>Ước chi ngân sách nhà nước năm 2022 đạt 11.380 tỷ đồng, bằng 92,75% dự toán Trung ương giao, trong đó chi thường xuyên là 7.706 tỷ đồng, bằng 100% dự toán Trung ương giao</i> " đề nghị sửa lại " <i>Ước chi ngân sách nhà nước năm 2022 đạt 11.380 tỷ đồng, bằng 107% dự toán Trung ương giao, trong đó chi thường xuyên là 7.706 tỷ đồng, bằng 106% dự toán Trung ương giao</i> "	Đã tiếp thu chỉnh sửa.	
25	Sở Nông nghiệp và PTNT (Công văn số 2265/SNN-KHTC ngày 18/10/2022)	1. Tại dự thảo Nghị quyết - trang 2, Chỉ tiêu về kinh tế: Chỉ tiêu (13) Số xã được công nhận đạt tiêu chí nông thôn mới tăng thêm đạt 5 xã trở lên. Đề nghị thay đổi thành 03 xã. - Các chỉ tiêu trong Tờ trình và kế hoạch phát triển KTXH năm 2023 của UBND tỉnh đề nghị sửa đổi tương tự.	- Đã tiếp thu, chỉnh sửa. <i>Theo QĐ số 867/QĐ-UBND ngày 8/7/2022 Quyết định Về việc phê duyệt danh sách các đơn vị cấp huyện phân đầu đạt chuẩn nông thôn mới, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, các xã phân đầu đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025. Trong năm 2023 sẽ phân đầu số</i>	

		2. Tại dự thảo Kế hoạch phát triển KTXH năm 2023 của UBND tỉnh - Tại trang 2. Chỉ tiêu về kinh tế: “Tốc độ tăng trưởng GRDP nông, lâm, ngư nghiệp tăng 2,74%”. Đề nghị sửa đổi thành “<i>Tốc độ tăng trưởng GRDP nông, lâm ngư nghiệp ước tính tăng 3,07%</i>”. <i>Lý do:</i> Trong năm 2022 năng suất, sản lượng của các cây trồng chính chiếm tỉ trọng lớn và có giá trị kinh tế cao của tỉnh như: Ngô, lúa, thuốc lá, sắn, mía, qua báo cáo của UBND các huyện, thành phố đều tăng so với cùng kỳ năm 2021. Đặc biệt tổng sản lượng lương thực có hạt cả năm ước đạt 297 nghìn tấn, tăng 6.8 nghìn tấn so với năm 2021. Do vậy, ngành nông nghiệp ước tính tốc độ tăng trưởng năm 2022 đạt Kế hoạch đề ra. - Tại trang 3.2.1. Lĩnh vực sản xuất nông, lâm nghiệp và xây dựng nông thôn mới: Dự thảo ghi: “<i>Tổng sản lượng lương thực (lúa, ngô) ước đạt 293 nghìn tấn, đạt 105%KH, tăng 1% so với cùng kỳ 2021</i>” đề nghị chỉnh sửa thành “<i>Tổng sản lượng lương thực (lúa, ngô) ước đạt 297 nghìn tấn, đạt 106,6% KH, tăng 2,3% so với cùng kỳ năm 2021</i>”. 3. Tại biểu Kế hoạch phát triển KTXH năm 2023 - Sở nông nghiệp và PTNT đã chỉnh sửa, bổ sung một số số liệu liên quan đến tốc độ tăng trưởng và giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản; kết quả phát triển sản xuất của các loại cây trồng năm 2022, kế hoạch năm 2023 theo số liệu báo cáo của UBND các huyện, thành phố và tính toán của ngành nông nghiệp xây dựng	xã được công nhận đạt tiêu chí nông thôn mới tăng thêm 03 xã; năm 2024 sẽ phấn đấu đạt 17 xã; năm 2025 phấn đấu đạt 31 xã. Đã tiếp thu chỉnh sửa - Không tiếp thu. Lý do: Sử dụng số liệu tại CV số 1161/TCTK-TKQG ngày 02/8/2022.	
--	--	--	---	--

		- Đối với số liệu, chỉ tiêu năm 2021 và ước thực hiện năm 2022, đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ, cập nhật bám sát vào số liệu của Cục Thống kê tỉnh đã ban hành.	- Đã tiếp thu, chỉnh sửa	
			- Đã cập nhật, bổ sung số liệu	
26	Ngân hàng Nhà nước (Công văn số 791/CAB-TH ngày 20/10/2022)	Nhất trí với nội dung Dự thảo		
27	UBND huyện Hòa An (Công văn số 1617/UBND-TCKH ngày 19/10/2022)	Nhất trí với nội dung Dự thảo		
28	Sở Lao động – Thương binh và xã hội (CV số 1662/SLĐTĐBXH-KHTC ngày 18/10/2022)	- Tại điểm 3.9. Văn hóa, xã hội: Các nội dung liên quan đến văn hóa, giáo dục nêu quá chi tiết nên viết gọn lại, cụ thể: “<i>Đẩy mạnh tạo việc làm tại chỗ thông qua các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội và các giải pháp đột phá về phát triển kinh tế, du lịch-dịch vụ, kết cấu hạ tầng theo hướng bền vững, nâng cao chất lượng việc làm, phát triển thị trường lao động, làm tốt công tác dự báo, kết nối cung-cầu lao động với các tỉnh trong khu vực và cả nước; tăng cường hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm; nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Thực hiện đầy đủ chính sách Người có công, bảo trợ xã hội; Tập trung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 đạt hiệu quả</i>”. - Chỉnh sửa một số chỉ tiêu số liệu tại biểu số 03.	Đã tiếp thu chỉnh sửa bổ sung.	

29	Sở Văn hóa, thể thao và du lịch (Công văn số 1143/SVHTTDL-VP ngày 18/10/2022)	1. Đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh - Tại trang 2, chi tiêu văn hóa – xã hội, mục (10) đề nghị chỉnh sửa: “Tỷ lệ gia đình văn hóa duy trì 85%; tỷ lệ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa duy trì 95%; tỷ lệ khu dân cư văn hóa 58%”. - Đề nghị chỉnh sửa nội dung thuộc mục 3.3. Thương mại, dịch vụ, du lịch (trang 4.5) như sau: “Tập trung thu hút các nhà đầu tư chiến lược, xây dựng hạ tầng theo hướng đồng bộ đa chức năng tại 03 di tích quốc gia đặc biệt, các danh thắng quốc gia, vùng CVĐC toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng gắn với bản sắc văn hóa dân tộc. Phát triển các sản phẩm, loại hình du lịch bền vững (du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái); khuyến khích sản xuất các sản phẩm lưu niệm, sản vật địa phương; thúc đẩy phát triển nền ẩm thực Cao Bằng. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin; thực hiện việc số hóa các tài liệu hiện vật, ấn phẩm du lịch; phát triển, hoàn thiện cơ sở vật chất phục vụ tuyên truyền, quảng bá du lịch; nghiên cứu triển khai các hoạt động mới, đa dạng (hội thi, hội nghị, hội thảo, lễ hội du lịch); tăng cường các hoạt động hợp tác, trao đổi kinh nghiệm trong nước và quốc tế. Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ du lịch; các hội thi tay nghề; các đoàn học tập kinh nghiệm phát triển du lịch. Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 78/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về ban hành Quy định về Chính sách hỗ trợ phát triển Du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến năm 2025; tiếp tục nghiên cứu, xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển du lịch. Tích cực tuyên truyền bằng nhiều hình thức về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch. Tăng cường kiểm tra công tác quản lý, điều hành tại các khu, điểm, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch. Triển khai Kế hoạch xây dựng và phát triển CVĐC toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng giai đoạn 2023-	Đã tiếp thu chỉnh sửa	
----	---	---	-----------------------	--

		2026”. 2. Đối với thuyết minh Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 - Chính sửa số liệu chỉ tiêu văn hóa-xã hội, mục (10) - trang 2: “Tỷ lệ khu dân cư văn hóa đạt 57% (đạt KH)”. - Chính sửa nội dung chỉ tiêu văn hóa-xã hội năm 2023, mục 10 (trang 17): “Tỷ lệ gia đình văn hóa duy trì 85%; tỷ lệ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa duy trì 95%; tỷ lệ khu dân cư văn hóa 58%”. - Cập nhật số liệu phần Dịch vụ du lịch tại trang 4.5 - Chính sửa nội dung tại trang 20 3. Chính sửa, bổ sung số liệu tại Biểu Kinh tế xã hội năm 2023.		
30	UBND huyện Nguyên Bình CV số 2232/UBND-TCKH ngày 21/10/2022	Nhất trí với nội dung Dự thảo		
31	Ủy ban MTTQ CV số 1674/MTTQ-BTT ngày 27/10/2022	Nhất trí với nội dung Dự thảo, không có ý kiến bổ sung		

Nơi nhận:

- Hội đồng nhân dân tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Lưu VT, THQH.

**GIÁM ĐỐC****Bế Xuân Tiến**